



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

**Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYỄN THÙY**

Phát hành vào đầu mỗi tháng

**TỔNG BIÊN TẬP**

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự  
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

**PHÓ THƯ KÝ**

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

**TRÌNH BÀY**

TN. Quang Minh  
Khánh Dương

**PHÁT HÀNH**

Liên hệ: Tòa soạn  
ĐT: (08) 37290248

**TÒA SOẠN**

Chùa Bửu Quang  
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,  
Q. Thủ Đức, TP. HCM  
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370  
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

số 760/GP-BTTTT  
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

**CHẾ BẢN VÀ IN TẠI**

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng  
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: HT. Thích Minh Châu tại Ấn Độ vào thập niên 60 thế kỷ trước - ảnh internet

# Trong số này

## 1. TIÊU ĐIỂM

- Tiệc thương cổ HT Thích Minh Châu - Trần Văn Khê **03**
- Nhà phiên dịch kinh tạng Pali - Khải Thiên **06**
- Lời tưởng niệm của TW GHPGVN **07**
- Tiểu sử cổ Trưởng lão Thích Minh Châu **09**
- Nhà Phật và Nhân quyền - HT Bửu Chơn **15**
- Nén tâm hương HT Hộ Tông **17**

## 2. KINH TẠNG

- Kinh Song tâm - HT. Thích Minh Châu **18**

## 3. LUẬT TẠNG

- Luật giới bổn - Đức Hòa **19**

## 4. THIỀN HỌC

- Bệnh tâm thần và Thiền định - Mỹ Thanh **21**

## 5. LUẬN TẠNG

- Lộ trình sắc Pháp - TK. Pasādo **24**

## 6. VĂN HÓA

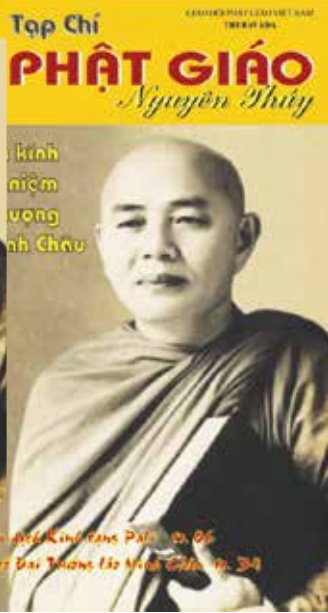
- Các nhà chiêm bái - Hoa Cúc **25**
- Câu chuyện bà Visakha - Indachanda **28**

## 7. ĐỐI THOẠI

- Nhạc sĩ Quý Luân - Chơn Minh **30**

## 8. SUY NGẪM

- Ba người Thầy vĩ đại - Huyền Trang **32**



## 9. VĂN THƠ

- Thi điệu - Triều Tâm Ảnh **34**
- Lòng Thành - Tạ Văn Trung **36**
- Hạt cát - Lê Quang Trọng **36**
- Về ngược thời gian - Lê Quang Trọng **36**

## 10. PHẬT GIÁO BỐN PHƯƠNG

- Phật giáo tại Sri Lanka - Phạm Kim Khánh **37**

## 11. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG

- Không có thần linh trong đạo Phật - Chánh Pháp Thịnh **39**
- Kinh giáo giới La Hầu La - ĐĐTS. Thiện Minh **41**
- Bối cảnh xã hội - HT Thích Nguyên Hiền **45**

## 12. VĂN HỌC PĀLI

- Alahán Kisa Gotami - BS Hồ Hồng Phước **48**

## 14. ẨM THỰC - DƯỢC THẢO

- Nhu cầu ăn uống và thức ăn - theo nguocaotuoai **51**

## 15. THEO DÒNG

- 53**





# Tiệc thương cố Hòa thượng Thích Minh Châu

**GSTS. Trần Văn Khê**



*Đàm đạo với Hòa thượng Viện trưởng sau buổi thuyết trình*



*Tổng Thống Ấn Độ trao bằng tiến sĩ cho HT. Thích Minh Châu tại đại học Bihar.*



*HT. Thích Minh Châu hội kiến Giáo Hoàng tòa thánh Vatican La Mã.*



*H.T Minh Châu kính thăm Bổn sư (Đức Tăng Thống Tịnh Khiết) tại Cổ Đô Huế.*



*(Giáo sư Trần Văn Khê và cố HT Thích Minh Châu tại buổi tọa đàm, ảnh chụp năm 1974 tại đại học Vạn Hạnh - tư liệu của tác giả).*

Mặc dầu biết rằng Hòa thượng Minh Châu sức rất yếu, tuổi rất cao, lại thân bệnh không còn sinh hoạt được như xưa, thì việc thầy viên tịch là lẽ thường của sanh tử. Nhưng khi nghe tin thầy tử nay đã vĩnh viễn ra đi, không còn có thể đến thăm thầy tại thiền viện Vạn Hạnh nữa, tôi cảm thấy nhói tim mà không cầm được giọt lệ. Trong giây phút bồi hồi, xúc động tâm trí đưa tôi quay ngược dòng thời gian trở về thời quá khứ, lúc tôi mới bắt đầu gặp và biết đến thầy năm 1965 tại Valras Plage (Pháp quốc). Tôi hết sức ngạc nhiên khi nghe báo tin thầy Minh Châu - một vị cao tăng của nước Việt Nam đặc biệt đến gặp tôi tại Valras vì có việc rất cần, muốn tìm tôi để cùng thảo luận...

Trong lúc đang bận rộn rất nhiều việc ở Trung tâm Nghiên cứu khoa học Pháp và Hội đồng Quốc tế Âm nhạc thuộc UNESCO, công việc lại không có liên quan đến những Phật sự của Phật giáo, bản thân tôi cũng không phải là Phật tử, cho nên tôi không



*Cô Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm HT. Thích Minh Châu (06/2008)*



*HT. Miyagi Tainen (Nhật Bản) chia sẻ niềm xúc động khi gặp lại Đại lão HT. Thích Minh Châu*



*Với Thiền Sư Thích Nhất Hạnh tại TV. Vạn Hạnh TP. HCM*



*HT. Thích Minh Châu ở Triều Tiên*



*Với GS. Lê Mạnh Thát (bìa phải)*

hiểu có việc gì quan trọng mà một vị thầy lớn như thầy Minh Châu lại tìm đến tận nước Pháp xa xôi này. Khi gặp mặt, thầy Minh Châu cho tôi biết rằng thầy sắp lập một Viện Đại học Vạn Hạnh, mà trong đó thầy định sẽ có một khoa về Việt Nam học (chuyên dạy về văn hóa Việt Nam) song song với việc giảng dạy Phật học cho hàng Tăng Ni, Phật tử. Thầy muốn mời tôi về cộng tác với thầy và đảm nhiệm việc giảng dạy Âm nhạc truyền thống tại viện này. Tôi rất cảm động khi nhớ lại hình ảnh thầy Minh Châu không hề quản ngại gian khổ, lặn lội đường xa hàng ngàn cây số, bay từ Việt Nam sang Paris, rồi từ Paris phải đổi 2 lần xe lửa đến Valras Plage để tìm một người cộng sự mà thầy nghĩ là đặc lực, ngỏ lời mời tôi về dạy học tại Việt Nam. Tôi rất kính phục việc làm của thầy Minh Châu, không những lo nghĩ cho việc giáo dục - đào tạo về Phật học mà còn lo nghĩ về vấn đề văn hóa dân tộc, muốn tinh thần dân tộc luôn luôn song hành cùng đạo pháp. Tuy nhiên, trong thời điểm đó, từ việc nghiên cứu âm nhạc đến việc giao dịch quốc tế trong lãnh vực âm nhạc của tôi đang tiến triển rất tốt, và một khi công việc của tôi được giới chuyên môn nhìn nhận, thì tôi sẽ có cơ hội để góp tiếng nói của mình giới thiệu âm nhạc dân tộc Việt Nam một cách hữu hiệu, đồng thời có thể góp phần làm cho thế giới hiểu được giá trị văn hóa Việt Nam. Thầy Minh Châu nghe vậy rất thông cảm với ý định của tôi là không về Việt Nam được trong lúc này.

"Tôi vô cùng xúc động trước những đối xử với tôi hết sức đặc biệt và nồng hậu..." - GS.TS Trần Văn Khê nhớ lại.

Tuy vẫn tiếp tục ở bên Pháp, nhưng năm 1967, khi Nhà xuất bản Labergerie muốn thực hiện một Bách khoa Từ điển về "Âm nhạc tôn giáo trên thế giới", trong nước ta lại đang thời kỳ chiến tranh nên không có một chuyên gia nào đồng ý gởi một bài về âm nhạc tôn giáo tại Việt Nam, thì tôi được Ban Biên tập khẩn khoản yêu cầu tôi viết một bài về âm nhạc Phật giáo để Việt Nam có thể góp mặt với các quốc gia khác trong từ điển. Ngoài sự giúp đỡ trực tiếp của hai thầy Thích Nhất Hạnh và Thích Thiện Châu đang có mặt tại Paris, còn có sự giúp đỡ từ phía Việt Nam của thầy Thích Minh Châu khi thầy yêu cầu Ban Nghiên cứu Đại học Vạn Hạnh gởi cho tôi những tư liệu về nghi lễ Phật giáo.

Đến năm 1974, khi có dịp ghé lại đất nước Việt Nam trong lúc đi dự hội nghị bên Úc châu, tôi đã được thầy Minh Châu mời thuyết trình về "Âm nhạc truyền thống dân tộc Việt Nam" tại Đại học Vạn Hạnh, cùng với sự tham dự của các vị tu sĩ, nhân sĩ trí thức và báo giới Saigon lúc bấy giờ. Lần đó, tôi được đích thân thầy Minh Châu trao tặng món quà kỷ niệm và



mời tôi cùng uống trà đàm đạo sau buổi diễn thuyết.

Trong câu chuyện trà đàm với thầy Minh Châu, tôi mới bắt đầu biết thêm về quá trình tu tập của thầy, từ lúc thầy sang Ấn Độ du học và đỗ bằng tiến sĩ Phật học, cùng ý định của thầy phiên dịch từ tiếng Pali sang tiếng Việt những bộ Kinh tạng Phật giáo có giá trị cao.

Trong những lần đi dự hội nghị quốc tế về Phật học, có lẽ thầy thường nhắc tới tôi như một người bạn thân nên khi sang Mông Cổ với tư cách Trưởng đoàn Hội đồng Quốc tế Âm nhạc, sau khi tiếp tôi thì Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học tại Ulan Bator có nhờ tôi chuyển giao tới thầy Minh Châu lời thăm hỏi nồng hậu mà nói rằng: "Tôi biết rằng Giáo sư là một người bạn thân của Hòa thượng Thích Minh Châu nên tôi nhờ Giáo sư chuyển lời hỏi thăm của tôi đến Hòa thượng".

Sau khi nước nhà thống nhất, mỗi năm tôi đi điền dã về nước đều có đến thăm thầy Minh Châu để nói qua kết quả tôi đã thu thập được trong mỗi việc làm của mình. Thầy Minh Châu rất quan tâm. Đến khi tôi ngó ý muốn dựng lại một nghi lễ cúng ngộ đúng theo phong cách Phật giáo miền Trung thì thầy Minh Châu sẵn sàng liên hệ một dàn nhạc biết biểu diễn Đại nhạc, Tiểu nhạc theo phong cách cung đình Huế và đích thân thầy Minh Châu chủ lễ. Thầy đã phái thầy Tịnh Quang giải thích cho tôi tường tận mỗi bài tán, tụng được dùng trong nghi lễ và tôi được phép ghi âm, ghi hình tất cả thời cúng ngộ. Nhờ vậy mà tôi hiểu rõ chi tiết nội dung và ý nghĩa của thời cúng. Sau buổi làm việc, tôi được mời thọ trai với thầy Minh Châu tại chùa. Thầy Tịnh Quang tiếp tôi đến chiều để trả lời cho tôi về những điều tôi muốn biết trong nghi lễ Phật giáo.

Đến năm 1997, trong khóa đào tạo Tăng Ni sinh thứ IV của Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, với sự đề nghị của Ni sư Thích nữ Trí Hải, thầy Minh Châu tổ chức một buổi giảng đặc biệt của tôi về "Những nét đặc thù trong cách tán tụng theo nghi lễ Phật giáo miền Trung" cho tất cả Tăng Ni trong Học viện cùng tham gia. Có rất nhiều chư Tăng Ni, khách mời từ các chùa khác tới. Chính thầy Minh Châu chủ trì buổi giảng và giới thiệu tôi một cách rất nồng hậu.

Khi Hòa thượng Thích Thiện Siêu đến dưỡng bệnh tại Vạn Hạnh, tôi xin phép thầy Minh Châu được vào hậu liêu để gặp Hòa thượng thì thầy Minh Châu cùng đi theo tôi để nói chuyện với thầy Thiện Siêu. Cử chỉ của thầy làm cho tôi rất xúc động vì mỗi khi tôi có dịp đến thiền viện, thầy không bỏ qua một cơ hội để gặp gỡ và đàm đạo.

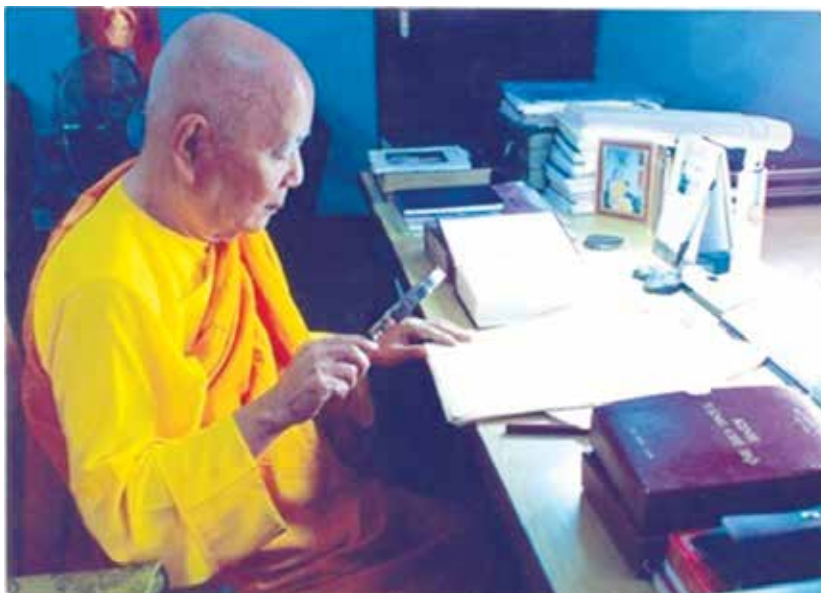
Khi Hòa thượng Thích Thiện Châu viên tịch, có một buổi lễ truy niệm Hòa thượng được tổ chức tại thiền viện Vạn Hạnh, tôi có đến dự nhưng lúc đó tôi từ Pháp về nên đến chùa mà vẫn mặc Âu phục. Trong chánh điện có bàn thờ để chính giữa với di ảnh của thầy Thiện Châu. Bên phải, chư Hòa thượng đều vận y phục chính tề. Phía bên trái, mấy hàng ghế dành cho đại diện chánh quyền và quan khách mặc Âu phục. Khi dự lễ, tôi ngồi vào hàng ghế dành cho những người khách mặc Âu phục, thì thầy Minh Châu liền cử một vị thị giả đến mời tôi sang bên hàng ghế dành cho chư Tăng để ngồi kế bên thầy. Tôi hơi ngại vì mình không phải là một tu sĩ Phật giáo, cũng không mặc y phục theo nghi lễ như quý thầy, nhưng thầy Minh Châu đã nói rằng: "Cái áo không quan trọng. Giáo sư là bạn thân của thầy Thiện Châu, lại là bạn thân của tôi, nên chỗ ngồi của Giáo sư phải là ở bên cạnh tôi". Tôi vô cùng xúc động trước những đối xử với tôi hết sức đặc biệt và nồng hậu...

Và gần đây nhất, vào ngày 20-10-2011, tại thiền viện Vạn Hạnh, nhân dịp khánh tuế lần thứ 94 của Hòa thượng Thích Minh Châu, tôi được mời tham dự buổi chiếu ra mắt bộ phim "Sen Vàng ngát Hương" nói về cuộc đời của thầy. Nhưng không ngờ rằng, lần đến Vạn Hạnh năm ngoái là lần mà thầy và tôi không gặp nhau, do sức khỏe quá kém. Và đến nay thì vĩnh viễn không còn gặp nữa...

Hôm nay nhớ lại những sự kiện đã qua, tôi không chỉ tiếc thương một vị cao tăng có đóng góp rất lớn cho Phật giáo Việt Nam, cho dân tộc Việt Nam mà còn nhớ thương một người bạn tuy không thường gặp nhau nhưng luôn quý trọng và hiểu nhau như những người tri âm tri kỷ. ■

Tin Sư Ông ra đi về cõi bất sinh đã dẹt nên những cơn bồi hồi, xúc động. Biết nói cái gì, và sẽ nói cái gì về một vầng ánh sáng chói lọi vừa lịm tắt? Càng cố nói về cái "rạng rỡ" thì càng trở nên vụng về! Nhưng vượt lên trên tất cả và vẫn còn hiện hữu nơi đây là tấm lòng tri ân sâu sắc đối với công trình dịch thuật Kinh tạng của Người. Lòng tri ân sâu thẳm đó vẫn âm ỉ trong tâm thức của những người từng có cơ duyên được học hỏi "triết lý giác ngộ"- một thứ triết lý nguyên thủy hàm chứa những kinh nghiệm chứng ngộ rất người của Đức Thế Tôn.

## Nhà phiên dịch Kinh tạng Pāli



Hòa thượng Thích Minh Châu - Nhà phiên dịch Kinh tạng Pāli đã đi vào huyền thoại

### Khải Thiên

thức ngôn ngữ vốn đã thấm sâu vào đời sống tâm linh của Phật tử Việt Nam.

Trong quá trình phiên dịch, Sư Ông phải bỏ rất nhiều công sức để đối chiếu, so sánh các bản kinh trong nhiều ngôn ngữ khác nhau, đặc biệt là Hán tạng, nhằm tìm ra những thuật ngữ Phật học mới mẻ, trong sáng. Phải nói rằng sự uyên thâm Nho học (chữ Hán) và Tây học (tiếng Anh và tiếng Pháp) cùng với sự sáng tạo cá nhân là những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên một phong cách ngôn ngữ đặc thù của tạng kinh Nikāya bằng tiếng Việt.

Dấu ấn đọng lại trong tạng kinh Nikaya bằng tiếng Việt này là những triết lý giản dị, trong sáng bên cạnh một hệ thống từ ngữ Phật học hiện đại (của những thập niên 70). Đây là những từ ngữ chuyên môn có những tương ứng về ý nghĩa cũng như những liên hệ về tư tưởng trong lịch sử Phật giáo, từ Nguyên thủy đến Phát triển.

Gần 50 năm rồi, các từ ngữ Phật học được dùng trong các bản kinh dịch này vẫn đóng vai trò nền tảng cho việc cắt nghĩa, giải thích, và phân tích tư tưởng Phật học.

### Công trình của sự nhẫn nại...

Đọc kinh Nikāya rất khó, dĩ nhiên, dịch kinh Nikāya lại càng khó hơn vạn lần. Cái khó ở đây không nằm ở khía cạnh văn học mà, theo lời Sư Ông kể, nó nằm ở sự nhẫn nại suy tư! Có lẽ, ngoại trừ những nhà phiên dịch cũng như những người chuyên tâm cầu đạo, không mấy ai có đủ kiên nhẫn để đọc cho hết một bản kinh từ đầu đến cuối mà không lướt qua những đoạn kinh khô khan, lặp đi, lặp lại. Nhưng đôi khi chính những đoạn ấy cứ mang những câu, chữ rất tinh tế.

Phiên dịch Kinh tạng Pali ở thời kỳ đầu tiên khi mà thuật ngữ Phật học bằng tiếng Việt còn rất khập khiễng quả là một thách thức cho người dịch. Hầu hết các từ, ngữ của bản dịch phải vận dụng khá nhiều thuật ngữ Hán - Việt - Việt hóa, một hình

### Khoảnh khắc "viên thành"...

Mười năm trước bảy lăm (1975) là thời kỳ vàng son của Đại học Vạn Hạnh. Đây là khoảng thời gian hình thành, (xem tiếp trang 20)



# Lời tưởng niệm của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Trước Giác linh đài cố Trưởng lão Hòa thượng (HT) Thích Minh Châu, Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN, HT. Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Phật giáo quốc tế TWGH, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Phó ban Thường trực Ban Lễ tang thay mặt Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đọc lời tưởng niệm. Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy trân trọng giới thiệu cùng Tăng Ni Phật tử, bạn đọc toàn văn của lời tưởng niệm này.

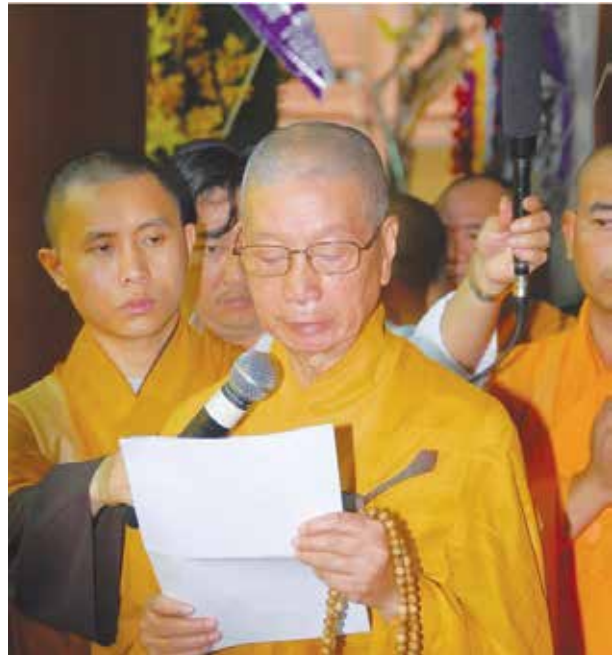
Trước khi cử hành lễ phụng tống kim quan Trưởng lão Hòa thượng nhập Bảo tháp, nơi an nghỉ ngàn thu của trần thế, chúng tôi xin được thay mặt Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài có đôi lời tưởng niệm.

Kính bạch Giác Linh Trưởng lão Hòa thượng,

Từ vùng đất địa linh nhân kiệt, xứ Nghệ An anh dũng, hào hùng, xứ học xứ hành sáng ngời khoa bảng, quê hương Hồ Chủ tịch kính yêu. Theo pháp giới duyên sinh vô tận, nơi duyên hải miền Trung xứ Quảng, nước sông Thu thao thao dòng diệu sử, dòng Hương Giang gió quyện hương tử, đất Thần kinh duyên lành kết trái, quy ngưỡng ba ngôi quý báu, trọn một lòng hộ đạo giúp đời, vẹn toàn công việc Hội An Nam Phật học. Rồi đến độ tâm hoa nở rộ, nhân duyên xuất tục đến kỳ, chùa Tường Vân thể phát bửu sư, sống đời phạm hạnh, chốn không môn chuyên tâm tu tập, ngày đêm nghiên tầm giáo điển, công phu công quả chuyên cần; chùa Báo Quốc cầu thọ Tam đàn, ngôi Tam bảo Tam tôn kế vị, giới thể châu viên, giới đức trang nghiêm như ngọc sáng, Đạo thể Viên Dung. Quả thật: "Nào ai biết được trời không ấy, một bậc chân nhân hiện giữa trần".

Trên bước đường trở thành bậc tri thức Phật học uyên thâm, sau hơn 10 năm xuất dương du học, trên diễn đàn học thuật bác học đa văn, Hòa thượng là một danh Tăng của Phật giáo Việt Nam và được thế giới hết lòng kính mộ, làm gạch nối, nhịp cầu giữa Phật giáo Việt Nam và các nước.

Qua những công hạnh kỳ vĩ, sự nghiệp to lớn, kho Tam tạng Phật giáo Nguyên thủy mà Hòa thượng đã



HT. Thích Trí Quảng đọc Lời tưởng niệm của Trung ương Giáo hội

dày công phiên dịch là cơ sở cho cho Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam nghiên cứu, tham học, trở về nguồn giáo lý như lời Phật dạy. Ngài đã có công lớn trong việc xây dựng Gia đình Phật tử Việt Nam; là bậc Thầy trong công tác Giáo dục của Phật giáo Việt Nam, là nhà Giáo dục mô phạm cho mọi thời đại. Có thể nói, Trưởng lão Hòa thượng đã đào tạo được nhiều thế hệ Tăng Ni tài đức, Phật tử hữu danh, có ích cho Đạo lần đời, hiện đang phục vụ các cấp Giáo hội từ Trung ương đến địa phương, trong nước và nước ngoài, góp phần xây dựng và phát triển Phật giáo Việt Nam qua từng thời đại, để cho "Hoa đời hoa đạo đua nhau nở, mãi mãi ngàn sau vẫn ngát hương".

Với ân đức uy nghiêm, đạo tâm trác thế, trí tuệ viên dung, tông lâm thạch trụ, bậc mô phạm cho đàn hậu học, cho nên mỗi lời pháp của Trưởng lão Hòa thượng là khơi nguồn trí huệ, mỗi việc làm của Trưởng lão Hòa thượng mở lối tương lai, mỗi cử chỉ của Trưởng lão Hòa thượng là thể hiện sự khoan dung độ lượng, lòng từ chan chứa. Trưởng lão Hòa thượng chính là hình ảnh giải thoát vô ngại, là lẽ sống muôn đời cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước học tập và



làm theo. Như Cổ đức đã nói: "*Nước chảy theo khe nào có ý. Mây tuông đỉnh núi vẫn vô tâm*".

Khi nước nhà thống nhất, giang sơn nối liền một dải, Bắc Nam sum họp một nhà, trong tinh thần hòa hợp, tứ chúng đồng tu, Trưởng lão Hòa thượng đã cùng chư Tôn đức các tổ chức, Hệ phái Phật giáo Việt Nam tiến hành sự nghiệp thống nhất Phật giáo cả nước, kế thừa truyền thống 2000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Với nhiều chức vụ trong Giáo hội, Hòa thượng đã dành nhiều tâm huyết, công sức để làm cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển trang nghiêm vững mạnh trên mọi phương diện, nhất là vị thế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được khẳng định trên trường quốc tế, thế giới biết đến Việt Nam, Phật giáo Việt Nam ngày càng rõ nét, quan hệ tốt đẹp hòa bình. Quả thật: "*Năm Châu bốn bể là huynh đệ. Chung sống bên nhau bảo vệ hòa bình*".

Trải qua nhiều nhiệm kỳ, hơn 60 năm hoạt động, qua các thời kỳ khác nhau của lịch sử và xã hội, Trưởng lão Hòa thượng đã có những cống hiến cao quý, là một trong những Trưởng lão Hòa thượng lãnh đạo cấp cao của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có những quyết sách, chiến lược tầm cỡ lâu dài, hoạch định chương trình hoạt động Phật sự mang tầm vóc quốc gia và quốc tế, tích cực tham gia vào việc xây dựng và phát triển đất nước, kế thừa truyền thống 2.000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Đối với sự nghiệp Giáo dục, với trách nhiệm đào tạo Tăng tài, tiếp dẫn hậu lai, truyền trì Phật pháp, chấn hưng Phật giáo nước nhà, Hòa thượng đã tham gia xây dựng và điều hành Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh, hệ thống Trường Bồ Đề trong cả nước. Hòa thượng mở Trường Cao cấp Phật học, Học viện Phật giáo Việt Nam và đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni tài đức, tích cực dẫn thân và kiên định trong chí nguyện phụng sự đạo pháp theo phương châm của Giáo hội. Rất nhiều thế hệ Tăng Ni, Phật tử là học đồ, môn đệ do Hòa thượng đào tạo, hoặc ảnh hưởng ân đức của Ngài, hiện nay đang đảm nhiệm nhiều trọng trách của các cấp Giáo hội, tiếp nối sự nghiệp mà Ngài đã dày công tạo dựng. Có thể nói, tinh thần và chủ trương Vạn Hạnh, con người Vạn Hạnh của Trưởng lão Hòa thượng mãi mãi trường tồn.

Thế hệ Tăng Ni, Phật tử hôm nay và mai sau là những người thừa hưởng sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam, thừa hưởng sự nghiệp văn hóa, giáo dục to lớn mà Trưởng lão Hòa thượng đã trọn đời góp công góp sức làm nên và để lại cho Giáo hội, xã hội như ngày hôm nay. Quả thật: "*Công ai đổ xuống đất này. Cho hoa Đạo pháp ngày ngày thêm tươi*". Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ luôn luôn tiếp tục phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu bằng cách sống, bằng hành động vì Đạo pháp phục vụ không biết mỏi mệt.

Trên ý nghĩa trang nghiêm, ngôi Tam bảo là trang nghiêm tịnh độ tại thế gian, báo Phật ân đức và báo đáp công ơn của Thầy Tổ, Hòa thượng đã nỗ lực trùng tu chốn Tổ chùa Tường Vân, khai sáng Thiền viện Vạn Hạnh để nơi đây xứng đáng là chốn phạm vũ huy hoàng tại nhân gian, là cơ sở của Giáo hội tại địa phương, nhất là cơ sở Học viện Phật giáo Việt Nam có tầm cỡ cho Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Theo lý vô thường có sinh có diệt, Trưởng lão Hòa thượng đã mãn nguyện Ta Bà, thuận lý vô thường, trở về cõi Niết bàn vô tung bất diệt. Sự ra đi của Trưởng lão Hòa thượng để lại một sự trống vắng to lớn, sự mất mát vô cùng cho Giáo hội, cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong nước cũng như ở ngoài nước, môn nhân đệ tử và học đồ. Song hành trạng, công đức và đạo hạnh của Hòa thượng vẫn còn sống mãi trong tâm tư, trong ký ức của Tăng Ni, Phật tử, các cấp Giáo hội, Môn đồ đệ tử và Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, nhất là trang sử vàng son của Phật giáo Việt Nam thời hiện tại.

Quả thật:

*Một mai thân xác tiêu tan  
Danh thơm vẫn ở thế gian muôn đời  
Pháp thân lồng lộng tuyệt vời  
Sáng soi Pháp giới, rạng ngời sử xanh.*

Trong giây phút nghìn thu vĩnh biệt, trước linh đài khói hương quỳện tỏa, chúng tôi thay mặt Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử có đôi lời tưởng niệm để vĩnh biệt bậc chân nhân sáng ngời gương đạo hạnh. Kính nguyện Giác linh Trưởng lão Hòa thượng bất vong nguyên lực, tái hiện đàm hoa, phát triển đạo vàng, quang vinh họ Thích; và xin đốt nén tâm hương cúng dường Giác linh Trưởng lão Hòa thượng để gọi là thể hiện mỗi tâm giao, tình Pháp lý đời đời trong Chính pháp, xin hứa sẽ tiếp tục thực hiện những sự nghiệp mà Trưởng lão Hòa thượng còn để lại, nhất là làm cho ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển vững mạnh, trang nghiêm trong lòng dân tộc như tâm nguyện của Trưởng lão Hòa thượng lúc sinh tiền.

Than ôi!

*Người xưa nay đã còn đâu  
Chỉ còn mây bạc lòng sầu tiếc thương  
Ra vào lòng dạ vẫn vương  
Nụ cười bất diệt, dư hương hoa tử.*

Cuối cùng,- trong ý nghĩa pháp giới duyên sinh vô tận, nơi Bảo tháp Vạn Hạnh trang nghiêm, thân tứ đại Trưởng lão Hòa thượng hãy an nghỉ cho ngàn thu vang bóng, pháp thân lồng lộng khắp mười phương, sẽ sống mãi trong lòng Pháp lý, trong tư duy cùng pháp giới viên dung.

Xin bái biệt Hòa thượng! ■



Ngày 2-9-2012, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã chính thức công bố văn bản tiểu sử Trưởng lão Hoà thượng Thích Minh Châu. Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy trân trọng giới thiệu toàn văn bản tiểu sử này.

# Tiểu sử Trưởng lão Hoà thượng THÍCH MINH CHÂU (1918-2012)

- Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Nguyên Đại biểu Quốc hội các khóa VII, VIII, IX và X
- Huân chương Hồ Chí Minh
- Huân chương Độc lập hạng Nhì
- Huân chương Đại đoàn kết
- Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Nguyên Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN
- Nguyên Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục GHPGVNTN
- Nguyên Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh
- Nguyên Viện trưởng sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Chủ tịch Hội đồng Phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam
- Nguyên Hiệu trưởng Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, Cơ sở I, chùa Quán sứ, Hà Nội
- Nguyên Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh
- Trụ trì tổ đình Tường Vân, TP. Huế, Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, TP. Hồ Chí Minh.



## A. THÂN THỂ

Hòa thượng họ Đinh, húy Văn Nam, là đệ tử của cố Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Đệ nhất Tăng thống GHPGVNTN, pháp danh Tâm Trí, tự Minh Châu, pháp hiệu Viên Dung, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1918 (Mậu Ngọ) tại làng Kim Thành (Quảng Nam); nguyên quán làng Kim Khê, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Thân phụ là cụ ông Đinh Văn Chắp và thân mẫu là cụ bà Lê Thị Đạt. Gia đình Hòa thượng có

11 người anh em, Hòa thượng là con trai thứ tư trong gia đình. Vốn sinh trưởng trong gia đình vọng tộc Nho gia, thân sinh của Hòa thượng đỗ Tiến sĩ Hoàng giáp năm 21 tuổi (khoa Quý Sửu 1913, niên hiệu Duy Tân thứ 7). Nhờ ảnh hưởng sâu đậm nền giáo dục của cụ ông từ bé, vì vậy Hòa thượng rất cần mẫn đèn sách, chăm chỉ học hành, trí tuệ phát triển sớm.

Năm 1939, Hòa thượng đỗ bằng cao đẳng tiểu học Đông Dương; năm 1940 Hòa thượng đỗ tú tài

toàn phần tại trường Khải Định - Huế (nay là trường Quốc Học); và cùng thời gian này, Ngài được bổ nhiệm làm Thư ký Tòa Khâm sứ tỉnh Thừa Thiên. Sau một năm làm việc tại đây, Hòa thượng thấy nhiều bất công trong khâu xét xử, người dân bị xử ép oan sai nên đã xin thôi việc.

## **B. THỜI KỲ TÌM HIỂU GIÁO LÝ ĐẠO PHẬT VÀ XUẤT GIA HỌC ĐẠO**

### **- Tìm hiểu giáo lý đạo Phật**

Năm 1932, Hội An Nam Phật học ra đời, phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung nở rộ. Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là nhà trí thức yêu nước cũng là một Phật tử được bầu làm Hội trưởng kiêm Chủ bút Tạp chí Viên Âm. Phong trào học Phật do Bác sĩ tổ chức có nhiều trí thức yêu nước tham gia như: Ngô Điền, Phạm Hữu Bình, Võ Đình Cường...

Hòa thượng cùng em trai là Đình Văn Vinh đến với phong trào học Phật từ năm 1936 do Bác sĩ Lê Đình Thám giảng và đảm nhiệm chức Chánh Thư ký của Hội. Kể từ đó, Hòa thượng gắn liền với Hội và là hạt nhân nòng cốt phát động phong trào yêu nước chống Pháp và phát động thanh niên tham gia học Phật. Hòa thượng là người đi đầu trong các phong trào này.

Lúc bấy giờ, trong tư cách là một Phật tử, bên cạnh cụ Hội trưởng Tâm Minh Lê Đình Thám, Hòa thượng đã hoạt động tích cực về nhiều mặt, giúp phát triển Phật sự của 17 Tỉnh hội Phật giáo miền Trung.

Trong phong trào Thanh niên nghiên cứu đạo Phật, Hòa thượng là một trong những người sáng lập Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục và Gia đình Phật hóa phổ (tên cũ của tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam sau này). Trong công cuộc chấn hưng Phật giáo từ cố đô Huế đến các tỉnh Trung Bộ, ngay từ buổi đầu Hòa thượng đã có nhiều cống hiến đáng kể như: vận động một số Phật tử hội viên của Hội quyên góp, bảo trợ cho Trường Phật học Báo Quốc, tông lâm Kim Sơn; lúc nạn đói dưới thời kỳ Nhật chiếm đóng, Ngài đã giúp sơ tán học tăng vào Nam Bộ và gửi gắm các nơi khác có điều kiện hơn...

### **- Xuất gia tu học**

Trong thời gian làm việc ở Hội quán, Hòa thượng đã học hỏi và thâm hiểu giáo lý Đại thừa từ Bác sĩ Lê Đình Thám cùng quý vị tôn túc trong sơn môn Thừa Thiên Huế; thời gian này, Ngài đã vào ở hẳn trong chùa Tường Vân và thực tập nếp sống thiền môn như điều chúng trong chùa. Cũng từ đó, Hòa thượng quyết chí xin xuất gia.

Năm 1946, Ngài đầu sư với Hòa thượng hựu thượng Trường hạ Thông, tự Chơn Thường, hiệu Tịnh Khiết (Đức Đệ nhất Tăng thống GHPGVNTN) tại tổ đình Tường Vân, thuộc làng Hạ I, xã Thủy Xuân, thành phố Huế và được bốn sư ban cho pháp danh là Tâm Trí. Trải qua những tháng ngày hầu thầy và chấp tác nặng nhọc tại tổ đình cũng như việc Hội, Hòa thượng không bao giờ trễ nãi. Người lúc ấy vừa là giảng sư, vừa là chú điều đang tập sự thực hành nếp sống thiền môn. Công đức đã đầy đủ, năm 1949 (Kỷ Sửu) Hòa thượng được bốn sư cho phép thọ Cụ túc giới tại Giới đàn Hộ Quốc chùa Báo Quốc do chính Hòa thượng bốn sư làm Đàn đầu. Trong Đại giới đàn này, Hòa thượng được Hội đồng Thập sư đặc cách cho thọ Tam đàn cụ túc và Hòa thượng bốn sư ban cho pháp tự Minh Châu, pháp hiệu Viên Dung. Sau khi đã nhập vào hàng Chúng trung tôn, Hòa thượng vẫn không ngừng sinh hoạt với Hội Phật học Trung Phần, chuyên cần diễn giảng Phật pháp khắp các chùa Hội, hướng dẫn các thanh thiếu niên của Gia đình Phật tử, đóng góp bài viết cho tạp chí Viên Âm, Từ Quang, Liên Hoa..., Chủ bút Tạp chí Tư Tưởng Vạn Hạnh. Năm 1951, khi Hội thành lập Trường Trung học Bồ Đề đầu tiên ở Huế thì Hòa thượng được mời giữ chức Hiệu trưởng.

Trong Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam ba miền được tổ chức tại chùa Từ Đàm năm 1951, Hòa thượng được cử là đại biểu tham dự chính thức.

## **C. XUẤT DƯƠNG DU HỌC**

Trong quá trình nghiên cứu Kinh Luật Luận Hán tạng, Hòa thượng thấy cách phiên âm các từ ngữ Pali, Sanskrit mỗi người mỗi khác, khiến bản văn trở nên khó hiểu. Từ đó, Hòa thượng xin phép bốn sư và Hội Phật học Trung Phần cho phép mình xuất dương tu học tại Sri Lanka và Ấn Độ về Kinh Luật Luận Pāli và Sanskrit, nguyện sau này về nước tiếp tục phiên dịch kinh điển làm phong phú kho tàng Tam tạng nước nhà.

Năm 1952, được sự chấp thuận của Giáo hội và Hòa thượng bốn sư, Hòa thượng xuất dương du học tại Sri Lanka, học Pāli và Anh văn tại Colombo. Năm 1955, Hòa thượng được Trường Đại học Tích Lan tặng bằng Pháp sư (Saddammariya). Sau đó, Hòa thượng sang Ấn Độ và theo học tại Nava Nalanda Mahavihara thuộc Đại học Bihar (Ấn Độ). Trong thời gian du học tại đây năm 1957, Hòa thượng đã gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân chuyến thăm Ấn Độ của Người.

Năm 1958, Hòa thượng liên tiếp đỗ các văn bằng cử nhân Pāli và Anh văn, đặc biệt lại đỗ thủ khoa M.A (cao học) về Pāli và Abhidhamma trên một số

đồng thí sinh Ấn Độ và nước ngoài đang theo học cùng khóa với Hòa thượng. Với luận án "So sánh tập Pāli Trung bộ Kinh với tập Trung A hàm chữ Hán" (The Chinese Madhyama gama and The Pali Majjhima Nikāya), tháng 9 năm 1961, Hòa thượng là người Việt Nam đầu tiên đỗ Tiến sĩ Phật học, Văn học Pāli tại Ấn Độ, được đích thân Tổng thống Ấn Độ thời ấy đứng ra trao văn bằng Danh dự và khen ngợi không ngớt về luận văn này. Năm 1962-1963, Hòa thượng được Đại học Bihar (Ấn Độ) mời ở lại giảng dạy tại đây. Trước khi về nước, Hòa thượng đã viết nhiều tác phẩm bằng tiếng Anh như: "Huyền Trang nhà chiêm bái và học giả"; "So sánh tập Pāli Milinda-Padha với tập Na-Tiên Tỳ-kheo chữ Hán"; "Pháp Hiển - nhà chiêm bái khiêm tốn". Năm 1964, Hòa thượng trở về nước tiếp tục trước tác và dịch thuật nhiều tác phẩm có giá trị cho hàng xuất gia và tại gia tu học.

## **D. THỜI KỲ VỀ NƯỚC HÀNH ĐẠO**

### **I. Công tác hoằng pháp**

Tháng Tư năm 1964, sau khi trở về nước, Hòa thượng đã đem khả năng của mình để ứng dụng vào Phật sự như phiên dịch Kinh tạng, mở Trường Đại học Vạn Hạnh v.v... ngõ hầu báo đáp thâm ân Phật tổ. Vì thế, Hòa thượng đã tuần tự được mời giữ các chức vụ: Phó Viện trưởng Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn (1964-1965), Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Văn hóa và Giáo dục (GHPGVNTN, 1966-1975).

Năm 1975-1976..., sau khi nước nhà thống nhất, Hòa thượng đã bàn giao Viện Đại học Vạn Hạnh cho Bộ Giáo dục quản lý. Sau đó, Hòa thượng trở về cơ sở II ở Phú Nhuận thành lập Phật học viện Vạn Hạnh, nơi đây Hòa thượng đã tập trung vào việc tiếp tục phiên dịch toàn bộ Kinh tạng Pāli sang Việt ngữ. Ngoài ra, Hòa thượng cũng dành nhiều thời giờ để nhiếp hóa đồ chúng và dạy Phật pháp cho tín đồ. Và cũng từ cơ sở này, lần đầu tiên sau ngày thống nhất đất nước, Hòa thượng mở lớp dạy Phật pháp cho Phật tử sau giờ tan sở và đề xuất với Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh giảng pháp vào sáng Chủ nhật hàng tuần cho Tăng Ni, Phật tử. Các buổi giảng đầu tiên là ở chùa Ấn Quang, Xá Lợi với các ngài Đôn Hậu, Thiện Châu... Hòa thượng cũng tham gia thuyết giảng. Từ đó, phong trào học Phật và nghe giảng pháp sáng Chủ nhật hàng tuần được lan rộng.

### **- Vận động thống nhất Phật giáo**

Năm 1980, Hòa thượng cùng chư tôn Hòa thượng Thích Trí Thủ, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Thiện Hòa, Hòa thượng Thích

Thiện Châu, Hòa thượng Thích Từ Hạnh, Hòa thượng Thích Hiện Pháp cùng với các cư sĩ Nguyễn Hữu Thiện, Nguyễn Văn Chế, Võ Đình Cường, Tống Hồ Cầm ở phía Nam; chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa ở phía Bắc thành lập Ban Vận động Thống nhất Phật giáo nước nhà. Hòa thượng làm Chánh Thư ký Ban Vận động. Đến năm 1981, GHPGVN được thành lập, Hòa thượng được Đại hội suy cử giữ chức Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký GHPGVN liên tiếp ba nhiệm kỳ I, II và III (1981-1997).

### **- Đại biểu Quốc hội**

Với uy tín của mình trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh, nên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã giới thiệu Hòa thượng ra ứng cử đại biểu Quốc hội tại đơn vị thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 5 năm 1981-2002, Hòa thượng là đại biểu Quốc hội 4 khóa liên (từ khóa VII đến khóa X), và cũng trong thời gian này Hòa thượng được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học Xã hội TP. Hồ Chí Minh.

Năm 1989, Hòa thượng kiến nghị với Giáo hội xin phép Nhà nước cho phép thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Khi Viện Nghiên cứu được thành lập, Hòa thượng được Giáo hội cử làm Viện trưởng. Hai năm sau (1991) Hòa thượng thành lập Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam do chính Ngài làm Chủ tịch. Từ đó, Đại tạng kinh Việt Nam chính thức ra đời.

Tháng 11 năm 1997, Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc kỳ IV (1997-2002) đã suy tôn Hòa thượng vào Thành viên Hội đồng Chứng minh và suy cử chức vụ Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN liên tiếp hai nhiệm kỳ (1997-2007).

Tháng 12 năm 2007, Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc kỳ VI (2007-2012) đã suy tôn Hòa thượng lên ngôi vị Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN.

## **II. Công trình biên soạn và phiên dịch**

Mặc dù bận rộn nhiều công việc cho Giáo hội, cho Quốc hội, cho việc giảng dạy, nhưng trọng tâm chính vẫn là dịch kinh và giảng kinh. Từ khi về nước cho đến nay, tác phẩm của Ngài ngày càng phong phú. Sau đây là những tác phẩm còn để lại:

### **\* Dịch Kinh tạng Pāli:**

1. Trường bộ kinh (2 tập)
2. Trung bộ kinh (3 tập)
3. Tương ưng bộ kinh (5 tập)
4. Tăng chi bộ kinh (5 tập)
5. Tiểu bộ kinh: gồm các tập sau
  - a. Pháp cú (Kinh Lời vàng)
  - b. Kinh Phật tự thuyết



- c. Kinh Phật thuyết như vầy
- d. Kinh Tập
- e. Trưởng lão Tăng kệ
- g. Trưởng lão Ni kệ
- h. Bốn sanh (2 tập)

**\* Dịch từ Abhidhamma:**

Thăng pháp tập yếu luận (Abhidhamma Atthasangaha)

**\* Sách viết bằng tiếng Anh:**

1. Hsuan T'sang, The Pilgrim and Scholar (Huyền Trang - nhà chiêm bái và học giả, NS. Trí Hải dịch sang tiếng Việt)
2. Fa-Hsien, The Unassuming Pilgrim (Pháp Hiển - nhà chiêm bái khiêm tốn, NS. Trí Hải dịch sang tiếng Việt)
3. Milindapanna And Ngasenabhikhustra - A comparative study (Cư sĩ Nguyên Tâm Trần Phương Lan dịch sang tiếng Việt)
4. The Chinese Madhyama gama and The Pli Majjhima Nikaya (A comparative study) - Luận án tiến sĩ Phật học (NS. Trí Hải dịch sang tiếng Việt)
5. Some Teachings Of Lord Buddha On Peace, Harmony And Humadignity.

**\* Sách viết bằng tiếng Việt:**

1. Phật pháp (đồng tác giả)
2. Đường về xứ Phật (đồng tác giả)
3. Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật
4. Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa (dịch)
5. Sách dạy Pāli
6. Dàn bài Kinh Trung bộ (chưa in)
7. Toát yếu Kinh Trường bộ (chưa in)
8. Toát yếu Kinh Trung bộ (chưa in)
9. Chử Hiếu trong đạo Phật (đồng tác giả)
10. Hành thiền
11. Lịch sử Đức Phật Thích ca
12. Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi
13. Chánh pháp và hạnh phúc
14. Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người (2002)
15. Những mẫu chuyện đạo (2004)
16. Đức Phật - nhà đại giáo dục (2004)
17. Đức Phật của chúng ta (2005)
18. Tâm Từ mở ra, khổ đau khép lại (2006)
19. Những gì Đức Phật đã dạy (2007)
20. Hiểu và hành Chánh pháp (2008)
21. Chiến thắng ác ma (2009)

**III. Công tác xây dựng cơ sở vật chất và**

**giáo dục**

Ngay khi về nước năm 1964, Hòa thượng Thích Trí Thủ, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh cùng Hòa thượng đã thừa lệnh Giáo hội, mượn chùa Pháp Hội thành lập Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Viện trưởng. Hòa thượng được Giáo hội cử giữ chức Phó Viện trưởng Điều hành.

Năm 1965, được sự cho phép của Bộ Giáo dục, Trường mở thêm Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn (Văn khoa), Hòa thượng được cử giữ chức Khoa trưởng, sau đó mời Hòa thượng Thích Thiên Ân đảm trách. Lúc này cũng phải tạm mượn chùa Xá Lợi làm nơi giảng dạy.

Cuối năm 1965, Giáo hội quyết định xin phép đổi tên Viện Cao đẳng Phật học thành Viện Đại học Vạn Hạnh và xây dựng cơ sở mới tại số 222 Trương Minh Giảng (nay là Lê Văn Sỹ). Hòa thượng được Giáo hội chỉ định giữ chức Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, kiêm Khoa trưởng Phân khoa Phật học. Tại cơ sở mới, Hòa thượng đã mở thêm các phân khoa: Khoa học Xã hội, Giáo dục. Hòa thượng là Khoa trưởng các phân khoa này. Sau đó, Hòa thượng mời các Giáo sư Tôn Thất Thiện, Bùi Tường Huân làm Khoa trưởng và Tiến sĩ Thích Nguyên Hồng làm Khoa trưởng Phân khoa Giáo dục. Với cương vị Viện trưởng, Hòa thượng đã chỉ đạo mở thêm trung tâm ngoại ngữ trong khuôn viên Đại học Vạn Hạnh.


Năm 1972, Hội đồng Viện quyết định mua cơ sở ở đường Võ Di Nguy (nay là đường Nguyễn Kiệm) để mở thêm Phân khoa Khoa học ứng dụng. Hòa thượng về đây đảm nhiệm Khoa trưởng. Tại đây, năm 1974, Hòa thượng chủ trì Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Viện Đại học Vạn Hạnh (1964-1974) với sự tham dự của chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Giáo sư trong Ban Giáo sư của Viện và hơn 10 ngàn sinh viên tham dự.

Cũng chính tại cơ sở này, năm 1984 Hòa thượng đã mở Trường Cao cấp Phật học (nay là Học viện PGVN tại TP. Hồ Chí Minh) do Hòa thượng làm Hiệu trưởng, Ngài cũng làm Đoàn đầu Hòa thượng truyền giới Cụ túc cho 60 Tăng Ni sinh khóa I này.

Năm 1981, Giáo hội mở Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở I tại chùa Quán Sứ, Hòa thượng được mời làm Hiệu trưởng (nay là Học viện PGVN tại Hà Nội).

Tại Học viện PGVN tại TP. Hồ Chí Minh, Hòa thượng đã lần lượt tổ chức tuyển sinh và đào tạo được 5 khóa cử nhân Phật học. Các khóa Tăng Ni sinh này đã đáp ứng được nhân sự phục vụ Giáo hội.





Ngày 20-10-1997, Hòa thượng chủ trì Lễ khởi công xây dựng cơ sở mới Học viện PGVN tại TP. Hồ Chí Minh. Công trình được tiến hành gần 2 năm, đến ngày 23-4-1999 đã hoàn thành và Lễ khánh thành được tổ chức.

#### **IV. Nhiệt hóa đồ chúng**

Với nhiều Phật sự của Giáo hội, giáo dục Tăng Ni, phiên dịch Kinh tạng và trước tác sách vở, nhưng Hòa thượng vẫn luôn nhớ về nguồn cội - nơi mình đã xuất gia học đạo. Vì thế, sau khi Hòa thượng Vĩnh Thừa kế vị Đức Tăng thống, trú trì tổ đình Tường Vân viên tịch, Hòa thượng được Giáo hội và toàn thể chư tôn túc, Tăng Ni, môn phái tổ đình Tường Vân suy tôn lên ngôi vị trú trì tổ đình năm 1984 dưới sự chứng minh của chư tôn Trưởng lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Thích Mật Hiển, Thích Thiện Siêu... Trong cương vị trú trì, Hòa thượng đã nhiệt hóa đồ chúng, tổ chức giới đàn Sa-di phương trượng cho Tăng chúng trong nội phái và chỉ đạo xây dựng, sửa sang một số công trình: Khu bảo tháp chư Tổ và bốn sư...

Tại thiền viện Vạn Hạnh năm 2001, Hòa thượng đã cho đại trùng tu ngôi chánh điện, đến tháng 10 năm 2004 thì hoàn tất. Tháng 9 năm 2005, Ngài cho xây dựng mới ngôi Tăng xá và đến tháng 10 năm 2006 tổ chức lễ khánh tạ.

#### **V. Công tác đối ngoại**

Với kiến thức uyên thâm và khả năng ngoại ngữ xuất sắc, Hòa thượng còn được Giáo hội giao phó nhiều trọng trách trong công tác đối ngoại.

- Tháng 6-1965, Hòa thượng viếng thăm và thuyết giảng tại Đại học Kamazawa, Taisho - Nhật Bản.

- Năm 1967, Hòa thượng tham dự Hội thảo Giáo dục tại Đại học Yale - Hoa Kỳ.

- Tháng 6-1968, Hòa thượng tham dự Đại hội Giáo dục Liên Viện trưởng Thế giới tại Hàn Quốc. Cuối năm 1968, Hòa thượng đại diện cho các trường đại học miền Nam Việt Nam tham dự Đại hội Giáo dục Quốc tế tại Mễ-tây-cơ.

Hòa thượng từng tham gia rất nhiều hội nghị quốc tế, đặc biệt trong Đại hội Phật giáo châu Á vì Hòa bình (ABCP) lần thứ V - 1982 tại Ulan Bator (Mông Cổ), Hòa thượng đã được bầu giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành (1982-1985) của Hội và Phó Chủ tịch hội này.

- Tháng 6-1983, Hòa thượng tham dự Hội nghị Hòa bình Thế giới chống vũ khí hạt nhân tổ chức tại Praha, Tiệp Khắc.

- Tháng 5-1984, Hòa thượng làm trưởng đoàn tham dự Hội nghị Phật tử châu Á vì Hòa bình tại New Dehli (Ấn Độ), trong Hội nghị này Ngài được tiếp kiến Tổng thống Ấn Độ Zuil Singh.

- Tháng 10-1984, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn GHPGVN tham dự Hội nghị Phật giáo thế giới với chủ đề "Đạo Phật và các nền văn hóa dân tộc" tại New Dehli, Ấn Độ.

- Tháng 2-1985, Hòa thượng tham dự Hội nghị bàn tròn với chủ đề "Các mối nguy hiểm đối với sự sống thiêng liêng của chúng ta" tại Moscow (Nga).

- Tháng 11-1985, Hòa thượng tham dự Hội nghị ABCP lần thứ VI tại Hà Nội.

- Tháng 5-1986, Hòa thượng tham dự Hội nghị Quốc tế bàn tròn tại Moscow (Nga).

- Tháng 2-1987, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn PGVN tham dự Quốc dân Đại hội hòa bình Quốc tế tại Liên Xô.

- Tháng 2-1986, Ngài làm phó trưởng đoàn tham dự Đại hội VII ABCP tại Vientiane (Lào), Hòa thượng được mời giữ lại chức Phó Chủ tịch ABCP và Ủy viên Hội đồng Chấp hành ABCP Quốc tế, Hòa thượng cũng được mời làm Chủ tịch Trung tâm Quốc gia ABCP Việt Nam.

- Tháng 1-1989, Hòa thượng dự Hội nghị Tôn giáo và Hòa bình tổ chức tại Đại học Monash (Úc).

- Tháng 8-1989, Hòa thượng làm trưởng phái đoàn PGVN dự Hội thảo Đạo Phật và sự lãnh đạo về hòa bình tại Ulan Bator (Mông Cổ).

- Tháng 10-1989, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn Phật giáo Việt Nam sang thăm hữu nghị Phật giáo Nhật Bản tại thủ đô Tokyo.

- Tháng 9-1990, Hòa thượng làm trưởng đoàn tham dự Hội nghị Quốc tế lần thứ VIII của Tổ chức ABCP tại Mông Cổ.

- Tháng 10-1990, Hòa thượng làm trưởng đoàn tham dự Hội nghị Tôn giáo và Hòa bình tại Bali, miền Nam nước Ý.

- Tháng 10-1991, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn Phật giáo Việt Nam tham dự Hội nghị Các Tôn giáo một đại dương hòa bình tại Matla, Ý.

- Tháng 11-1991, Hòa thượng làm trưởng đoàn tham dự Hội nghị Đạo Phật với sự lãnh đạo cho hòa bình tại Seoul, Hàn Quốc.

- Tháng 11-1992, Hòa thượng làm trưởng đoàn tham dự Hội nghị Quốc tế ABCP tại thủ đô Colombo, Sri Lanka.

- Tháng 3-1993, Hòa thượng chủ trì Hội thảo “Đạo đức Phật giáo trong thời hiện đại” tại TP.HCM.

- Tháng 4-1993, với tư cách Chủ tịch Trung tâm ABCP Việt Nam, Hòa thượng Chủ tọa Hội nghị Quốc tế giải trừ quân bị tại thủ đô Hà Nội.

- Tháng 10-1993, Người tham dự Hội nghị Tăng-già Quốc tế tại Đài Loan.

- Tháng 3-1994, Hòa thượng cùng Hòa thượng Thích Thiện Siêu dẫn đầu phái đoàn chiêm bái Phật tích tại Ấn Độ.

- Tháng 9-1994, Hòa thượng tham dự Hội nghị Tăng-già Quốc tế tại Vancouver, Canada.

- Năm 1995, Hòa thượng chủ trì Hội thảo “Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại” tại TP.HCM.

- Tháng 8-1995, Ngài làm trưởng đoàn phái đoàn sang thăm hữu nghị và chủ trì cuộc Hội thảo Phật giáo tại Paris (Pháp).

- Tháng 5-1996, Hội đồng Đại học Mahachulalongkorn tại Thái Lan (Đại học Hoàng gia Thái) đã trân trọng tặng bằng cấp tiến sĩ danh dự cho Hòa thượng về công trình phiên dịch kinh điển và sự nghiệp giáo dục của Ngài.

Với những công đức mà Hòa thượng đã đóng góp cho Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội, vào năm 2000, Nhà nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì và vào năm 2012, trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

Đúng vào mùa Vu lan PL.2556, vào lúc 9 giờ sáng ngày 1 tháng 9 năm 2012 (tức 16-7 âm lịch), Ngài đã nhẹ nhàng xả báo thân tại phương trượng thiền viện Vạn Hạnh, trụ thế 95 năm và 64 hạ lạp.

Cuộc đời của Hòa thượng là một tấm gương

*Nam mô Từ Lâm Tế Chánh Tông, Tứ Thập Tam Thế, Xuân Kinh Tường Vân Tổ Đình Trúc Trì, Hồ Chí Minh Thị Vạn Hạnh Thiền Viện Khai Sơn, Sung Việt Nam Phật Giáo Giáo Hội, Chứng Minh Hội Đồng, Phó Pháp Chủ, Húy thượng Tâm hạ Trí, Tự Minh Châu, Hiệu Viên Dung Trưởng Lão Hòa Thượng Giác Linh thùy từ chứng giám. ■*

sáng về đức trí và giáo dục cho Tăng Ni nhiều thế hệ. Ngài còn là người anh cả - sáng lập viên của tổ chức giáo dục thanh thiếu niên Gia đình Phật tử Việt Nam. Với tính điềm đạm và đức nhẫn nại của một bậc thực học, chơn tu khả kính và với sự nghiệp to lớn về giáo dục, phiên dịch Đại tạng kinh Pāli-Việt, Hòa thượng luôn luôn để lại cảm tình đặc biệt trong lòng Phật tử Việt Nam.

### Những tháng ngày cuối cùng

Những việc cần làm đã làm xong, đã đến lúc gác bút, vào sâu thiền định, sống với hàng đệ tử xuất gia và tại gia thân tín. Năm 2006, Ngài đã lui về hậu liêu an dưỡng tuổi già. Giờ đây, cuộc đời của Hòa thượng như chiếc chiếu trải rộng, không phân biệt hệ phái Nam - Bắc, Đại thừa hay Tiểu thừa. Kinh sách của Hòa thượng không phân biệt, ai muốn hiểu giáo lý cứ đọc - trong “Tiểu” có “Đại”, trong “Đại” có “Tiểu”, đó là Giáo lý Giải thoát mà Ngài đã thuyết giảng hơn 70 năm không biết mệt mỏi, như nhạn bay xa, không lưu lại dấu tích.

95 năm hiện diện ở cõi Ta-bà, hơn 70 năm phục vụ cho Đạo pháp và Dân tộc, Hòa thượng đã mở trường trong đạo và ngoài đời để đào tạo hàng ngàn Tăng Ni cấp cử nhân Phật học cho Giáo hội; hàng chục ngàn sinh viên có bằng cấp thành đạt cho xã hội.

Hôm nay, mặc dù Hòa thượng đã đi vào cõi Niết-bàn vô tung bất diệt, nhưng gương sáng trí tuệ và tinh thần giáo dục cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam, tinh thần phục vụ Đạo pháp và Dân tộc suốt đời của Ngài vẫn còn mãi mãi với non sông đất nước, với GHPGVN, với Phật tử ba miền Bắc, Trung, Nam, với Tăng Ni trong và ngoài nước, với tổ đình Tường Vân, với thiền viện Vạn Hạnh.



HT tặng quà cho cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt

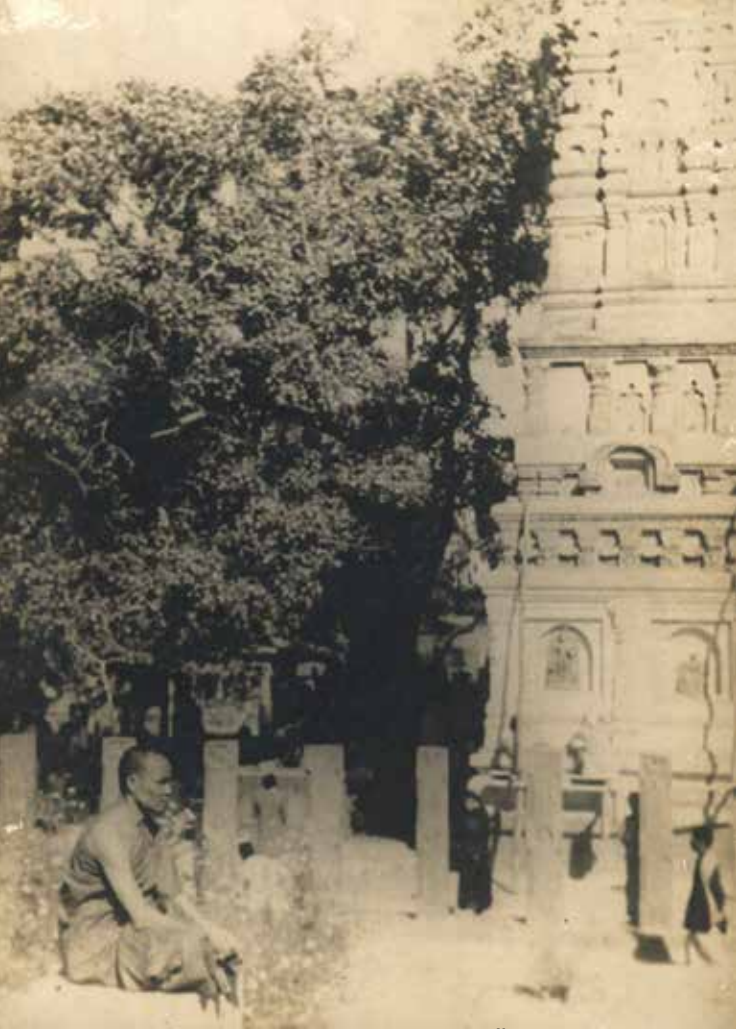


Tận tâm tận lực cho nền giáo dục Phật giáo nước nhà



Được Nhà nước trao tặng nhiều Huân chương cao quý





HT. Bửu Chơn tại Bồ Đề Đạo Tràng - Ấn Độ

# Nhà Phật và Nhân Quyền

HT. Bửu Chơn

Hòa thượng Trưởng lão Bửu Chơn là vị cao Tăng của Phật giáo Việt Nam. Ngài là sáng lập viên - Tăng thống đầu tiên của Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam (1957), Chủ tịch Hội Phật giáo Thế giới ở Tân Gia Ba (1965), Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước TP. Hồ Chí Minh (1976), Đại biểu Hội đồng Nhân dân TP. Hồ Chí Minh (1977), Trưởng phái đoàn Phật giáo Việt Nam phục hồi Phật giáo Vương quốc Campuchia (1979). Nhân dịp lễ tưởng niệm 33 năm ngày Hòa thượng trưởng lão Bửu Chơn viên tịch, Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy trích đăng bài viết "nhà Phật và nhân quyền" để giới thiệu đến quý vị độc giả gần xa.

**H**iện nay trên thế giới đang cổ vũ nhân quyền (quyền sống bình đẳng của mọi dân tộc) hầu tránh khỏi nạn kỳ thị chủng tộc trong một vài quốc gia.

Vì thế mà Liên Hiệp Quốc đã vượt qua những nỗi khó khăn để thành lập Luật Nhân Quyền quốc tế. Tuy đã có Luật Nhân Quyền quốc tế, nhưng một vài quốc gia cũng vẫn còn vấn đề kỳ thị chủng tộc.

Vấn đề nhân quyền, trước kỷ nguyên Tây lịch đã được các đại tư tưởng gia khởi xướng như Socrate (Hy Lạp), Khổng Phu Tử (Trung Hoa) và Đức Phật (Ấn Độ). Những nhà tư tưởng này chỉ có Đức Phật là quan trọng và đáng chú ý hơn hết. Lời giảng dạy của Đức Phật cho nhân loại có liên quan về tinh thần và ảnh hưởng cho xã hội. Ngài kêu gọi con người nên vui thích trong sự phục vụ cho kẻ khác với tình thương bao la của tất cả sinh mạng và nên chế ngự những tham vọng phi pháp, phi nhân đạo.

Con đường của Đức Phật dạy có hai điều là tri thức và tinh thần để đem đến mục tiêu đạt

được bằng sự tự thu thúc trong kỷ luật, đời sống được trong sáng và những tư tưởng được cao cả. Ngài khởi xướng sự công bằng cho nhân loại. Vì vậy mà nhân quyền quốc tế càng nâng cao thêm cho nền giáo lý của Ngài.

Trở lại thời kỳ của Đức Phật tại thế, cách đây 25 thế kỷ đã qua, những người phụ nữ và hạng nô lệ của xã hội Ấn không được nhìn nhận và đối xử tử tế. Chính Đức Phật đã phá tan cái hàng rào giai cấp ấy.

Ngài đã cho hàng phụ nữ xuất gia theo phái Tỳ kheu Ni để tháo gỡ sự khổ não trong vòng sanh tử luân hồi và được đắc các quả Thánh.

Sự bình đẳng trong xã hội cũng như chánh trị giữa nam và nữ trong các quốc gia cũng không có chi lấy làm lạ như bà Indira Gandhi làm Thủ tướng nước Ấn Độ, bà Bandananaraike làm thủ tướng Sri Lanka, bà Elizabeth, nữ hoàng nước

Anh, và bà Trưng, bà Triệu cũng một thời kỳ làm nữ vương Việt Nam.

Đức Phật không phân biệt giữa người và người, vì mọi người đều bình đẳng trong kiến thức của Ngài và không có một nhân vật nào mà không có ý nghĩa, vì Ngài hướng dẫn họ trên con đường đạo đức. Từ người hành khất cho đến bậc Đế Vương, đều ở trong tình thương và lòng trắc ẩn của Ngài. Trong thời kỳ của Ngài tại Ấn Độ, họ rất kỳ thị các chủng tộc nhưng Ngài cách mạng chống lại sự bất công ấy. Ngài hoan hỷ thu nhận tất cả những hạng người hoặc chủng tộc gọi là thấp hèn nhất trong xã hội vào hàng Tăng già. Chẳng hạn như Ngài nhận cho ông Sumita xuất gia là người mà xã hội đã ruồng bỏ, ông Sati là con người thợ làm nghề chài lưới, cô Ambabali là một cô kỹ nữ giang hồ, cô Punnā và Punkā là người nô lệ.

Có vài vị Tăng trong dòng tộc quý phái cho rằng Đức Phật đã lật đổ chế độ quý phái. Nhân dịp ấy Đức Phật nói rằng: "Con người không phải vì sự sanh mà được cao thượng, không phải vì sự sanh mà con người trở nên thấp hèn. Con người được cao thượng là bởi hành vi của mình, con người bị thấp hèn cũng bởi hành vi của mình".

Hơn nữa, giáo lý của Ngài được ví như bể cả. Dòng nước của các con sông như Gangā, Sarabhū, Yamunā, Māhī khi chảy vào bể cả rồi thì mất hẳn tên riêng của mình, chỉ còn được gọi là nước bể. Dầu cho bốn hạng người trong xã hội như vua, Bà la môn, thương gia và nô lệ, một khi đã xuất gia vào Phật giáo rồi thì cũng bỏ hẳn dòng giống riêng biệt của mình mà chỉ gọi là dòng Thích Ca tử (Sakya putta) trong Phật pháp mà thôi.

Hơn nữa, trong sự kỳ thị chủng tộc ở miền Trung - Ấn Độ thời bấy giờ, dòng quý phái không bao giờ ăn uống chung hoặc tự tay lãnh vật chi của phái thấp hèn nô lệ. Nhưng chỉ có người trong Phật pháp mới phá bỏ sự cố chấp ấy. Như Đại đức Ānanda thuộc dòng quý phái và là một đệ tử hầu cận của Đức Phật, một hôm đại đức theo Đức Phật trên đường hoằng pháp, dọc đường Đại đức khát nước.

Đi ngang qua giếng nước trong một làng nọ, ngài thấy cô Pakati là một thiếu nữ của dòng nô lệ đang xách nước. Đại đức hỏi xin nước uống, cô gái ấy do dự và trả lời rằng: "Thưa ngài là dòng quý phái. Tôi là kẻ thấp hèn nô lệ không dám dâng nước cho Ngài đâu!"

Đại đức Ānanda trả lời rằng "Này em gái, tôi không cần đến dòng giống, nhưng chỉ cần dùng đến nước uống mà thôi". Cô gái ấy lấy làm vui thích và đem nước lại dâng.

Như thế thì trong Phật giáo không có sự kỳ thị chủng tộc. Đức Phật lúc nào cũng bác bỏ vấn đề kỳ thị chủng tộc trong mọi hình thức. Vì vậy mà trong giáo phái của Ngài, người xuất gia sau, dầu cho là dòng vua cũng phải lễ bái kính trọng người đã xuất gia trước mình cho dù người ấy thuộc dòng nô lệ. Đó là ý định của Ngài muốn phá tan cái tâm ngã mạn của chúng sanh vậy.

Đức Phật luôn luôn thành lập một căn bản công bằng bác ái bằng những cách nêu lên những gương tốt. Như một hôm, có một vị Tỳ Khưu bị bệnh ghê lở đầy mình, mùi hôi thúi rất ghê tởm, không ai muốn lại gần ông. Khi Đức Phật đi ngang qua biết được chuyện ấy, Ngài bèn vào chỗ cư ngụ của vị Tỳ khưu bất hạnh này. Ngài bảo đem nước nóng lại, chính Ngài chăm sóc, tắm rửa cho vị Tỳ khưu ấy, rồi tuyên bố rằng: "Người nào mà phụng sự cho bệnh nhân, người ấy gọi là phụng sự cho Như Lai vậy".

Sự tự do tín ngưỡng là một đức tính cao cả mà Đức Phật thường giảng dạy là phải có độ lượng, khoan hồng, tử bi và không có xung đột lẫn nhau. Ngài còn dạy con người không nên khinh bỉ hoặc nói xấu đến các Tôn giáo khác.

Lời huấn từ này được vua A Dục đem ra áp dụng trong suốt thời kỳ ngài trị vì nước Ấn Độ. Ngài cho khắc huấn từ và mệnh lệnh trong mọi nơi như vậy: "Tất cả các đạo giáo đều phải được tôn trọng. Hành vi như vậy là đã tán dương đạo giáo của mình và đồng thời giúp đỡ những người của tôn giáo khác".

Đức Phật luôn luôn kêu gọi sự tự do giải thoát của nhân loại. Con người không nên tự ràng buộc dưới một thần quyền hay một nhân vật tối thượng nào và Ngài khuyên con người không nên vội vàng chấp nhận giáo lý nếu chính tự mình không quán triệt được lý luận rõ rệt của tôn giáo ấy. Nên Ngài có thuyết một câu kệ rằng:

"Attadhipā attasaranā annasaranā dhamma dhipā dhamma saranā". Nghĩa là: "Tự mình hãy tìm ánh sáng, tự mình hãy nương nhờ lấy, không nên ỷ lại và nương nhờ kẻ khác".

Nên tìm ánh sáng và nương nhờ nơi chân lý cho sự giải thoát của mình. ■

# Nén tâm hương Hòa thượng Hộ Tông (1893-1981)

(tiếp theo & hết)

**N**gày 18-12-1957 Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam được thành lập. Trong Ban Chương Quản lâm thời, Ngài được bầu làm Phó Tăng Thống đệ nhị. Sau đó, chính thức bầu Ban Chương Quản Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam khóa I, Ngài được suy cử chức vụ Tăng Thống.

Ngài đã xây dựng nhiều ngôi chùa, đào tạo nhiều Tăng tài, cho xuất gia nhiều tu nữ, thành lập Phật học viện, Thiền viện.

Ở Lâm Đồng, Ngài lập Thiền viện Tam Bồ năm 1963 và Thiền viện Phi Nôm năm 1964.

Ở Thủ Đức, Sài Gòn, Ngài lập tu viện Bửu Long và Phật học viện Nguyên Thủy năm 1970, và ở Vũng Tàu, Ngài lập chùa Bồ Đề năm 1969 trên Núi Lớn.

Ngài cũng hợp tác với các vị cao Tăng khác trong Phật giáo Nguyên Thủy để lập các chùa Tam Bảo - Đà Nẵng năm 1953, chùa Giác Quang - Chợ Lớn năm 1950, chùa Pháp Quang - Gia Định năm 1958, chùa Tăng Quang ở Huế năm 1959 v.v...

Đến năm 1971, Ngài tiếp tục đảm nhận chức Tăng Thống, nhưng ủy quyền lại cho Hòa thượng Bửu Chơn lúc bấy giờ là Phó Tăng Thống điều hành, còn Ngài sang Thái Lan để hành thiền và nghiên cứu Tam Tạng Pāli. Sau đó Ngài trở về Việt Nam tiếp tục hành đạo và hoằng dương giáo pháp.

Năm 1980, Nhà nước Việt Nam cho phép Ngài xuất cảnh sang Pháp chữa bệnh. Ở Pháp hơn một năm vì nỗi nhớ quê hương, nhớ chư Tăng và các ngôi chùa thân yêu, Ngài xin trở về Việt Nam, dừng bước tại chùa Bửu Long - Thủ Đức, nơi đây Ngài trùng tu cảnh Bồ Đề Đạo Tràng. Sau đó, Ngài tổ chức làm phước cúng dường trai Tăng bảy ngày và cúng dường đến 33 ngôi chùa Phật giáo Nguyên Thủy.

Ngày 26-7 năm Tân Dậu, tức 25/8/1981 trước

những giờ phút cuối cùng, Ngài rất minh mẫn còn giảng dạy Thiền định về đề mục niệm hơi thở cho các đệ tử thân cận. Bài pháp vừa xong, Ngài an lành viên tịch, với nét mặt trang nghiêm tươi tỉnh như đang nằm nghỉ ngơi. Lúc ấy là 16 giờ 45 phút. Ngài hưởng thọ 89 tuổi đời, 41 tuổi đạo.

Công đức du nhập Phật giáo Nguyên Thủy vào Việt Nam của Ngài vô cùng to lớn. Ngài là vị Tổ khai sơn của Phật giáo Nam Tông người Việt. Ngài có nhiều đức tính ưu việt mà các hàng đệ tử xuất gia và tại gia của Ngài không bao giờ quên được. Ngài là một người ngay thẳng, bộc trực, nghiêm khắc nhưng bao dung, thích đọc cư thiền định, thực hành hạnh bố thí xả ly. Báo thân ấy đã tan rã, nhưng sự nghiệp hoằng pháp và tầm gương tu hành tinh chuyên của Ngài còn mãi. Các kinh sách đã được Ngài phiên dịch và ấn hành:

- Nhật hành của cư sĩ.
- Cư sĩ thực hành.
- Luật Xuất Gia quyển 1, 2.
- Vi Diệu Pháp vấn đáp.
- Nền tảng Phật giáo.
- Sơ Thiền Tâm.
- Thanh Tịnh Kinh.
- Quỷ Vương Vấn Đạo.
- Tứ Diệu Đế.
- Bát Chánh Đạo.
- Pháp Trích Yếu.
- Phật giáo chánh lời Phật thuyết.
- Phép Chánh Định.
- Phật Ngôn.
- Thập Độ.
- Triết lý về nghiệp
- Kinh tụng chư Tăng v.v... ■



# Kinh Song Tâm

HT. Thích Minh Châu

**Đ**ức Phật nói lên cho các Tỷ-kheo những kinh nghiệm của Ngài khi Ngài chưa thành Phật: cần phải đối trị với hai loại tướng như thế nào, một bên là dục tâm, sân tâm, hại tâm, một bên là ly dục tâm, vô sân tâm, bất hại tâm.

Rồi đức Phật diễn tả lại những cảnh giới Thiên Ngài đã chứng được, ba minh Ngài đã đạt được khi Ngài chứng Bồ-đề. Cuối cùng Ngài kể một ví dụ nói lên lòng thương tưởng của Ngài đối với các đệ tử khi Ngài giới thiệu pháp môn tu hành.

Đối với dục tâm, sân tâm, hại tâm, khi chúng khởi lên, Ngài biết chúng khởi lên, chúng đưa đến tự hại, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn. Khi nghĩ như vậy chúng biến mất, nhờ vậy Ngài tiếp tục từ bỏ, xả ly, đoạn tận dục tâm, sân tâm, hại tâm. Ngài kinh nghiệm khi nào Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vấn đề gì, tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Nếu suy tư, quán sát nhiều về dục tâm, sân tâm, hại tâm, thời vị ấy từ bỏ ly dục tâm, vô sân tâm, hại tâm, và có khuynh hướng về dục tâm, sân tâm, hại tâm. Ví như về mùa thu, khi lúa đã trở hạt, người chăn bò cần phải dùng roi chế ngự các con bò, vì nếu chúng ăn lúa thời nó sẽ bị trách móc. Vì đức Phật thấy được sự nguy hiểm, hạ liệt, phiền não của các pháp bất thiện, sự viển ly, lợi ích, tịnh hóa của các pháp thiện.

Còn đối với các tâm ly dục, vô sân, bất hại, khi chúng khởi lên, đức Phật biết chúng khởi lên, chúng không đưa đến tự hại, hại người, hại cả hai,

tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não (avighātapakkhiko), đưa đến Niết-bàn. Nếu ban đêm, ban ngày suy tư các tâm ấy, thời không thấy sợ hãi khởi lên, nhưng nếu suy tư quán sát quá lâu, thân có thể trở thành mệt mỏi, tâm bị dao động (ūhata), khó được thiền định. Rồi đức Phật tự trấn an tâm, trấn tịnh tâm, được nhất tâm, định tĩnh để tâm khỏi bị chướng ngại. Khi Tỷ-kheo suy tư quán sát nhiều về vấn đề gì, tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Nếu suy tư quán sát ly dục tâm, vô sân tâm, bất hại tâm, thời từ bỏ dục tâm, sân tâm, hại tâm. Ví như vào cuối tháng hè, khi lúa gạo đã cất vào kho, người chăn bò giữ bò, nó chỉ để ý đến các con bò, không còn phải gìn giữ.

Rồi đức Phật thuật lại kinh nghiệm Ngài chứng được ba minh. Cuối cùng, đức Phật kể ví dụ một đàn nai sống gần bên hồ nước thâm sâu, có người đến làm hại đàn nai, chặn con đường an toàn, mở con đường nguy hiểm, dắt con mỗi đực, đặt con mỗi cái. Như vậy sau một thời gian, đàn nai ấy bị hao mòn dần. Nếu có người đến muốn đàn nai được hạnh phúc, nó mở con đường an toàn, chặn đứng con đường nguy hiểm, đem con mỗi đực đi, hủy bỏ con mỗi cái. Như vậy sau một thời gian, đàn nai được tăng trưởng.

Ý nghĩa của ví dụ này như sau: Hồ nước lớn chỉ cho dục vọng. Đàn nai chỉ cho loài hữu tình. Còn người muốn đến làm hại chúng chỉ cho ác ma. Con đường nguy hiểm chỉ cho tám tà đạo, con mỗi đực chỉ cho hỷ và tham. Con mỗi cái chỉ cho vô minh. Con người muốn chúng hạnh phúc là Như Lai. Con đường an toàn là tám chánh đạo.

Đức Phật kết luận những gì bậc Đạo sư cần phải làm vì lòng thương các đệ tử, Ngài đã làm cho các đệ tử, và Ngài khuyên các Tỷ kheo ngồi thiền để không có hối hận về sau. ■

# Luật Giới Bản

**Đức Hòa** (dịch)  
(tiếp theo)

## NHỮNG TIÊU CHUẨN VĨ ĐẠI.

Mặc dù bộ Phân tích (Vibhaṅga) và tập Khandhakas (Các Khoản Luật) bao trùm một lượng lớn các tình huống, đương nhiên hai tác phẩm này không bao trùm được hết mọi sự kiện có thể xảy ra trên thế gian này và từ những gì chúng ta đã thấy theo cách Đức Phật đưa vào thành công thức các khoản luật việc xử lý các tình huống khi các khoản luật đó khởi lên ta có lý do để nghi ngờ chính ngài mong muốn các khoản luật đó được hình thành một hệ thống khép kín. Còn đối với những tình huống không xảy ra trong khi ngài còn sống, ngài đã thiết lập bốn điều hướng dẫn sau đây để phán đoán được gọi là Bốn Tiêu Chuẩn vĩ đại (một bộ luật tách biệt khỏi những gì ngài đã đưa vào thành công thức tại Bhoganagara) để phân xử những tình huống không được đề cập đến trong các khoản luật:

1. "Này chư vị tỳ khuru, bất kỳ điều gì ta không phản đối, tỳ như, không được làm điều này, nếu điều đó khớp với những gì không được làm, nếu điều đó đi ngược lại với điều được phép làm, thời các người không được làm điều đó.

2. "Bất kỳ điều gì ta không phản đối, tỳ như, không được làm điều này, nếu điều đó khớp với những gì được phép làm, nếu điều đó đi ngược lại điều gì không được phép làm, thời các người được làm điều đó.

3. "Và bất luận điều gì ta không cho phép, tỳ như, được phép làm điều này, nếu điều đó khớp với những gì không được phép, nếu điều đó đi ngược lại điều gì không được phép làm, thời các người không được làm điều đó.

4. "Và bất luận điều gì ta không cho phép, tỳ như, được phép làm điều này, nếu điều đó khớp với những gì được phép làm, nếu điều đó đi ngược



lại điều không được phép làm, thời các người được làm điều đó." (Mv.VI,40).

Bốn tiêu chuẩn vĩ đại này, một khi được áp dụng đúng đắn, sẽ trở nên khí cụ quan trọng để triển khai rộng những nguyên lý giới luật vào những tình huống chưa được thông suốt dưới thời Đức Phật còn sinh tiền. Chúng ta sẽ có cơ hội tham khảo thường xuyên hơn trong suốt tác phẩm này.

Trong Luật (Canon) có bằng chứng cho thấy rằng chính thái độ của Đức Phật liên quan đến giới luật không mang tính chất tuân thủ pháp luật một cách cứng nhắc, lấy ví dụ như bài thuyết pháp sau đây:

"Đã có thời, Đức Thế Tôn còn đang ngụ trong thành Vesali, trong cánh rừng Đại Lâm. Lúc đó có vị tỳ khuru họ tên là Vijjian đến gặp ngài ... nói rằng: "Bạch Thế Tôn, có tới hơn 150 khoản luật học giới được nêu lên để tụng mỗi hai tuần trong tháng. Con không thể nào tu luyện hoàn hảo theo từng khoản đó được".

"Này tỳ khuru, liệu tỳ khuru có thể tu luyện được ba khoản học giới đó là: tu luyện để nâng cao giới

đức, tu luyện để nâng cao trí tuệ, tu luyện để nâng cao nhận thức chẳng?”

“Bạch Thế Tôn, con làm được...”

“Vậy thì hãy cứ tu luyện theo đúng ba khoản học giới đó đi ...khi nhà người tu luyện để nâng cao giới ... tuệ ... định, nhà người sẽ loại bỏ được tham ... sân ... si. Thế rồi khi nhà người đã loại bỏ được tham, sân, si thì nhà người sẽ chẳng làm điều gì bất thiện hay dan díu với bất kỳ điều gì xấu ác đâu.”

“Sau này, vị tỳ khưu đó đã thành công tu luyện nâng cao giới ... tuệ ... định ...ngài đã loại bỏ hoàn toàn được tham ... sân ... si. Vị đó không còn làm điều gì bất thiện và không dan díu với bất kỳ điều gì xấu ác nữa.” (A. III.85).

Lại có bài thuyết pháp khác cũng đưa ra những điểm tương tự như sau đây: “Này chư vị tỳ khưu, có hơn 150 khoản luật học giới các người cần phải tụng hai lần hàng tháng, liên quan đến việc tụng đọc đó những người trẻ ước muốn chứng đạt mục tiêu tự tu luyện chính mình. Có ba khoản học giới này trong đó bao gồm toàn bộ các khoản tu luyện khác. Ba khoản nào vậy? Đó là khoản học giới để nâng cao giới đức, khoản học giới để nâng cao trí tuệ và khoản học giới để nâng cao nhận thức (tức nâng cao giới, định, tuệ). Ba khoản học giới này bao gồm toàn bộ các khoản học giới khác ....

“Này Chư vị tỳ khưu, có tình huống vị tỳ khưu kia hoàn thành tu luyện trọn vẹn giới, định, tuệ, (có nghĩa là đã chứng bậc Ứng Cúng”. Liên quan đến những khoản học giới nhỏ hơn và ít quan trọng hơn, vị đó mắc lỗi phạm các khoản đó và rồi tự mình phục hồi lại được. Vì lẽ gì vậy? Vì ta chẳng bảo đó là điều không thể làm được. Nhưng vì đối với các khoản học giới căn bản cho cuộc sống bậc thánh và thích hợp với cuộc sống bậc thánh đó, thời giới đức vị đó trở nên kiên định và vững vàng. Sau khi đã tu luyện các khoản học giới này, vị đó tiếp tục tu luyện các khoản giới luật khác. Bởi lẽ đã kết thúc được toàn bộ những phần nhánh tâm linh đó sao, vị đó chứng ngộ giải thoát và định giải thoát giúp vị đó thoát khỏi mọi phần nhánh tâm linh sau khi đã tuệ tri và chứng giới, định, tuệ, cho chính mình ngay trong hiện tại này ...

“Những ai chỉ hoàn tất được một phần cũng chỉ chứng một phần mà thôi; kẻ nào hoàn tất được toàn bộ cũng chứng đạt toàn bộ các khoản học giới này. Ta nói với các người, những khoản học giới này quả không vô ích đâu”. (A. III. 88) (còn tiếp). ■

(tiếp theo trang 6)

phát triển và rồi... chuyển sang một trang sử mới. Đây cũng là thời gian bận rộn vô cùng của Sư Ông viện trưởng. Nhưng cũng chính trong thời gian này, Sư Ông đã hoàn thành các bản dịch kinh tạng Pali.

Sư Ông kể rằng, Người đã bắt tay vào phiên dịch trong thời điểm “tất bật” với nhiều công việc ngổn ngang của Đại học Vạn Hạnh. Và vì vậy, sau mỗi thời hành thiền, từ bốn giờ sáng đến sáu giờ sáng là thời điểm Sư Ông ngồi vào bàn phiên dịch. Sư Ông đã dành trọn cả lòng thành, hoài bão, và niềm mong ước... cho từng câu, từng chữ của các bản kinh dịch hoàn toàn mới lạ với độc giả người Việt.

Từ bốn giờ sáng đến sáu giờ sáng cứ mỗi ngày như thế, mỗi tháng như thế, mỗi năm và nhiều năm như thế... đã tạo nên khoảnh khắc viên thành của nhà phiên dịch Kinh tạng Pali. Hẳn Người phải có một ý chí và nguyện ước phi thường mới có thể triển miên cả hàng chục năm trời để hoàn thành các bản dịch vĩ đại.

## Bóng dáng thế hệ...

Hai mươi năm sau, khi các bản kinh đã được xuất bản và in ấn nhiều lần nhưng Sư Ông vẫn chăm cặm đọc tới, đọc lui, sửa chữa và ghi chú ngay trên từng bản kinh mới in với tất cả sự cần mẫn. Sư Ông làm như thế là Người mới đọc bản kinh lần đầu. Phong thái của một học giả đức hạnh dường như lúc nào cũng có mặt cùng với Sư Ông. Phong thái ấy quả thực đã truyền một loại cảm hứng - khát khao đạo lý và tri thức - cho bất kỳ ai có duyên hội ngộ.

Hình ảnh một Sư cụ với gương mặt hồng hào tràn đầy vẻ tử ái, cùng với đôi chân mày trắng đẹp như tiên ông, cầm trên tay chiếc kính lúp và chậm rãi soi rọi từng con chữ... và nhất là với một thân hành rất an tịnh của Người đã thật sự để lại một bóng dáng nghìn thu, thế hệ. Bóng dáng ấy đang đi vào huyền thoại.

Chúng con thành kính tưởng niệm và tri ân Sư Ông đã cho thế hệ của chúng con cơ hội được tiếp xúc với “triết lý giác ngộ” qua những lời dạy rất chân chất, rất nguyên sơ của Đức Thế Tôn.

Sinh tử nhân nhi dĩ! Nguyện xin Sư Ông sớm trở lại cõi đời để hoằng hóa độ sinh.

Cúi đầu. ■





# Bệnh Tâm thần và Thiền định

**Dr. Dhananjay Chavan**  
 Dịch giả: **Mỹ Thanh**



Hiện nay, thế giới đang có sự rối loạn, không hiểu biết, tranh cãi về bệnh tâm thần, thiền định, và sự liên hệ giữa hai đề tài này. Các chuyên gia về sức khỏe thể chất, và tâm thần cũng không hiểu rõ phạm vi nghề nghiệp của họ. Họ cũng không hiểu cái gì là thiền định. Bởi vậy đối với người bình thường họ sẽ rất bối rối.

thường nói chúng có nghĩa "trung bình". Hành vi ám chỉ những hành động thuộc về lời nói hay việc làm, như hành vi nói năng, hành vi xử sự. Trong môn học về bệnh tâm thần và tâm lý, cách suy nghĩ được nghiên cứu chỉ bằng kết luận sau những hành động về lời nói, việc làm được thể hiện. Mục đích của các môn khoa học này là để giúp sửa đổi hành vi của một người trở lại bình thường (thông thường nghĩa là sự trung bình).

Chúng ta cũng có thể sử dụng định nghĩa tân thời cho bệnh tâm thần như: Phương thức áp dụng môn khoa học về thần kinh cho việc chữa trị bệnh tâm thần của một nhóm bệnh nhân tâm thần. Thật ra ngay từ ban đầu, phạm vi của bệnh tâm thần đã không được định nghĩa đúng đắn. Kết quả các bác sĩ chuyên môn về tâm thần thường chỉ chữa cho những bệnh tâm thần thứ yếu. Trong những năm 60 và 70, các bác sĩ về tâm thần ở phương Tây đều thực hành phân tâm lý học. Những bệnh nhân của họ thường không có những triệu chứng, vấn đề nghiêm trọng; Rất ít bệnh nhân bị loạn trí. Trong khoảng thời gian này, trong tâm thần học có ấn tượng là bệnh tâm thần có thể chữa trị tất cả những vấn đề khó khăn của con người. Nhưng thực tế thì tâm thần học không đóng góp được gì quan trọng, trong sự hài hoà của xã hội nói chung, ngoại trừ giúp đỡ được cho một số ít bệnh nhân.

Cả hai chữ "Tâm thần" và "Thiền định" cũng mang những hào quang thần bí. Nói tóm lại, bệnh tâm thần là khoa học rất mới mẻ, chưa đến trăm năm, trong khi vô số cách thức thiền đã bắt nguồn từ thuở xa xưa. Tuy vậy, đôi lúc có lời tuyên bố là thiền định không có tính cách khoa học. Thật ra, thiền định là môn khoa học, phương pháp thực tập và hoàn hảo hóa mấy thế kỷ về trước bởi các khoa học gia về tinh thần và thể chất, bởi các vị Rishis, Munis và các vị Phật. Sau rốt, khoa học là gì? Khoa học là sự quan sát một cách khách quan về sự phân tích các dữ kiện và sự ứng dụng. Khoa học tìm kiếm để biết sự thật. Chúng ta sẽ thấy trong bài xã luận này, dựa cả vào tiêu chuẩn tân thời, thiền Vipassana (Minh Sát) thật là môn khoa học.

Các bác sĩ tâm thần học có lý trí đã dần dần hiểu được biên giới của bệnh tâm thần không bao quát song song cùng với hoạt động tinh thần của mọi người. Sự hiểu biết này là ý nghĩa to tát, bởi vì nó giúp cho bác sĩ tâm thần học và người bình thường định nghĩa phạm vi của bệnh tâm thần. Sự thiếu hiểu biết về điều này của một người bình thường tạo nên nhiều vấn đề khó khăn khác nhau. Thí dụ, đôi lúc bác sĩ tâm thần được mời xem bệnh, trong khi bệnh ấy lại không thuộc về tâm thần, bắt nguồn từ sự tin tưởng, đòi hỏi vô lý, rằng bác sĩ tâm thần học phải biết hết mọi vấn đề liên quan đến thần trí. Ngược lại với quan niệm hiểu biết hết của bác sĩ tâm thần học, mặt khác của đồng tiền là sự thiếu hiểu biết toàn bộ về môn đặc biệt này, kể luôn cả vài thành phần

Người ta thường nghĩ đến bệnh tâm thần là môn khoa học chuyên giải quyết những tâm thần bất bình thường. Nhưng sẽ chính xác hơn nếu sử dụng từ "hành vi" thay thế cho hai từ "tâm thần" trong việc định nghĩa, bởi vì bệnh tâm thần định nghĩa là "Môn học về hành vi bất thường. Bây giờ, để định nghĩa sự bình thường thì thật là nhiệm vụ khó khăn. Bình

chuyên gia về mặt sức khỏe với kết quả là... ngay cả khi cần thiết và có lợi ích người ta cũng không chịu tìm đến sự giúp đỡ của bác sĩ tâm thần.

Trong thời gian vừa qua, bệnh tâm thần đã gia nhập vào một chuyên ngành của y học, với trọng tâm chuyên trị những bệnh tâm thần nặng. Điều này đã xác định lại vai trò của bệnh tâm thần như là môn khoa sinh học, và bác sĩ tâm thần học hiện nay đã giữ vai trò thích hợp hơn, họ là những chuyên gia trị liệu về rối loạn sinh học, và tâm lý. Điều này không có nghĩa là vai trò của bác sĩ tâm thần chỉ giới hạn trong việc viết toa thuốc; Bác sĩ tâm thần cũng sử dụng những phương thức trị liệu khác nhau. Nhưng ngày càng nhiều, các bác sĩ tâm thần bắt đầu tự thu hẹp chuyên ngành của họ: Trị liệu những rối loạn thần kinh nặng. Những điều kiện để giúp đỡ việc trị liệu cho các bác sĩ tâm thần là trang bị đầy đủ dụng cụ, và tay nghề cao. Các bác sĩ tâm thần được huấn luyện để giải quyết các hành vi "bất bình thường". Trong những trường hợp căn bệnh gắn với hành vi bình thường (hoặc trung bình), hiệu quả của việc trị liệu tâm thần khác nhau rất xa giữa việc trị liệu và phương cách trị liệu.

WHO - World Health Organization (Hội Đoàn Sức Khỏe Thế Giới) liên tục cố gắng cải thiện tiêu chuẩn chẩn đoán cho các bệnh tâm thần. Liệt kê danh sách các chứng bệnh quốc tế (International Classification of Diseases - ICD-10) là một bước tiến quan trọng. Người ta đang cố gắng để phân ranh giới một cách hệ thống trong lĩnh vực bệnh tâm thần. Việc này giúp cho các bác sĩ tâm thần có thể chú tâm đến một số nhỏ dân chúng đặc biệt, để giúp các nhà nghiên cứu tìm ra những phương thuốc để chữa các chứng bệnh rối loạn tâm thần, và có thể bảo vệ dân chúng khỏi bị gán cho cái tên bệnh nhân tâm thần. Tuy vậy, ranh giới vẫn còn mơ hồ. Kể cả bác sĩ tâm thần giỏi đôi lúc cũng cảm thấy khó khăn khi phải quyết định nên chữa trị bệnh nhân đặc biệt nào đó, hay cho rằng người ấy không cần sự trị liệu.

Mọi người đều chịu đau khổ từ những điều bất hạnh khác nhau. Khi đối diện với những vấn đề thương mại, một người có thể dễ nổi giận, trong khi người khác thì nghiêng về sự buồn rầu. Trong những lúc này, một cá nhân có thể nói là không bị bệnh tâm thần. Họ có thể được lợi ích từ lời khuyên, sự nâng đỡ của bạn hay thân quyến, hoặc là bác sĩ tâm thần. Kể cả như vậy, trong cuộc sống, mỗi con người đều luôn bị dính chặt vào các cuộc thử thách, và đau khổ cứ liên tục xảy ra.

Một người phải làm thế nào khi đối diện với những khó khăn trong cuộc sống? Mỗi một cá nhân cảm thấy đau khổ khi gặp phải những việc không muốn

vẫn xảy ra, và những việc muốn thì không thành; Khi một người có được vật mà họ không thích, hoặc mất đi vật gì họ thích. Tìm kiếm giải pháp ở đâu đây?

Tâm thức là nguyên nhân chánh. Chúng ta cần phải tìm hiểu, thăm dò cho đến tận chiều sâu của nó để có thể điều khiển nó - để giải quyết các khó khăn của chúng ta. Đây chính xác là môn khoa học của thiền định. Thiền định là môn khoa học nghiên cứu về hiện tượng tâm thức và vật chất. Môn tâm thần học chỉ tìm hiểu về tâm thức một cách gián tiếp và chỉ trong phạm vi có thể khảo sát được qua những hành vi từ lời nói và việc làm. Trong môn khoa học về thiền định, tâm thức được tìm hiểu một cách trực tiếp. Môn khoa học này đã được thực tập cùng khắp xứ Ấn Độ từ thời xa xưa.

Sự thật tất cả các hành động đều bắt nguồn từ tâm thức. Nhưng không phải tất cả những gì xuất hiện nơi tâm thức đều biểu lộ qua lời nói hay cử chỉ. Những hành động dường như là tương xứng có thể bắt nguồn từ những ý muốn thâm kín khác. Thí dụ, một người đứng chết trân khi thấy một con rắn, có thể có hai lý do cho hành động này. Có lẽ anh ta quá sợ hãi; Hoặc anh ta có thể rất bình tĩnh và đứng yên để không làm con rắn sợ, hoặc để quan sát con rắn. Tương tự như thế, một người có thể cho kẻ nghèo một đồng bạc, với tâm lượng từ bi, để họ đi cho khuất mắt, hoặc để cho những người khác không xem anh ta là một người keo kiệt.

Vì thế, vấn đề trước nhất là rất khó để giải thích môn tâm thần học, chiếu theo các kết quả về tâm thức bắt nguồn từ lời nói và hành động. Tâm thức cần được tìm hiểu trực tiếp. Vấn đề khác là các kết quả của cái được gọi là "thuyết nhị nguyên của Des Cartes", sự phân chia tùy ý về tâm và thân. Trong thời gian rất lâu, các nghề y khoa chuyên môn về thân thể, đã bỏ qua việc tìm hiểu về tâm thức. Và khi các bác sĩ tâm thần học bắt đầu tìm hiểu về tâm thức, trong bất cứ phương cách nào, họ bác bỏ thân người. Ngày nay, tầm quan trọng của phương pháp giải quyết vấn đề có tính cách thánh thiện được chấp nhận. Tuy vậy, không có phương thức thẩm vấn nào được đầy đủ, không có sự hiểu biết thích đáng cho sự tương tác giữa tâm thần và vật chất, với kết quả là có rất nhiều lý thuyết, nhưng ít dữ kiện. Hiện tượng thân tâm không được tìm hiểu một cách đúng đắn.

Những vấn đề này được giải quyết xuyên qua sự hiểu biết đúng đắn về thiền định. Chữ "thiền định" rất đa dạng trong nhiều định nghĩa. Trong tiếng Anh, từ này được sử dụng một cách thoải mái để chỉ đến việc suy nghĩ về một cái gì đó. Các tự điển định nghĩa là "trầm tư mặc tưởng": Luyện tập tâm thức trong sự trầm mặc, chuyên chú đến một chủ đề của

sự trầm mặc để suy nghĩ, suy tư và nghiền ngẫm. Khi chúng ta nói đến thiền ở đây, chúng ta không sử dụng từ này trong ý nghĩa chán ngắt đó.

Bậc giác ngộ, đức Phật Gotama, sử dụng từ bhavana để diễn tả những thực tập về sự phát triển của tinh thần. Từ này được dịch đại khái là thiền định. Thiền nói về những thực tập đặc biệt cho tinh thần, những phương thức chính xác để chú tâm và thanh tịnh hóa tinh thần. Khi chúng ta sử dụng từ "thiền định" ở đây, chúng ta sử dụng từ này trong ý nghĩa chuyên môn này. Hầu hết trong các ngôn ngữ Ấn Độ, có những từ rất đặc biệt dành cho nhiều loại thực tập thiền khác nhau, bởi vì Ấn Độ có truyền thống phong phú về thiền. Những từ như dhyana, japa, trātaka, sādhandaa, vipassanā, (vidardhanā), bhāvanā v.v..., nói về những loại thực tập khác nhau. Nói chung, thiền là thực tập về sự chú tâm của tinh thần về những đối tượng khác nhau. Bởi vì sự chú tâm của tinh thần là điều kiện trước hết cho bất cứ một nhiệm vụ nào, đó là nhân tố rất quan trọng trong việc khám phá hiện tượng thân tâm. Sự chú tâm có thể thực hành với vô số đối tượng: Mắt thấy, tai nghe, sự tưởng tượng, lời nói...

Bậc Giác Ngộ đã cho chúng ta đối tượng kỳ diệu để chú tâm, hơi thở tự nhiên của chúng ta. Không giống với những đối tượng khác bên ngoài hoặc không có liên quan trực tiếp đến thân tâm của chúng ta, hơi thở là đối tượng có nhiều tiện lợi. Hơi thở trong ta, và luôn luôn hiện hữu từ lúc sanh ra cho đến lúc chết. Đây là thực tế hiển nhiên, rõ ràng. Hơi thở ý thức và vô thức, có chủ tâm và không chủ tâm. Nhịp điệu của hơi thở liên quan mật thiết đến trạng thái tinh thần và biết rõ ô uế nào đang xuất hiện nơi ý thức, kể cả sự loạn động nhỏ nhất, cũng làm nhiễu loạn nhịp hơi thở. Chúng ta không thể tìm thấy đối tượng để chú tâm nào khác hơn là hơi thở, vì hơi thở liên quan mật thiết với hiện tượng thân-tâm và nhất là quá dễ dàng cho việc quan sát.

Tuy vậy, sự chú tâm không phải là mục đích của thiền định; nó chỉ là dụng cụ. Dụng cụ để làm gì?

Ở đây chúng ta gặp cái khó khăn thứ ba về định nghĩa của thiền nơi khoa học tân tiến. Bốn chân lý huyền diệu về khổ rất đơn giản, hợp lý và phổ dụng: Đau khổ hiện hữu; Nó có nguyên nhân, nguyên nhân này có thể bị nhổ tận gốc và có con đường dành cho việc nhổ gốc đau khổ. Tuy nhiên, những chân lý phổ dụng này không được các bác sĩ tâm thần học tân tiến hoan nghênh, vì tâm lý học chú trọng nhiều đến "tại sao" hơn là "làm sao". Thái độ tìm kiếm định nghĩa trong khi không hiểu chút gì về cơ cấu căn bản của thực tế, làm cho khó hiểu hơn là nâng cao sự học hỏi về các vấn đề tinh thần của con người.

Bậc Giác Ngộ là khoa học gia chân chính, khoa học gia lỗi lạc về thân và tâm. Chính Ngài đã không những khám phá hiện tượng thân tâm và toàn bộ của nó, Ngài lại còn chỉ đường cho những người khác, để họ có thể thoát khỏi đau khổ. Ngài dạy phương thức quan sát tinh thần hoạt động ra sao, như thế nào thân và tâm tương tác. Ngài dạy Vipassana (thiền Minh Sát).

Vipassana có nghĩa là thấy, thấy một cách đặc biệt, quan sát bên trong. Đây là một sự quan sát có đối tượng của thực tại bên trong. Việc phát triển về sự nhận biết sâu sắc về bản thể tự nhiên của một cá nhân. Nó không có những giả thiết, chỉ là sự quan sát. Đây là cách thực tiễn để hiểu khó khăn của chúng ta là đau khổ và giải quyết việc này. Khó khăn chung của mọi người cũng giống như thế, và thuốc giải cũng phổ dụng. Trong Vipassanā, chúng ta học quan sát những cảm xúc của chính chúng ta một cách khách quan. Các cảm giác là địa điểm gặp mặt của sự tương tác thân mật giữa thân tâm. Xuyên qua các cảm giác xuất hiện nơi thân, chúng được cảm nhận nơi tinh thần. Mỗi một người trong chúng ta là một khoa học gia của thân và tâm. Chúng ta có sự hiểu biết trực tiếp. Bậc Giác Ngộ đã trình bày bốn giai đoạn căn bản của tinh thần (tâm): Ý thức, nhận biết, cảm thọ và những điều kiện. Về mặt trí thức, không có người nào phải chấp nhận những giai đoạn này; Chúng sẽ trở nên rõ ràng một khi chúng ta bắt đầu kiểm nghiệm được chân lý nội tại.

Khi chúng ta học quan sát được các cảm thọ nội tại, theo kinh nghiệm, việc này thật rõ ràng là chúng ta tiếp tục phản ứng theo những cảm thọ này. Các cảm thọ là căn bản để các điều kiện, mô hình cũ của ham muốn và ghét bỏ tăng trưởng. Sự khám phá sâu sắc này là trụ cột cho việc giải thoát, mà Bậc Giác Ngộ đã đưa ra. Chính điều kiện của chúng ta làm chúng ta mãi đau khổ, và chúng sẽ bị nhổ bỏ tận gốc bằng cách thực tập quan sát đối tượng của cảm thọ. Thực tập Vipassanā, chúng ta không học để phát huy các điều kiện mới của ham muốn và ghét bỏ các cảm thọ và như vậy, chúng ta bắt đầu tiêu diệt các điều kiện cũ. Sự thực tập là hành trình từng bước một để tiêu diệt các ô uế của tâm thức. Do đó, đây là tiến trình để tiêu diệt đau khổ.

Không nằm trong môn phái khoa học, kỹ thuật này rất hữu dụng trong việc giúp tất cả mọi người có cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc, an lạc hơn. Những ai đã từng theo học lớp Vipassanā trong vòng mười ngày, dưới sự chỉ dẫn của vị thầy giỏi, lớp học này là kinh nghiệm đời đời.

Thực tập để khám phá thân tâm ở mức độ sâu xa nhất thật là không phải dễ. Việc này đòi hỏi sự ổn định, vững chãi về mặt thân (xem tiếp trang 29)



# LỘ TRÌNH SẮC PHÁP



**Tk. Pasādo** (tiếp theo)

## **V/ SỰ HIỆN HÀNH CỦA SẮC PHÁP VÀO SÁT NA SANH CỦA LỘ TRÌNH NGŨ MÔN (XEM TRONG BẢN CHÍNH PHƯƠNG THỨ 5).**

**1/ Sắc Tâm:** Như đã được đề cập đến trong bản chính phương thứ 1, sắc tâm đặc biệt chỉ được sanh khởi vào sát na sanh của từng mỗi sát na tâm, mà như thế chỉ là việc đề cập một cách tổng quát, vẫn chưa có được đề cập đến phần ngoại lệ, vì thực ra sắc tâm sẽ không có thể sanh khởi vào sát na tâm ngũ song thức đang sanh khởi.

Để có được sự rõ ràng, xin đề cập việc sanh diệt của loại sắc này khi hiện hữu một cách đầy đủ (đặc biệt trong bản chính phương thứ 1-4) có số lượng tối đa là 17 tổng hợp sắc, và xin nhắc lại một lần nữa, là vào sát na sanh của từng mỗi sát na tâm thường có 1 tổng hợp sắc đã diệt (không phải tính), 16 tổng hợp sắc đang hiện diện và lại sanh khởi 1 tổng hợp sắc nữa, kết hợp lại (đặc biệt là phải tính) có được 17 tổng hợp sắc.

Tiếp đến, vào sát na trụ của từng mỗi sát na của tâm thì vẫn là 17 tổng hợp sắc đang hiện diện và đến sát na diệt của từng mỗi sát na của tâm thì thường có 1 tổng hợp sắc đang diệt (mà phải tính vào), 16 tổng hợp sắc đang hiện diện, như vậy, kết hợp lại có được 17 tổng hợp sắc diễn tiến liên tục cho đến bản chính phương thứ 5 này.

Vào sát na sanh của tâm ngũ song thức thì mới có thể có 1 tổng hợp sắc tâm đã diệt (không phải tính), 16 tổng hợp sắc tâm đang hiện diện, và không có sanh mới, như thế số lượng phải tính vào là 16 tổng hợp sắc tâm. Khi đến sát na trụ thì có thể đặc biệt chỉ có 16 tổng hợp sắc đang hiện diện và đến sát na diệt thì có thể có 15 tổng hợp hiện diện và đang diệt (mà phải tính vào) 1 tổng hợp sắc, kết hợp lại có 16 tổng hợp sắc tâm.

Khi đến sát na sanh của tâm tiếp thu thì có 1 tổng hợp sắc tâm đã diệt mất (không phải tính vào), 15 tổng hợp sắc tâm đang hiện diện và lại sanh mới 1 tổng hợp sắc tâm nữa, kết hợp lại (đặc biệt là phải tính vào) có 16 tổng hợp sắc tâm, luân chuyển mãi liên tục như vậy cho đến sát na trụ của tâm hữu phần thứ 4 mới có chỉ là 16 tổng hợp sắc tâm đang hiện diện và khi đến sát na diệt của sát na tâm hữu phần này thì vẫn chỉ có 16 tổng hợp sắc tâm đang hiện diện và lại không có tổng hợp sắc đang diệt mất.

Tất cả diễn tiến như trên là vì vào sát na sanh của tâm ngũ song thức không có sắc tâm sanh khởi. Do đó, vào sát na sanh của tâm hữu phần thứ 5 có 16 tổng hợp sắc tâm đang hiện diện và lại sanh mới 1 tổng hợp sắc tâm, kết hợp lại có được 17 tổng hợp sắc tâm. Khi đến sát na trụ thì đặc biệt có 17 tổng hợp sắc tâm đang hiện diện (xem tiếp trang 33)

# Các nhà chiêm bái THÀNH TÍCH PHẬT GIÁO ẤN ĐỘ

**Hoa Cúc** (dịch)  
theo Middle land and middle way  
(tiếp theo)

**Sir Edwin Arnold**



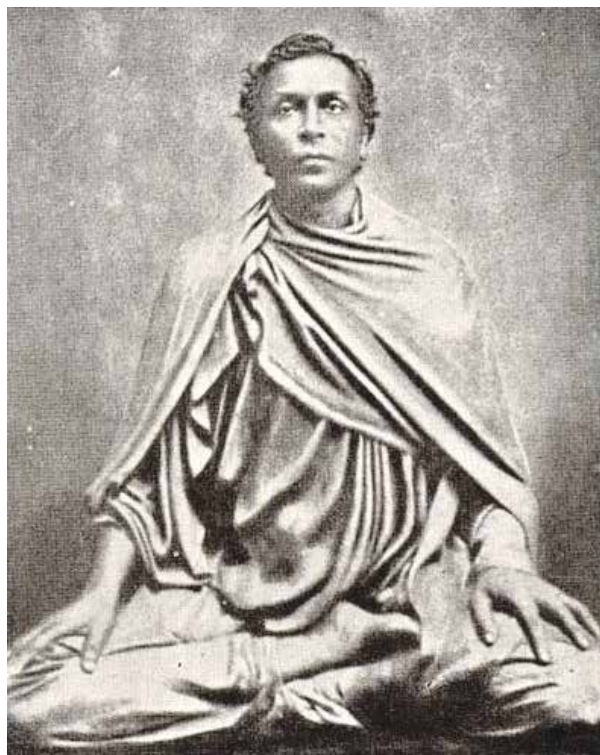
Tên của người này là Edwin Arnold. Arnold rất nổi tiếng, là một thi sĩ có tài khi ông được cử làm hiệu trưởng trường trung học Deccan tại tỉnh Pune, và với thái độ hào phóng và có kiến thức về tiếng Phạn chẳng bao lâu sau ông đã có được niềm đam mê đối với các tôn giáo Ấn Độ, đặc biệt là đối với Phật giáo.

Trong chuyến trở về Anh quốc vào năm 1861, Arnold có một công việc làm ông trở thành người viết bài biếm họa cho tờ Daily Telegraph, là tờ báo mà sau này ông trở thành Tổng biên tập, và tiếp tục công việc nghiên cứu về Phật giáo. Có điều chắc chắn là những gì ông viết không ai biết cả, có rất ít sách đáng tin cậy viết về Phật giáo vào thời đó và ngay cả những bản dịch ít ỏi về Kinh Phật, nhưng vào năm 1879 ông đã xuất bản một tập thơ nổi tiếng có nhan đề là Ánh Sáng Châu Á (The Light of Asia), tập thơ này đã mô tả sinh động cuộc sống và giáo lý của Đức Phật. Tập thơ là một thành công bình phẩm to lớn, và giúp cho công chúng nước Anh hiểu được rằng, thay vì là một ý thức hệ bi quan, âm đạm đã được mô tả trong các bản tường trình của các nhà truyền giáo Ky tô giáo, Phật giáo thực sự là một triết lý tinh vi và luân lý có vẻ đẹp riêng và sức hấp dẫn độc đáo. Những Phật tử tại phương Đông đã lâu đời thường nghe được chỉ những lời phê bình đầy xúc phạm về tôn giáo của họ, từ những người châu Âu, lại rất hoan hỷ với tập thơ và biến ngài Arnold thành một người hùng.

**K**hởi sự vào đầu thế kỷ thứ XIX, những du khách người Anh thỉnh thoảng có đến thăm vùng thánh địa Bodh Gayā hay Sārnāth để quan sát những tòa lâu đài đổ nát và hy vọng góp nhặt được những đồ cổ tại những địa điểm này. Vào năm 1857 một người Anh đã đến vùng thánh địa Bodh Gayā không phải đến với tư cách là một người tham quan hay một khách du lịch, mà với tư cách là một khách hành hương.

Đã từ lâu, Arnold luôn ước ao tới thăm thánh địa Bodh Gayā và Sārnāth, và khi ngài nhận được rất nhiều lời mời đến thăm Sri Lanka, Thái Lan, Miến Điện và Nhật Bản, ngài đã quyết định thực hiện chuyến du lịch sang phương Đông và cùng lúc đó cũng hoàn thành được ước muốn ấp ủ từ bấy lâu nay. Vừa tới nơi, ngài hết sức cảm kích khi đặt chân tới thánh địa và đứng ngay hành lang ngôi chùa Mahābodhi, hăng hái, nhiệt tình nghĩ rằng, tại nơi đây, chính Đức Phật đã chứng giác ngộ, nhưng

cùng lúc đó ngài cũng cảm thấy rất buồn vì người ta đã không chú ý gì đến ngôi chùa vĩ đại này. Ngài đi về phía sau ngôi chùa và đứng yên lặng dưới tán cây Bồ Đề và khi ngài lên tiếng hỏi một trong số các giáo sĩ Hin Du xem mình có thể hái một vài chiếc lá Bồ đề chăng, vị Giáo sĩ đáp lại: "Cứ hái bao nhiêu cũng được, Sahib, chẳng ảnh hưởng gì tới chúng tôi cả". Sau đó, ngài Arnold tới Sārṇāth, sau này ngài nói về địa danh này như sau: "Một khu đất linh thiêng hơn bất kỳ mảnh đất nào ta phát hiện ra được". Tiếp tục chuyến hành trình, Arnold tới Sri Lanka được Phật tử tại đảo quốc này tiếp đón rất đông đảo. Khi ông gặp được Weligama Sri Sumangala, là một trong những nhà sư có học thức uyên bác nhất vào thời bấy giờ, và là một trong số những lãnh đạo các Phật tử phục hưng và đã nhanh chóng chiếm được đà phát triển tại đây, ngài Arnold mô tả ngôi chùa Mahābodhi đang rơi vào hiện trạng vô cùng tồi tệ và gợi ý phải làm điều gì đó để cứu vãn tình thế. Ý tưởng đó đã được đông đảo Phật tử nhiệt tình ủng hộ, và Arnold hứa sẽ trình bày với nhà thẩm quyền tại Anh quốc và Ấn Độ, là điều ông có thể dễ dàng làm được, do vị thế khá tốt trong tổ chức chính quyền Anh quốc.



Trong lúc đó, chính ngài Edwin Arnold đã có ý tưởng cao thượng là trùng tu ngôi chùa Mahābodhi cho các Phật tử và đã khởi động công việc, phần kết thúc công việc trùng tu lại do người khác đảm nhiệm. Nhưng ngay cả ở vào thời điểm này Arnold đã cố gắng ảnh hưởng của mình và ngài bắt đầu viết lách cho sự nghiệp chính nghĩa này. Ngài đã gặp hoặc viết cho viên toàn quyền tại Ceylon, là quốc vụ khanh phụ trách Ấn Độ, vị tướng Cunningham cũng rất có nhiệt tình với ý tưởng đó ngay cả khi ông đang nắm giữ chức quan tổng trấn, và vào năm 1893 ngài đã viết một bài báo cho tờ Daily Telegraph biện minh một cách hùng hồn và say mê để cho các Phật tử được quyền kiểm soát điều hành ngôi chùa Mahābodhi. Khi ngài Arnold qua đời vào năm 1904, ý tưởng mà ông thường ấp ủ trong suốt hai mươi năm trước vẫn chưa được thể hiện, và quả thật đã không được thể hiện trong vòng 50 năm nữa. Nhưng ngày nay khi khách hành hương đến bái lễ tại ngôi chùa Mahābodhi hay hành thiền trong những ngôi vườn yên tĩnh vây quanh chùa, tưởng cũng nên nhớ lại điều gì những du khách hành thiền ngày nay phải chịu ơn một Phật tử người Tây Âu vào thời điểm xa xưa này.

### **Anagārika Dharmapāla**

Người thực hiện ý tưởng là ngài Edwin Arnold, đã khởi xướng đầu tiên chính là một cư dân người Sri Lanka tên là Anagārika Dharmapāla, sanh trưởng

trong một gia đình giàu có và đạo đức thâm sâu. Vào năm 1864, ở vào tuổi niên thiếu Dharmapāla đã bị nhóm Phật tử phục hưng ảnh hưởng đang quét qua toàn bộ hòn đảo từ những năm 70 thế kỷ thứ XVIII trở đi. Mặc dù ông biết mình muốn cống hiến sức lực và tài năng đáng kể của mình giúp cho Phật giáo giữ vững được trị trệ trong nhiều thế kỷ, chỉ cho đến khi thực hiện một chuyến hành hương đến thánh địa Bodh Gayā ông mới biết chính xác mình phải làm gì. Vào năm 1891 ông đến thăm thị trấn Sārṇāth và cảm thấy bị sốc và đau buồn trước những gì ông phải chứng kiến. Nơi Đức Phật đã khởi sự Chuyển Pháp Luân lần đầu tiên đã bị những người trong làng tại địa phương chất đống rác rến và biến thành chỗ chăn nuôi heo gà. Những cảnh tan hoang của những thiền viện, chùa chiền và bảo tháp tráng lệ nguy nga một thời chẳng có ai chú ý quan tâm, chỉ trừ trong đó họ có thể phá sập để lấy những viên gạch rẻ mạt dành cho những ngôi nhà riêng tư của họ.

Chỉ ít ngày sau đó, chính xác là vào ngày 22 tháng giêng, ngài Dharmapāla và người bạn của mình, là nhà sư Kozan người Nhật Bản đã đến thánh địa Bodh Gayā. Ngôi chùa nổi tiếng Mahābodhi đã được trùng tu trước đó một vài năm, nhưng không có ai bảo quản hay chăm sóc cho ngôi chùa cả, và vùng xung quanh ngôi chùa cỏ mọc tràn lan và bụi bẩn bám đầy. Khi Dharmapāla đến kính lễ tại



tòa Vajirāsana, tức “ngai tòa kim cương” giác ngộ, một cảm hứng đột nhiên khởi lên từ tâm tình mộ đạo xuất hiện. Ông mô tả những gì đã xảy ra trong cuốn nhật ký của mình như sau: Sau chuyến đi sáu dặm đường trường từ thị trấn Gayā, chúng tôi tới địa điểm thánh địa. Trong vòng một dặm, các bạn có thể chứng kiến những mảnh vỡ từ những bức tượng Phật nằm vung vãi khắp nơi. Ngay tại lối vào ngôi chùa của quan thị trấn Mahant dọc theo hai bên lối đi dẫn đến cổng vào có những bức tượng Đức Phật trong tư thế hành thiền và giảng giải Giới Luật. Hưởng thượng làm sao! Vị trí vihara cực thánh, Thế Tôn đang tọa lạc trên ngai và khung cảnh hoành tráng, vĩ đại đã tràn ngập khắp chung quanh khiến cho tâm trí người mộ đạo phải bật khóc lên vì sung sướng. Cảnh quan thú vị làm sao, ngay sau khi tôi tôn kính trạm thánh địa Vajirāsana, một thôi thúc tình linh xuất hiện trong tâm trí tôi, thúc giục tôi dừng lại ở đây và ra tay chăm sóc điểm thánh địa này, cực thánh đến nỗi chẳng có nơi nào trên cõi đời này có thể sánh bằng, nơi đây là nơi hoàng tử Sinha họ Thích chứng giác ngộ ngay dưới gốc cây Bồ Đề này. Ý nghĩ dừng lại nơi này để chăm sóc bất ngờ đến với tôi, tôi hỏi nhà sư Kozan xem liệu ông ta có tham gia cùng tôi hay không, và ông ta vui vẻ tán thành, và hơn thế nữa ông cũng nghĩ về một điều giống hệt như tôi đang có trong đầu. Cả hai chúng tôi long trọng hứa rằng chúng tôi sẽ dừng lại ở đây cho đến khi nào kiếm ra những tu sĩ Phật giáo đến lãnh trách nhiệm coi sóc địa điểm này.

Ngôi chùa Mahābodhi đã không được thực hiện chức năng làm nơi thờ tự trong suốt nhiều thế kỷ qua, nhưng đôi lúc vào cuối thế kỷ thứ XVI, có một vị hành giả Hin du đã đến vùng này và ở lại trong vùng lân cận, và những người kế tục ông, cũng biết danh quan thị trưởng Mahant là một người điền chủ giàu có và có thế lực nhất trong vùng. Vào lúc đầu ông thị trưởng không có gì để phản đối sự hiện diện của Dharmapāla; quan thị trưởng còn giao chìa khóa của những nhà nghỉ gần đó để ông có thể đến nghỉ ngơi. Ngay tức khắc ngài Dharmapāla viết một lá thư cho bạn bè và các tổ chức Phật giáo tại Sri Lanka, Miến Điện và Ấn Độ mô tả hiện trạng của ngôi chùa và xin trợ giúp để bảo quản ngôi chùa sao cho thích hợp. Nhưng món tiền nhỏ nhoi ông nhận được đã cạn kiệt, câu trả lời thỉnh cầu xin trợ giúp của ông lại đến rất chậm và ông bắt đầu sợ rằng ông phải từ bỏ lời hứa. Vào lúc này, là thời khắc đen tối nhất của ông, Dharmapāla đã chứng đạt một cảm nghiệm siêu nhiên sâu rộng khi ông ngồi thiền trong chùa. Đêm hôm đó vào lúc 12 giờ (nửa đêm) đây là lần

đầu tiên trong cuộc đời tôi cảm nghiệm được một an bình không thể nào hiểu được, thật an bình biết là đường nào.

Đối với ông, mục đích cuộc đời giờ đã trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Giống hệt như chính Phật giáo, chùa Mahābodhi đã trở thành một di tích được quan tâm thuộc quá khứ hơn là điều gì đó sống động và đang sống. Ông sẽ khôi phục lại cả hai thứ đó. Ông quyết định chỉ có thể thực hiện được điều này nếu ông rời khỏi ngôi chùa này và làm khơi dậy mỗi quan tâm quần chúng và nhận được hỗ trợ tại các quốc gia Phật giáo. Ông thành lập hội Mahābodhi để tổ chức và điều phối việc trùng tu ngôi chùa và tập san Mahābodhi, là một ấn phẩm Phật giáo quốc tế đầu tiên, để thông báo cho toàn thế giới Phật giáo về những tiến triển của hội. Ông du hành đến Miến Điện và Sri Lanka, nói chuyện ở những cuộc họp công cộng, và ông còn tổ chức những chuyến du lịch hành hương đất thánh từ Sri Lanka đến Ấn Độ. Thật không may, ước muốn của quan thị trưởng Mahant muốn thu gom tiền bạc từ những khách hành hương hiện giờ đang đổ về vùng thánh địa này hiện đang xuất đầu lộ diện, cũng như những nhập nhằng liên quan chính xác ai là người nắm chủ quyền ngôi chùa, đã dẫn đến những trận đấu đá pháp lý dài dòng và cay đắng cũng như ngay cả còn dùng đến bạo lực nữa.

Trong những năm tiếp theo, cuộc sống của Angarika Dharmapāla đã có quá nhiều sự kiện quan trọng xảy ra, đến nỗi thật khó có thể đưa ra được đường nét phác họa rõ ràng nào. Ngài đã diễn thuyết tại quốc hội ở Chicago về những tôn giáo vào năm 1893 (lần đầu tiên người ta thuyết trình về Phật giáo cho người phương Tây), ngài đã thành lập rất nhiều tờ báo Phật giáo tại Sri Lanka, ông chịu trách nhiệm chính đối với những liên lạc đầu tiên trong nhiều thế kỷ, giữa những Phật tử theo hệ phái đại thừa và các Phật tử theo hệ phái Nguyên thủy Nam tông, ông đã xây trường học, các trạm phát thuốc miễn phí và những cơ sở đào tạo nhân sự Phật giáo, ông đã tu sửa lại Sarnath và biến nơi đây một lần nữa trở thành trung tâm của Phật giáo. Do những cố gắng của ông, nên những người Phật tử một lần nữa lại có thể đến thờ tự trở lại tại ngôi chùa Mahābodhi và đương nhiên quyền hợp pháp để họ thực hiện công việc thờ tự này đã không đạt được mãi cho đến năm 1947, Chính ngài Angarika Dharmapāla đã làm cho quá trình pháp lý đó được tiến hành trôi chảy. Ngay trước lúc ông qua đời tại Sarnath vào năm 1933, ông cho biết: Tôi chỉ muốn tái sanh tới 25 lần nữa chỉ để lan truyền Phật Pháp của Đức Phật (còn tiếp). ■

# CÂU CHUYỆN BÀ VISĀKHĀ

## xin Phật cúng dường tám phẩm vật đến Tăng già trọn đời

TK. Indachanda - Nguyệt Thiên (dịch)  
(tiếp theo & hết)

**B**ạch ngài còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu vắng lai không rành rẽ đường xá, không rành rẽ khu vực, đi khất thực trong khi đang mệt nhọc. Vị ấy sau khi thọ thực bữa ăn dành cho vị vắng lai của con được rành rẽ đường xá, được rành rẽ khu vực, sẽ đi khất thực trong khi không còn mệt nhọc. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị vắng lai đến trọn đời.

Bạch ngài còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu ra đi trong khi tự mình tìm kiếm vật thực sẽ bị trễ đoàn lũ hành, hoặc sẽ đến nơi (mà vị ấy) có ý muốn đi đến vào lúc trời tối, sẽ phải đi đường xa trong khi đang mệt nhọc. Vị ấy sau khi thọ thực bữa ăn dành cho vị ra đi của con sẽ không bị trễ đoàn lũ hành, sẽ không đến nơi (mà vị ấy) có ý muốn đi đến vào lúc trời tối, sẽ đi đường xa trong khi không mệt nhọc. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị ra đi đến trọn đời.

Bạch ngài còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu bị bệnh trong khi không nhận được các thức ăn thích hợp, bệnh tình sẽ trầm trọng, hoặc sẽ chết đi. Trong khi vị ấy thọ dụng bữa ăn dành cho vị bệnh của con, bệnh tình sẽ không trầm trọng, sẽ không chết đi. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị bị bệnh đến trọn đời.

Bạch ngài còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu là vị chăm sóc bệnh trong khi tự mình tìm kiếm thức ăn sẽ đem lại bữa ăn của vị bệnh lúc mặt trời đã lên (cao) và sẽ bị lỡ bữa ăn. Vị ấy sau khi thọ dụng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh của con sẽ đem lại thức ăn của vị bệnh lúc đúng thời và sẽ không bị lỡ bữa ăn. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh đến trọn đời.

Bạch ngài còn có điều khác nữa, vị tỳ khưu bị

bệnh trong khi không nhận được các loại dược phẩm thích hợp, bệnh tình sẽ trầm trọng, hoặc sẽ chết đi. Trong khi vị ấy thọ dụng dược phẩm dành cho vị bệnh của con, bệnh tình sẽ không trầm trọng, sẽ không chết đi. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng dược phẩm dành cho vị bị bệnh đến trọn đời.

Bạch ngài còn có điều khác nữa, ở Andhakavinda do thấy rõ mười điều lợi ích mà đức Thế Tôn đã cho phép (thọ dụng) cháo. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng cháo hàng ngày đến trọn đời.

Bạch ngài còn có điều khác nữa, các tỳ khưu ni trong khi tắm trần trường với các cô gái điếm ở một bãi tắm của sông Aciravati, bạch ngài các cô gái điếm ấy đã chế giễu các tỳ khưu ni rằng: "Các bà đại đức ơi, vì điều gì mà các bà thực hành Phạm hạnh trong lúc đang còn trẻ vậy? Chớ không phải là các dục lạc nên được thỏa thích hay sao? Khi nào trở nên già cả, các bà sẽ thực hành Phạm hạnh, như thế các bà sẽ vớ được cả hai đầu mối." Bạch ngài, khi bị các cô gái điếm chế giễu các tỳ khưu ni ấy đã mắc cỡ. Bạch ngài, sự trần trường của phụ nữ là không tinh khiết, ghê tởm, bị lên án. Bạch ngài, trong khi thấy rõ sự hữu dụng này mà con muốn dâng đến hội chúng tỳ khưu ni vài choàng tắm đến trọn đời.

- Nay Visākhā, trong khi thấy rõ lợi ích gì mà bà lại cầu xin Như Lai tám điều ước muốn?

- Bạch ngài, ở đây các tỳ khưu đã sống qua mùa (an cư) mưa ở các phương sẽ đi đến Sāvatti để diện kiến đức Thế Tôn, các vị ấy sau khi đi đến gặp đức Thế Tôn sẽ hỏi rằng: "Bạch ngài, vị tỳ khưu tên (như vậy) đã từ trần. Cõi tái sinh của vị ấy là gì? Cảnh giới tương lai của vị ấy là gì?" Đức Thế Tôn sẽ nói về vị ấy rằng: "Trong quả vị Nhập Lưu, hoặc là trong quả vị Nhất Lai, hoặc là trong quả vị Bất Lai, hoặc là trong quả vị A-la-hán." Con sẽ đi đến gặp (các vị) và hỏi rằng: "Thưa các ngài, có phải vị đại đức ấy trước đây

đã đi đến Sāvatti?” Nếu các vị trả lời con rằng: “Vị tỳ khưu ấy trước đây đã đi đến Sāvatti.” Trường hợp ấy, con sẽ đi đến kết luận là: “Chắc chắn rằng vị đại đức ấy đã thọ dụng hoặc là vải choàng (tắm) mưa, hoặc là bữa ăn dành cho vị vắng lai, hoặc là bữa ăn dành cho vị ra đi, hoặc là bữa ăn dành cho vị bị bệnh, hoặc là bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, hoặc là dược phẩm dành cho vị bị bệnh, hoặc là cháo hàng ngày.” Trong khi nhớ lại điều ấy, sự hân hoan sẽ được sanh khởi ở con đây, do sự hân hoan mà hỷ sẽ được sanh khởi, do tâm có hỷ mà thân sẽ khinh an, do thân được khinh an con sẽ cảm giác sự an lạc, có sự an lạc tâm sẽ được định, con sẽ có được sự tu tập về Căn Quyền, có sự tu tập về Lực, có sự tu tập về Giác Chi. Bạch ngài, trong khi thấy rõ lợi ích này mà con cầu xin Như Lai tám điều ước muốn.

- Nay Visākhā, thật tốt lắm, thật tốt lắm! Nay Visākhā, thật tốt thay trong khi thấy rõ lợi ích này mà bà cầu xin Như Lai tám điều ước muốn. Nay Visākhā, ta cho phép bà tám điều ước muốn.

Sau đó, đức Thế Tôn đã tùy hỷ công đức cho bà Visākhā mẹ của Migāra bằng những lời kệ này:

*Trong khi dâng cơm nước  
nữ nhân được hân hoan,  
thành tựu về giới luật  
là đệ tử Thiện Thệ.  
Vượt qua được bốn xên,  
người cúng dường vật thí  
được hứa hẹn cõi trời,  
hết sâu được an lạc.  
Cô ấy đạt sức mạnh  
và tuổi thọ của trời  
đã đi vào đạo lộ  
không nhiễm ô, thanh tịnh.  
Cô ấy mong tạo phước  
được an lạc, vô bệnh,  
và vui hưởng dài lâu,  
trong cuộc sống thiên đình.*

Sau đó, khi đã tùy hỷ công đức cho bà Visākhā mẹ của Migāra bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khưu rằng:

- Nay các tỳ khưu, ta cho phép vải choàng (tắm) mưa, bữa ăn dành cho vị vắng lai, bữa ăn dành cho vị ra đi, bữa ăn dành cho vị bị bệnh, bữa ăn dành cho vị chăm sóc bệnh, dược phẩm dành cho vị bị bệnh, cháo hàng ngày, vải choàng tắm đến hội chúng tỳ khưu ni. ■

(tiếp theo trang 23)

và tâm. Người cầu đạo chân chính mong cầu được thực tập thiền Vipassanā, họ cần có sức khỏe tối thiểu ở nơi thân và tâm. Thông thường, tất cả đều học được, trừ những người bị bệnh tâm thần (nên liên lạc với bộ quản lý lớp Vipassanā trước khi ghi danh để xem học viên có bệnh, có thể thích hợp cho khóa học hay không).

Thiền Vipassanā là phương thuốc chữa bệnh phổ biến cho nỗi đau khổ chung. Nhưng điều này không có nghĩa là khoa tâm thần học không có chỗ đứng trong việc giúp đỡ nhân loại đang đau khổ. Đối với những người điên, không có khả năng để theo học thiền Vipassanā, một công việc hết sức tế nhị. Các bác sĩ chuyên môn về tâm thần học có thể giúp đỡ, làm giảm nỗi đau khổ của những người bệnh tâm thần. Ngoài trừ một nhóm nhỏ với các bệnh tâm thần quá nặng, thiền Vipassanā rất hữu dụng cho tất cả mọi người.

Phạm vi của khoa tâm thần học giới hạn vào một số nhỏ dân số. Nhưng thiền Vipassanā thì phổ biến bao gồm tất cả mọi mặt hoạt động về tâm thần của con người. Khoa tâm lý học ngụ ý tìm hiểu hoàn toàn về hoạt động tinh thần của con người, như chúng ta đã bàn qua, đây là môn “Khoa học về thái độ cư xử”, và như vậy, nó bị giới hạn. Thái độ cư xử trong ý nghĩa này được định nghĩa như bất kỳ một hành động phản ứng nào cũng có thể bị quan sát bằng cách này hay cách khác. Luận điểm là hành động đó, khác với tâm thức, ý nghĩ hoặc cảm giác, có thể bị quan sát và nghiên cứu. Ý là ở đây, người quan sát luôn là người ở ngoài cuộc, một người khác. Các tâm lý gia hiện đại tin tưởng rằng thái độ cư xử là con đường duy nhất mà các sự kiện tâm lý nội tại có thể được nghiên cứu kỹ.

Bất cứ người nào theo học khóa thiền Vipassana trong vòng mười ngày, đều có thể nhìn thấy sự sai lầm về mặt này của khoa tâm lý học hiện đại. Anh ta biết ngay từ kinh nghiệm bản thân là các sự kiện tâm lý nội tại có thể được quan sát trực tiếp. Mỗi thiên sinh của Vipassanā đều trở thành một bác sĩ tâm lý thực thụ cho chính mình. Xuyên qua môn khoa học thuần khiết về quán sát tự thân, anh ta bắt đầu thoát khỏi đau khổ.

Nguyện cầu cho nhiều người được bước đi trên con đường do Bậc Giác Ngộ chỉ dẫn. Nguyện cầu cho nhiều người học tập quán sát thực tại bên trong. Nguyện cầu cho mọi chúng sinh đều hạnh phúc, mọi chúng sinh đều an lạc. ■





# NHẠC SĨ QUÝ LUÂN

## nhà Hoằng pháp bằng nghệ thuật



Chơn Minh

*Trời chiều tháng 7 mưa nhẹ hạt, dư âm của cơn bão số 4 còn sót lại. Con đường vào chùa Giác Huệ trên đường Huỳnh Tấn Phát Q. 7 như nhộn nhịp hẳn lên với những tà áo lam bay bay. Từng nhóm Phật tử nam nữ tụ tập trong sân chùa trò chuyện râm ran, tất cả là do tánh hiếu kỳ chờ đợi nhóm làm phim của Quý Luân Studio và Thái Khanh Entertainment phối hợp thực hiện một phim truyện Phật giáo nhân mùa Vu Lan 2012 với tựa đề "NGHỊCH TỬ" sẽ quay một số cảnh tại đây.*

*Phóng viên Tạp chí PGNT tranh thủ gặp nhạc sĩ Quý Luân, Ủy viên Ban văn hóa THPG. TP. Hồ Chí Minh, Hội viên Hội Âm nhạc TP. Hồ Chí Minh, là chủ nhiệm phim và có cuộc trao đổi thân mật để tìm hiểu dự định làm bộ phim của anh tại khuôn viên chùa.*

**PV:** *Thưa nhạc sĩ xin anh khái lược quá trình anh tham gia vào hoạt động văn nghệ Phật Giáo? Điều gì kỷ niệm nhất đối với anh?*

**Nhạc sĩ Quý Luân:** Hơn 30 năm tôi đã có nhân duyên đến với Phật giáo thông qua con đường nghệ thuật. Sau khi tốt nghiệp PTTH, tôi thường đến chùa và tham gia biểu diễn trong các chương trình nhạc lễ ở các Chùa như tham gia trong nhóm "Tiếng chuông từ" chùa Phước Hải. Năm 1992 bản nhạc Phật giáo (PG) "Tình Ca Dâng Mẹ" là ca khúc đầu tay. Từ đó, tôi tham gia các hoạt động văn nghệ Phật giáo, sáng tác các ca khúc được phổ nhạc từ những bài thơ của nhiều tác giả. Nhiều ca khúc do tôi sáng tác đã trở nên quen thuộc với quần chúng Phật tử. Tôi cũng được mời phụ trách biên tập cho nhiều chương trình ca nhạc PG tại nhiều chùa trong và ngoài thành phố như chùa Hoằng Pháp (Hóc Môn); chùa Viên Quang (Đồng Nai); Trung tâm Tịnh xá (Gò Vấp); Chùa Phước Lâm (Tây Ninh);

Xá Lợi Thất (Long Thành) và tôi cũng thường tham gia vào công tác từ thiện lưu động giúp đỡ đồng bào nghèo vùng sâu vùng xa.

Tuy nhiên, điều mang lại nhiều kỷ niệm nhất trong tôi là được hát những ca khúc về Phật giáo mang đậm chất dân ca vì dễ cảm hóa lòng người. Ngoài ra, tôi còn có phòng thu âm, chuyên thu Kinh và những ca khúc Phật giáo cho các chùa và những Phật tử có nhu cầu.

**PV:** *Thưa Nhạc sĩ xin anh cho biết tình hình âm nhạc Phật giáo hiện nay thế nào?*

**Nhạc sĩ Quý Luân:** Những năm gần đây cho thấy Phật giáo Việt Nam được hưng thịnh và phát triển do sự quan tâm của Nhà nước và do hệ quả của việc giao lưu văn hóa Phật giáo với các nước trên thế giới và khu vực, nhất là khi Liên Hiệp Quốc công nhận ngày Đại Lễ Vesak và xét chọn Đạo Phật là Tôn giáo tốt nhất toàn cầu. Ngày nay, âm nhạc Phật giáo rất phát triển. Các ca khúc Phật giáo được sáng tác nhiều hơn. Các thể loại nhạc đa dạng và phong phú nên được sự đón nhận nồng nhiệt của giới Tăng lữ và Phật tử, kể cả những người khác đạo trong và ngoài nước. Khán thính giả tôn vinh nhạc Phật giáo là dòng nhạc tâm linh. Tôi rất vui, hạnh phúc và tự hào mình là người nhạc sĩ Phật giáo nổi gót bậc đàn anh trước đây đã từng cống hiến. Âm nhạc thay cho lời pháp thoại nhẹ nhàng chuyển tải lời dạy của Đức Thế Tôn đi vào lòng người và chuyển hóa được tâm lạnh của chúng sanh vốn dĩ là thiện như câu nói "Nhân chi sơ, tánh bản thiện".

**PV:** *Xin nhạc sĩ cho biết các tác phẩm tiêu biểu do Anh sáng tác là gì?*

**Nhạc sĩ Quý Luân:** Một số tác phẩm Phật giáo do tôi sáng tác và phổ thơ như: Chắp tay niệm Phật, Mẹ là Vầng Trăng; Công Đức Sanh Thành; Ân cha mẹ như trời biển; Dưới Đài sen; Nụ cười; Tình Quê Hương Đạo Pháp; Em mừng Phật đàn sanh; riêng bài Chúc Xuân đoạt giải Nhạc Việt "2006" được phát trực tiếp tại một số tụ điểm ca nhạc trong TP. Các ca khúc Phật giáo của tôi hiện được các đài truyền

hình phát sóng và trực tiếp thường xuyên. Các hãng Mobifone, Vinaphone và Viettel đã đưa 90 ca khúc lên nhạc chờ điện thoại và nhạc chuông để âm nhạc Phật giáo đến gần với mọi người hơn. Một số các đĩa nhạc CD, DVD và album được hình thành như: Album Vu Lan 1,2,3. Mùa sen nở 2012, Album Phật đàn 1, 2, Album Ca Nhạc Phật giáo Hương Sen 1-2-3 v.v... Là một nhạc sĩ, tôi nghĩ mình phải cố gắng học hỏi rất nhiều nhằm nâng cao kiến thức và sự hiểu biết để tác phẩm của mình ngày một hay hơn, đến gần với khán thính giả yêu âm nhạc Phật giáo hơn để lại dấu ấn tốt đẹp trong lòng mọi người. Sắp tới tôi sẽ phát triển một số nhạc Phật giáo với giai điệu Trẻ để phù hợp với giới trẻ, sinh viên, học sinh muốn tiếp cận với đạo Phật để tìm hiểu và cố gắng viết nhiều ca khúc Phật giáo dành cho thiếu nhi góp phần giáo dục đạo lý cho Thanh Thiếu niên và nhi đồng.



*cảnh trong phim "Nghịch tử"*

**PV:** Xin Nhạc sĩ cho biết nguyên nhân nào mà anh có ý định bước sang lĩnh vực điện ảnh để dựng cuốn phim này? Xin anh giới thiệu vài nét tổng quát về phim cho mùa Vu Lan 2012?

**Nhạc sĩ Quý Luân:** Nhận thấy hiện nay thực trạng đạo đức xã hội bị xuống cấp trầm trọng nhất là giới trẻ dường như thờ ơ với nền đạo đức trong quan hệ gia đình về chữ Hiếu đối với cha mẹ, chữ Nghĩa trong (huynh đệ, phu thê v.v...) không còn được coi trọng. Gốc đã mất thì nói chi đến ngọn nên trong quan hệ xã hội thay vì "người với người sống để yêu nhau" như nhà thơ Tố Hữu đã nói thì đáng này quan hệ giữa người với người không còn tình người nữa nếu không muốn nói là bất nhân, bất nghĩa. Tin tức thì nhan nhản trên báo chí.

Nhân tháng 7 mùa Vu Lan 2012 – Mùa báo hiếu Cha Mẹ, Tôi phát tâm thực hiện cuốn phim có tên "Nghịch Tử" dựa trên chủ đề chữ Hiếu đối với cha mẹ cúng dường đến Đức Phật, sau là dành tặng

khán thính giả Phật tử các chùa và Đạo tràng các hệ phái.

Vì một thông điệp dành cho giới trẻ, bộ phim được hình thành do sự nhất tâm của ê kíp làm phim gồm Tác giả: Duy Mỹ; Biên kịch: Trương Khang; Chứng minh: HT. Thích Đạt Đạo; Cố vấn nghệ thuật: TT. Thích Đồng Bổn; trợ lý nội dung: Cư sĩ Tánh Thuần; Chủ nhiệm: Quý Luân; Phó chủ nhiệm: Tâm Hạnh; Đạo diễn phim: Viên Hòa và thư ký: Thanh Mai với thành phần diễn viên gồm Quý Thầy và đạo tràng Phật tử: Chùa Hoằng Pháp – Hóc Môn, Chùa Giác Huệ Q7, Chùa Đức Phú - Nhà Bè . Các diễn viên gồm Cô Anh Hoa, Cát Phượng, Tiết Cương, Duy Mỹ, Hoàng Vũ, Nguyễn Huy (Bé Châu), Hữu Thọ, Trang Anh Thơ, Linh Trang, Bé Minh Tú, nhóm cascadeur Sao Việt.

Quý Luân và tất cả ê kíp làm phim muốn gửi đến các bạn trẻ thông điệp: "Hãy biết yêu thương và trân quý cha mẹ, khi cha mẹ còn sống trên đời, đừng để cha mẹ mất rồi mới hối hận thì không còn kịp nữa".



*cảnh trong phim "Nghịch tử"*

**PV:** Anh kỳ vọng điều gì qua cuốn phim này?

**Nhạc sĩ Quý Luân:** Nói về phim ảnh Phật giáo thì rất còn hạn chế ở nước ta, phim cổ trang đòi hỏi chi phí cao nên tôi chọn phát triển dòng phim mang tính xã hội, qua đó lồng những chuẩn mực đạo đức theo Lời Phật dạy vào bộ phim thì sẽ có nhiều lợi lạc và dễ tiếp cận với giới trẻ hiện nay hơn. Tôi thấy để đưa phim tiếp cận quần chúng ta có nhiều cách như từ việc sao chép ra bằng đĩa tặng các chùa hữu duyên để ấn tống cho Phật tử, hay qua các cổng thông tin đưa phim upload lên mạng bằng file HD chuẩn để hy vọng ai cũng có thể xem được đó là kỳ vọng của tập thể ê kíp làm phim chúng tôi. Tôi cũng kỳ vọng được sự hỗ trợ của báo chí và các trang mạng tuy nhiên đôi lúc (xem tiếp trang 33)

# Ba người Thầy vĩ đại

Huyền Trang (sưu tầm)

**K**hi Hasan, một nhà hiền triết sắp qua đời, có người hỏi ông: “Thưa Hasan, ai là thầy của ngài?”

Hasan đáp: “Những người thầy của ta nhiều vô kể. Nếu điểm lại tên tuổi của các vị ấy hẳn sẽ mất hàng tháng, hàng năm, và như thế lại quá trễ vì thời gian của ta còn rất ít. Nhưng ta có thể kể về ba người thầy sau của ta.

**Người đầu tiên là một tên trộm.** Có một lần ta đi lạc trong sa mạc, khi ta tìm đến được một khu làng thì trời đã rất khuya, mọi nhà đều đi ngủ cả. Nhưng cuối cùng ta cũng tìm thấy một người, ông ta đang khoét vách một căn nhà trong làng. Ta hỏi ông ta xem có thể tá túc ở đâu, ông ta trả lời: “Khuya khoắt thế này thật khó tìm chỗ nghỉ chân, ông có thể đến ở chỗ tôi nếu ông không ngại ở chung với tên trộm”.

Người đàn ông ấy thật tuyệt vời. Ta đã nán lại đây hẳn một tháng! Cứ mỗi đêm ông ta lại bảo: “Tôi đi làm đây. Ông ở nhà và cầu nguyện cho tôi nhé!” Mỗi khi ông ta trở về ta đều hỏi: “Có trộm được gì không?” và ông ta đều đáp: “Hôm nay thì chưa, nhưng ngày mai tôi sẽ cố, có thể lắm chứ.” Ta chưa bao giờ thấy ông ta trong tình trạng tuyệt vọng, ông ta luôn hạnh phúc.

Có lần ta đã suy ngẫm và suy ngẫm trong nhiều năm ròng để rồi không ngờ ra được một chân lý nào. Ta đã rơi vào tình trạng tuyệt vọng, tuyệt vọng đến nỗi ta nghĩ mình phải chấm dứt tất cả những điều vô nghĩa này. Ngay sau đấy ta chợt nhớ đến tên trộm, kẻ hàng đêm vẫn quả quyết: “Ngày mai tôi sẽ làm được, có thể lắm chứ!”

**Người thầy thứ hai là một con chó.** Khi ta ra bờ sông uống nước, có một con chó xuất hiện.

Nó cũng khát nước. Nhưng khi nhìn xuống dòng sông, nó thấy cái bóng của mình nhưng lại tưởng là một con chó khác. Hoảng sợ, nó tru lên và bỏ chạy. Nhưng rồi khát quá nó bèn quay trở lại. Cuối cùng, mặc nỗi sợ hãi trong lòng, nó nhay xuống sông và cái bóng biến mất. Ta hiểu đây là một thông điệp đã được gửi đến cho ta: Con người phải biết chiến thắng nỗi sợ hãi trong lòng bằng hành động.

**Người thầy cuối cùng là một đứa bé.** Ta đến một thành phố nọ và thấy một đứa bé trên tay cầm một cây nến đã thắp sáng để đặt trong đèn thờ.

Ta hỏi đứa bé: “Con tự thắp sáng cây nến này phải không?” Đứa bé đáp: “Thưa phải.” Đoạn ta hỏi: “Lúc này nến chưa thắp sáng, nhưng chỉ một thoáng sau đã cháy sáng. Vậy con có biết ánh sáng từ đâu đến không?”

Đứa bé cười to, thổi phụt ngọn nến và nói: “Ngài thấy ánh sáng đã biến mất, vậy ngài bảo ánh sáng đã đi đâu?”

Cái tôi ngạo nghễ của ta hoàn toàn sụp đổ, pho kiến thức kim cổ của ta cũng sụp đổ theo. Lúc ấy, ta nghiệm ra sự đốt nát của bản thân, và từ đó ta vứt đi tất cả những tự hào về kiến thức của mình.

Đúng là có thể nói ta không có một ai là thầy, nhưng điều này không có nghĩa ta không phải là một học trò. Ta xem vạn vật là thầy. Tinh thần học hỏi của ta luôn rộng mở hơn tất cả các người. Ta học hỏi từ tất cả mọi vật, từ cành cây ngọn cỏ đến đám mây trên trời kia. Ta không có một người thầy vì ta có hàng triệu triệu người thầy mà ta đã học được mỗi khi có thể. Điều thiết yếu trong cuộc sống là luôn làm một học trò. Điều này có nghĩa là gì? Nghĩa là có khả năng học hỏi, luôn sẵn sàng học để biết chấp nhận ý nghĩa của vạn vật. Người thầy là người thông qua đó ta bắt đầu học cách học hỏi. ■



(tiếp theo trang 24)

và đến sát na diệt thì có thể có 16 tổng hợp sắc tâm đang hiện diện và 1 tổng hợp sắc tâm đang diệt, kết hợp lại vẫn có 17 tổng hợp sắc tâm.

Và như thế với bấy nhiêu số lượng này sẽ diễn tiến liên tục như vậy theo phương thức này cho đến khi sẽ có việc thay đổi thành chủng loại khác.

## 2/ Sắc Quý Tiết Duyên Tâm:

Cũng hoàn toàn cùng một phương thức với mọi trường hợp của sắc tâm, chỉ có chênh lệch với nhau một sát na mà thôi. Do đó, sự thay đổi của loại sắc này mới bắt đầu kể từ sát na trụ của tâm ngũ song thức, tức là giảm bớt đi 1 tổng hợp sắc từ 17 tổng hợp sắc đã có hiện hữu ban đầu, chỉ còn lại 16 tổng hợp sắc và sẽ hiện hữu với số lượng này liên tục cho đến sát na trụ của tâm hữu phần thứ 5, rồi trở lại tăng lên 1 tổng hợp sắc nữa, trở thành 17 tổng hợp sắc theo như cũ.

Tất cả là như thế, bởi vì có cùng một loại nhân quả liên quan với mọi trường hợp của sắc tâm.

**3/ Sắc Quý Tiết Duyên Quý Tiết:** Là thành quả từ sắc quý tiết duyên tâm. Khi sắc quý tiết duyên tâm có việc thay đổi thì loại sắc này thường có việc thay đổi cùng theo phương cách tương tự. Do đó, trong bản chính phương thứ 4 có số lượng 476 tổng hợp sắc đang hiện diện, thì khi đến sát na diệt của tâm ngũ song thức mới giảm xuống 1 tổng hợp sắc, chỉ còn lại 475 tổng hợp sắc, và chỉ có bấy nhiêu số lượng này diễn tiến liên tục cho đến sát na diệt của tâm hữu phần thứ 5 mới tăng lên trở lại thành 476 tổng hợp sắc theo như cũ.

Tất cả là như thế, bởi vì có cùng một loại nhân quả liên quan với mọi trường hợp của sắc quý tiết duyên tâm.

Trong bản chính phương thứ 5 này, các loại sắc nghiệp, sắc vật thực, sắc quý tiết duyên nghiệp, sắc quý tiết duyên vật thực sẽ hiện hữu vẫn theo số lượng như cũ, không có việc chi thay đổi, và việc tập hợp các tổng hợp sắc cũng không có nhân quả nào là đặc biệt đáng phải đề cập đến (còn tiếp). ■

(tiếp theo trang 31)

tôi cũng hơi e ngại dè chừng vì ít nhiều sợ dư luận chưa hiểu đúng về tâm nguyện phục vụ Phật Pháp của mình. Tôi mong các trang mạng, các báo, đài và tạp chí chuyển tải giùm thông điệp trên của chúng tôi, đoàn làm phim, đến với giới trẻ hiện nay trong xã hội. Thế thôi!

*PV: Xin cảm ơn những ý kiến chia sẻ của anh. Thay mặt độc giả Tạp chí PGNT và trang mạng phatgiaonguyenthuy.com chúc nhạc sĩ thân tâm thường lạc, và có nhiều công trình nghệ thuật để đời trong lĩnh vực hoằng hóa Phật Pháp.*



đoàn làm phim đang quay phim

**Kết luận:** Nhạc sĩ Quý Luân được xem như một tông môn pháp quyến của cửa Thiên, một nhà hoằng pháp đa năng thông qua nghệ thuật. Anh đã biết rõ bản chất hiếu hòa rộng lượng, và giàu lòng tha thứ của dân tộc Việt khi muốn chuyển tải những ý đạo và lời dạy của Đấng Từ phụ qua lời thơ ý nhạc đậm đà bản sắc dân tộc Việt. Cả anh và ê kíp làm phim đều khát khao mong muốn gửi những thông điệp về cách sống thật "người" từ trong gia đình với câu tục ngữ tự ngàn xưa: "*Công cha như núi Thái Sơn, Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ "Hiếu" mới là đạo con*" đến ra ngoài xã hội cho dù đời sống có hồi hà đến đâu cũng xin đừng quên "bản chất tình người, tinh thần dân tộc Việt trong câu "*Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng. Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*".

Hãy đối xử với nhau như anh em một nhà, hãy mở rộng lòng từ khi đến với nhau có được như thế chúng ta sẽ góp phần làm đẹp xã hội, làm đẹp cuộc sống. Vâng vâng đâu đây câu thơ: "*Thế gian vạn sự giai bào ảnh, Thiên kiếp duy dư nhất điểm tình*" tạm dịch "*Tất cả chuyên thế gian đều coi là ảo ảnh, Ngàn kiếp đi qua còn sót lại chút tình*". Phải chăng nhạc sĩ Quý Luân hay mọi người trong chúng ta đều đã nhận ra điều này trước khi vô thường gõ cửa. ■

# Thi Điếu

## Cổ Đại Trương Lão Minh Châu

### Tưởng niệm giác linh Người

**Tỳ-khưu Giới Đức  
(Minh Đức Triều Tâm Ảnh)**

Hỡi ôi!  
 Kính quý thay!  
 Bi xốt thay!  
 Sinh diệt tợ đóm hoa  
 Sắc không như ánh chớp  
 Đám mây trắng ngàn năm ly hợp  
 Cõi bụi hồng muôn kiếp tụ tan  
 Hậu học sa-môn thương tiếc, bàng hoàng  
 Tứ chúng đoanh vây, trái tim lệ chảy  
 Lẽ vô thường xốt đau ba cõi  
 Luật hữu vi băng giá một trời  
 Trương lão ra đi,  
 Núi non tâm, đạo đức cao ngời  
 Sông biển trí, nhân văn bát ngát  
 Chẳng lẽ từ đây  
 Đứng thời mặt pháp  
 Cành nhánh khô gầy  
 Cội gốc cũng điêu linh  
 Nhìn đăm đăm trang giấy vô tình,  
 Không nói được tấm lòng bi điệu  
 Tay run mỗi chữ thừa, lời thiếu  
 Dẫu mưa rơi, sương rỉ chường ngàn  
 Bút lẽ nào, tre chẻ Linh Nam!  
 Mực không thể, nước đọng Đông Hải!  
 Người đã trải lá bổi  
 Dệt vàng trắng  
 Thiên thu soi đuốc tuệ  
 Ánh chớp hiện, nghi dung đại sĩ  
 Đóm hoa lưu, linh ảnh chân nhân

Thoáng trăm năm đại nguyện vi trần  
 Đàm hoa rụng thơm hương,  
 Lại rơi, lại rơi...  
 Rơi vào dòng bất tử...  
 Trương lão ra đi  
 Cõi từng già lá xanh bật khóc  
 Đất thiên lâm hieu hắt giọt sương khô  
 Dòng nước xao, hình núi lặng tờ  
 Làn mây thoáng, ánh sao vời vợi!

Hỡi ôi!  
 Nhớ giác linh xưa  
 Thế danh Đinh Văn Nam  
 Sinh năm Mậu Ngọ  
 Nguyên quán Kim Khue  
 Nghi Lộc, Nghệ An  
 Từ nhỏ lớn lên  
 Nuôi chí sách đèn  
 Năm ba chín lấy bằng cao đẳng  
 Và sự học, thuyên êm, biển lặng  
 Một chín bốn mươi lại đỗ tú toàn  
 Bồi cơm, bồi áo - làm việc tòa khám  
 Vì nước, vì dân - dốc lòng phụng sự  
 Ngày cau mặt, xốt điều phi lý  
 Đêm nhức đầu, đau chuyện bất công  
 Bồi vạy cho nên  
 Bỏ cửa quan, quay gót, rãnh lòng

Rời đường hoạn, phủi tay, lùa bụi  
Rời từ đó  
Hiểu nghiệp quả, ra công học Phật  
Biết duyên đời, gắng sức nghiên kinh  
Sáng lập đoàn Đức Dục thanh niên  
Lại dựng xây gia đình Hòa Phổ  
Hiểu sức mạnh tăng sinh tuổi trẻ  
Chung tay lo học viện Kim Sơn  
Rời lại thêm Báo Quốc học đường  
Không mệt mỏi ươm mầm giáo pháp  
Năm bốn sáu xuất gia đầu Phật  
Chùa Tường Vân, cố Tăng Thống ân sư  
Bút mực, sách đèn - sớm tối kinh thư  
Rau muối, tương dưa - tháng ngày công hạnh  
Năm bốn chín, duyên tu thuận cảnh  
Báo Quốc giới đàn minh chứng thập sư  
Đặc cách thọ tam đàn cụ túc tỳ-khưu  
Minh Châu pháp tự,  
Viên Dung pháp hiệu  
Tâm bồ-đề từ đây kiên cường, vững chãi  
Ghé hội, đoàn - rèn tâm giảng pháp  
Đến chùa, am - tập tri bàn kinh  
Những tháng, những năm  
Tạp chí Viên Âm,  
Tạp chí Từ Quang... góp bài viết đạo tình  
Chọn ý ngọc gieo ươm chánh tín  
Lựa lời châu bày tỏ duyên căn  
Trường trung học Bồ Đề - hiệu trưởng đầu tiên  
Với giới nghi, đầu tròn, áo vuông  
Bằng mô phạm, mắt xanh, viên trắng  
Gót nhập thế, đạo đời tương đẳng  
Đuốc từ bi, lạng lẽ lên đường  
Một chín năm hai, đạt nguyện xuất dương  
Đến Thiên Trúc tìm thầy học đạo  
Gương Nghĩa Tĩnh ngời soi Bắc quốc  
Trăng Huyền Tráng chiếu rọi Nam bang  
Vò vò đất nghèo, Pháp học ra công  
Quanh quẽ phòng đơn, quặng vàng thử lửa

Thấy cảm dỗ, nhẹ nhàng đóng cửa  
Nghe rử rẻ, thanh thân quay lưng  
Gian khổ nhiều năm, nuôi chí hạc hồng  
Bay vạn dặm câu kinh, con chữ  
Anh, Hán ra sức nghiên tâm,  
Sanskrit - Pi, cố công đối so cổ ngữ  
Quyết mò châu đáy biển từ nguyên  
Tay mỏi, mắt đau  
Tìm cho ra giọt nước trinh tuyền  
Tự suối nguồn trong ngân giáo pháp  
Chẳng nề hà thử thách,  
Nào sá quản gian lao  
Cay đắng, chát chua – quả vị ngọt ngào  
Cơ cực, khổ khăn – hoa hương vi diệu  
Hai cử nhân Pi - Anh đầu sơn khoa biểu  
Cao học A-tỳ-đàm nhẹ lấy thủ khoa  
Đỗ Tiến sĩ Phật học,  
Văn học Pi – đứng đệ nhất tòa  
Tổng thống Ấn Độ đích thân trao bằng danh dự  
Đại học Tích Lan, thêm bằng Pháp sư bổ xứ  
Là sa-môn Việt đầu tiên xuất sắc nguyên khởi  
Cầm đuốc tiên phong học thuật sáng ngời  
Lấy tuệ trí phát quang con đường đại học  
Một chín sáu tư lên tàu về nước  
Rời trọn tuổi trời lá bối chếp kinh  
“Thị nghiệp” một đời “duy tuệ” đăng trình...

Hỡi ôi!  
Nhớ giác linh xưa  
tịch mịch con đường  
Thề không đổi chí khí kiên cường  
Nguyên chẳng rời kinh văn dị giải  
Muốn học Nhật Nam tăng  
Cửa tùng đôi cánh gài  
Dịch kinh trên lá chuối  
Bông mây rụng áo phơi  
Lại noi Vô Ngại Thượng Nhân  
Giữa đời xa phiền não (còn tiếp).



# Lòng thành

PGSTS. Tạ Văn Trung

Mỗi mùa báo hiếu Vu lan  
Công cha nghĩa mẹ muôn vàn tình thương  
Con đi khắp mọi nẻo đường  
Vẫn không quên được quê hương nghĩa tình  
Thiện tâm với tấm lòng thành  
Nén nhang thắp tại tổ đình Bửu Quang.

# Hạt Cát

Lê Quang Trọng

Những hạt cát ta nắm trong tay  
Sợ mất đi  
Ta cầm thật chắc  
Những hạt cát vẫn rơi ra từ kẽ tay  
Rơi...  
Rơi...  
Một nắm cát nằm ở trong tay  
Rơi...  
Rơi...  
Mất...  
Sau mùa rong chơi được mát  
Những hạt cát còn trong tay ta rất thật  
Nóng ấm tin yêu  
Ta giữ lại riêng mình.

Chỉ cần giữ chắc những hạt cát lung linh  
Càng nắm chắc...càng rơi rơi mất...

# Vẽ Ngược Thời Gian

Lê Quang Trọng

Ta ghép lại những mảnh vỡ nỗi nhớ của một câu  
ca dao  
Lật lại tờ lịch cũ  
Nhìn dấu thời gian đi qua  
Cực khổ sướng vui  
Ta mài con tim cứng hơn gan sắt  
Tình yêu bước qua  
Vụn vỡ từng viên...

Ta nhật lại từng nốt của bài đồng dao  
Gắn kết lại lời ru của mẹ  
Tìm về khúc sông trong mắt ta thuở bé  
Lướt chiếc mo cao quạt tất cả bay về.

Bước qua nhanh chậm để lại dấu chân  
Bỏ vào bí mật những gì cũ kỹ  
Nhìn lại chiếc đồng hồ cát thời gian đã hóa sa  
mạt tự khi nào.

Cuộc chơi biết trước đờn đau chẳng ai muốn vào  
Mà vòng xoáy nhân sinh cuốn đi tất cả  
Con mê đi qua  
Ta tỉnh giấc...  
Tìm về.



# PHẬT GIÁO TẠI SRI LANKA

## Câu Chuyện Mahā Mahinda, Sanghamittā, Sri Mahā-Bodhi

**HT. Piyadassi**

**Phạm Kim Khánh** (dịch)  
(tiếp theo)

Theo niên sử của Sri Lanka, chính một vị A La Hán trẻ tuổi, Sāmanera Nigrodha (Sadi Nigrodha), con của Hoàng Tử Sumana, một người anh của Asoka, đã cảm hóa và hướng dẫn Asoka vào đạo Phật bằng một bài giảng rất ngắn nhưng vô cùng sáng tỏ, với chủ đề là tình trạng giác tỉnh chú niệm (appamāda). Kể từ lúc có những diễn biến ấy về sau người mà trước kia được gọi là Asoka hung ác bạo tàn (Chandāsoka), giờ đây có tiếng là Asoka, con người hiền lương đạo đức (Dhammāsoka). Ông trở thành người ủng hộ chư Tăng rất quảng đại rộng rãi, và là vị đại thí chủ trong các Phật sự (Buddha-Sāsana). Cuộc hoằng dương Giáo Huấn từ bi của Đức Phật cùng khắp thế giới phương Tây phần lớn là do công trình và sự cố gắng không biết mệt của ông, và Phật giáo trở thành ảnh hưởng sâu rộng nhất, làm khuôn mẫu cho nền văn hóa châu Á.

Những nguyên tắc và lý tưởng Phật giáo nhuộm màu lối suy tư và những xúc cảm của Asoka đến độ ông trở thành con người hoàn toàn khác biệt, và đã đem lại nhiều đổi mới trong hệ thống hành chính để trị nước an dân. Ông cố gắng giảng dạy và phổ cập giáo huấn của Đức Phật trong dân gian, nhất là trên bình diện luân lý. Ông cho ghi chạm trên đá những lời dạy đạo lý vàng ngọc của Đức Bốn Sư, biến thành những bài giảng trên đá, không phải bóng gió tượng trưng, mà thật sự điển hình. Asoka thấm nhuần tinh thần khoan dung đại độ mà Đức Phật giáo truyền, và trong triều đại của ông tất cả mọi tôn giáo trong nước đều được hưởng tự do tuyệt đối.

Nhiệt tâm của ông đối với Phật giáo mạnh mẽ đến độ ông cho phép hai người con thân yêu xuất gia. Vào lúc ấy, người con trai được hai mươi tuổi, xuất gia và thọ giới tỳ khưu (Upasampadā, cụ túc giới) cùng ngày, cô con gái mười tám tuổi.

Nhiệt Tâm Hoằng Pháp Của Asoka Nhận thức lợi ích lớn lao mà nhân loại có thể hưởng trong một giáo lý từ bi và trí tuệ như của Đức Phật, Asoka tận lực gia công hoằng dương những lời dạy của Đức Bốn Sư ra ngoài xứ Ấn Độ.

Cuộc Kết Tập Tam Tạng (Dhammasangāyana) lần thứ ba đã chấm dứt. Cuộc họp lần đầu tiên được triệu tập ba tháng sau khi Đức Phật nhập diệt, dưới triều đại Ajātasatu (A Xà Thế), và lần thứ nhì một trăm năm về sau, vào thời của Kālāsoka. Theo lời cổ vấn và dưới sự hướng dẫn của vị A La Hán Moggaliputta Tissa, Asoka gởi các nhà truyền giáo ra xứ ngoài. Sách ghi rằng mỗi phái đoàn gồm năm vị Thera (Đại đức) để có thể cử hành những Phật sự như lễ thọ Cụ Túc Giới, Upasampadā, ở các nơi xa xôi. Những khám phá của ngành khảo cổ tại Sanchi và Gwalior v.v... rõ ràng chứng minh rằng các phái đoàn truyền giáo là sự kiện thật sự có.

Vào những ngày xa xôi ấy có nhiều đệ tử của Đức Phật đã hành theo lời kêu gọi của Đức Bốn Sư: "Giờ đây hãy ra đi đó đây vì sự an lành và hạnh phúc của Chư thiên và Nhân loại ... Hãy công bố giáo Pháp ... Hãy công bố đời sống trong sạch". Những nhà truyền giáo ấy sẵn sàng nhận lãnh bất luận nhiệm vụ truyền giáo nào ở xứ ngoài, mặc dầu vào thừa ấy tình trạng truyền thông và mọi vấn đề đi lại rất khó khăn và cuộc hành trình đầy nguy hiểm. Do nhờ tâm đạo nhiệt thành và lòng kiên trì cố gắng, ý chí sắt đá và dũng khí bất khuất của những vị truyền giáo (Dharmadūtas) thời xưa ấy, Phật giáo được hoằng khai vào nhiều quốc gia. Sách về Asoka có đề cập đến các phái đoàn truyền giáo được gởi đến những vương quốc Á Đông theo văn hóa Hy Lạp, châu Phi và châu Âu đến Bactria và Trung Bộ châu Á.

Theo niên sử, vua Asoka và Vua Devānampiya

Tissa của Sri Lanka, mặc dầu không bao giờ gặp nhau, là hai người bạn rất thân từ trước khi Mahā Mahinda đến xứ này. Sách chép rằng vua xứ Sri Lanka gửi sứ giả với nhiều tặng phẩm quý giá đến bạn mình, Vua Dhammasoka, và vị này gửi trở lại một phái đoàn ngoại giao gồm những vị đại thần quan trọng mang theo bức thông điệp như sau:

"Tôi đã quy y với Đức Phật, với Pháp Bảo, Giáo Pháp của Ngài, và với Tăng Bảo, chư Tăng trong Giáo Hội. Chính tôi đã tuyên bố rằng mình là một thiện tín cư sĩ trong Tôn giáo của Đức Thích Ca; giờ đây Đại Vương, ôi! con người tốt nhất trong đám người, hãy lấy niềm tin mà cải hóa tâm của mình, hãy quy y với bảo vật quý giá nhất trong các bảo vật".

Như vậy, đất lành đã được chuẩn bị để đón rước đoàn truyền giáo của Đại Đức Mahā Mahinda tại Sri Lanka.

Khi Đức Thera Mahā Mahinda được vị bốn sư Moggaliputta Tissa Mahā Thera và Tăng Già yêu cầu sang Sri Lanka để thành lập cơ bản Phật giáo (Sāsana) tại đó, thì Ngài rời tự viện Asokārāmā tại Patna, đi Vedisagiri thăm và từ giã bà mẹ yêu dấu.

Cùng đi với Ngài có chư vị tỳ khưu A La Hán Ittiya, Uttiya, Sambala và Bhaddasāla, vị sa-di A La Hán Sumana có nhiều biệt tài, và vị thiện tín cư sĩ A Na Hàm Bhanduka, một người cháu của Vedisa Devi.

Khi đoàn chư tăng đến Vedisagiri, bà mẹ rất hoan hỷ đón mừng con và phái đoàn, hướng dẫn vào thăm ngôi chùa Vedisagiri Mahā Vihāra rất xinh đẹp mà bà đã tạo dựng, và chăm lo dâng cúng đến các Ngài trọn thặng.

### **Mahinda Đến Sri Lanka**

Lúc bấy giờ ở Sri Lanka, Vua Mutasiva đã băng hà và Devānampiya Tissa được cử lên ngôi, kế vị cha. Sau khi trải qua một tháng tại Vedisagiri, vào ngày trăng tròn tháng Jetta, năm 236 Phật Lịch (tức 308 trước D.L, nhằm năm thứ mười tám triều đại Asoka), vị A La Hán Mahā Mahinda cùng với sáu vị kia, dùng thần thông bay bổng lên không trung và rời Vedisagiri, các Ngài nhẹ nhàng đáp xuống tại đỉnh đồi Missaka, ngọn đồi cao nhất trong vùng Mihintale hiện nay, nằm phía Đông Anuradhapura cách tám dặm Anh, một ngọn núi sừng sững nổi lên giữa cánh đồng mênh mông bằng phẳng, từ trên đó nhìn xuống thị trấn Anuradhapura.

Hôm ấy nhằm một ngày quốc lễ. Vua đang sẵn bản vui chơi, thình lình gặp Ngài A La Hán Mahinda.

Vua nhìn thấy người lạ thì giựt mình -- lần đầu tiên thấy một nhà sư đấp y vàng nhưng vị A La Hán sớm trấn an vua với những lời như sau:

"Samanā mayam mahārāja  
Dhammarājassa sāvaka  
Taveva anukampāya  
Jambudīpā idhāgatā."

*"Tâu Đại Vương, chúng tôi là những nhà sư  
Đệ tử của vị vua Chân Lý.  
Vị lòng từ bi đối với Đại Vương  
Từ xứ Jambudīpa chúng tôi đến đây".*

Câu chuyện về cuộc truyền giáo vĩ đại từ Ấn Độ đến, về cuộc gặp gỡ giữa những nhà sư với Vua Tissa của hải đảo, và việc bao trùm trọn vẹn tất cả bốn mươi ngàn tín đồ vào một niềm tin mới mẻ như thế nào, đã được mô tả rành mạch trong các niên sử thời xưa. Kinh Cūla Hatthi-padopama Sutta (Majjhima Nikāya, Trung A Hàm, 27) là bài Pháp mà Ngài Mahā Mahinda thuyết giảng cho vua. Một cách sống động, bài này mô tả Tam Bảo (tri-ratana, Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo), cuộc sống ở tự viện của một nhà sư lý tưởng, và nhấn mạnh đến giá trị của lối phân biện quan sát sự vật và sáng suốt tìm hiểu.

Tin tức về phái đoàn vừa đến và nhà vua cùng đông đảo quần thần đã quy y Tam Bảo được loan truyền nhanh chóng, và dân chúng kéo đến đứng chật ních trước cổng cung điện. Nhà vua có tâm đạo nhiệt thành, sắp xếp cho mọi người thiện tín đều có thể nghe giáo huấn. Bài thuyết giảng giáo Pháp của Đức Mahā Mahinda cảm kích mạnh mẽ tất cả thính giả và mọi người đều có thể lãnh hội những lời dạy của Đức Phật. Không bao lâu, bức thông điệp của Đức Bốn Sư nhanh chóng hoảng khai cùng khắp, theo chiều ngang và chiều dọc hải đảo.

Vào ngày trăng tròn tháng 6 (Poson), 236 năm sau khi Vijaya đặt chân lên đảo, Phật giáo chánh thức được công nhận. Về sau Đức Mahā Mahinda và các vị Trưởng lão A La Hán sáng lập Giáo hội Tăng già, và cơ bản Phật giáo (Sāsana) được thiết lập trong xứ, lúc bấy giờ là trung tâm điểm của niềm tin trên thế giới. Xá Lợi Đức Phật, được Hoàng đế Asoka cung thỉnh, được tôn trí tại bảo tháp Thūpārāma Dāgaba, lần đầu tiên loại này, được xây dựng trong thành phố thiêng liêng Anuradhapura, nơi mà hằng ngàn khách hành hương và thiện tín nhiệt thành cử hành cuộc lễ Poson để tưởng niệm Đức Mahā Mahinda, Ánh Sáng của Lanka (dīpapasādaka). Nhiều tháp, nhiều đền thờ và chùa được tạo dựng trong thành phố Anuradhapura và nhiều thánh địa khác. Sự kiện nhà (xem tiếp trang 44)



# Không Có Thần Linh Trong Đạo Phật Xin Đừng Hiểu Sai Đức Phật

Chánh Pháp Thịnh

**Đ**ức Phật không phải là thần linh và cũng không có thần linh nào trong đạo Phật.

Phật là tiếng xưng hô đơn giản nhưng lại bao hàm ý nghĩa về nhân cách. Đức Phật vốn tên là Tất Đạt Đa, họ là Gô-ta-ma, sau khi xuất gia tu hành được mọi người gọi là Thích Ca Mâu Ni, nghĩa là Thích Ca tộc ẩn. Sau khi giác ngộ, mọi người gọi là Phật đà, gọi tắt là Phật, có nghĩa là người giác ngộ chân lý. Như vậy, Phật chỉ là tên gọi chung những người đã giác ngộ.

Người người đều có thể thành Phật, ở đâu cũng có Phật, không phải chỉ thế giới này mới có Phật mà vô số các tinh cầu trong vũ trụ đều có thể có Phật (đương nhiên có cả chúng sinh).

Phật và chúng sinh đều là những người bình thường. Phật có thể tu hành ngộ đạo thì ngàn vạn chúng sinh cũng có thể tu hành ngộ đạo (tức là ngộ ra đại đạo nhân sinh trong vũ trụ).

Lục tổ Huệ Năng giải thích Phật qua câu trả lời: "Vô Phật, vô tổ, Đạt-ma là miếng thịt thối, Thích Ca Mâu Ni, một nắm phân khô, Văn Thù, Phổ Hiền là kẻ gánh phân".

Mới nghe câu trả lời, ai cũng nghĩ Huệ Năng chẳng biết trời cao đất dày là gì, dám phủ định Phật. Nhưng chính câu trả lời phản ánh một người thấu triệt, lĩnh hội cái huyền cơ của Phật tính (bản tâm là Phật, bản tính cũng là Phật), mục đích là để ai nấy hiểu rằng mình có thể thành PHẬT.

Đức Phật: Người thầy, còn thầy thế nào là nhờ bạn đánh giá giùm.

Đây chỉ là một người thầy dạy cách diệt trừ lậu hoặc cho loài người.  
Kinh thứ 12,  
Lohicca,



Đạo Phật không phải là sự cầu nguyện

thuộc Trường Bộ kinh, cho biết có 3 hạng đạo sư đáng bị khiển trách là:

- Đạo sư không thực chứng một quả vị tu hành nào, lại còn để cho học trò không chú tâm học hỏi, sống phóng dật.

- Đạo sư không thực chứng một quả vị tu hành nào, học trò có chú tâm học hỏi nhưng lại sống trái ngược với giáo Pháp giảng dạy.

- Đạo sư không thực chứng một quả vị tu hành nào, học trò chú tâm học hỏi nhưng lại không sống theo những điều đã nghe thuyết giảng.

Đức Phật tự nhận mình là một đạo sư không đáng bị chỉ trích hay bị khiển trách vì đã thành tựu quả vị A-la-hán, các đệ tử của Ngài đều chú tâm học hỏi và thực hành giới định tuệ hướng đến kết quả thù thắng của hạnh sa môn.

Kinh thứ 12, Đại kinh sư tử hống, thuộc Trung Bộ kinh viết về các năng lực và trí tuệ siêu phàm của đức Phật như sau:

- Sa môn Gotama thuyết pháp, pháp ấy có khả năng hướng thượng, dẫn người thực hành diệt tận khổ đau.

- Ngài có đầy đủ khả năng siêu việt như lục thông, tam minh. Ngài có đầy đủ 10 Như Lai lực là:

1. Biết rõ xứ và phi xứ
2. Biết rõ quả báo tùy thuộc nhân duyên các nghiệp quá khứ, hiện tại và vị lai.
3. Biết rõ con đường đưa đến các cảnh giới.
4. Biết rõ thế giới với nhiều cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều căn tánh khác nhau.
5. Biết rõ chí hướng sai biệt của các chúng sanh.
6. Biết rõ căn tánh cao thấp của con người và các loài hữu tình.
7. Biết rõ sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh và sự xuất ly về thiên, giải thoát và định.
8. Thành tựu túc mạng minh nhớ đến nhiều kiếp quá khứ.
9. Thành tựu thiên nhãn minh thấy rõ quả báo tái sanh khác nhau của các loài chúng sinh tùy thuộc nghiệp lực.
10. Thành tựu lậu tận minh thấy rõ bốn thánh đế và các lậu hoặc, hướng đến giải thoát và giải thoát tri kiến.

Đức Phật là người bằng xương bằng thịt duy nhất trên thế gian này biết cách khám phá thế giới bên trong. Trong hơn 45 năm thuyết giảng độ chúng sinh, Ngài đã dạy cho hàng vạn người tự mình giải thoát mình ra khỏi phiền não, khổ đau và sợ hãi để lại cho đời những pháp môn chuyển hoá một con người bình thường trở thành người siêu phàm với các lực thông, tam minh, khiến nhiều người coi là thần thánh. Chính đức Phật cũng bị coi là thần thánh, điều mà lúc sinh thời, Ngài triệt để bác bỏ.

Kinh Giáo huấn văn tắt của Phật lúc sắp nhập diệt do Hoà thượng Trí Quang dịch là một phần trong bộ kinh Nguyên thủy đã viết:

“Trong rừng sala, giữa 2 cây song thọ, đức Phật sắp nhập diệt, Ngài đã vì đệ tử mà nói tóm tắt những điều cốt yếu của chánh Pháp: “Này các tỳ kheo, sau khi Như Lai diệt độ, các thầy phải tôn kính tịnh giới như mù tối mà được sáng mắt... Ai giữ tịnh giới thì người đó có thiện pháp. Đã ở trong tịnh giới thì phải chế ngự 5 thứ giác quan, không cho phóng túng vào 5 thứ dục lạc. Giới thì chính thuận với căn bản của sự giải thoát nên Như Lai mệnh danh là Ba-la-đề-mộc-xoa. Nhờ giới mà phát sinh thiền định và nhờ giới mà trí tuệ có năng lực huỷ diệt thống khổ. Thế nên, các thầy tỳ kheo hãy giữ tịnh giới đừng cho

vi phạm thiếu sót...

Năm thứ giác quan do tâm chủ động vì vậy, mà các thầy phải thận trọng chế ngự tâm mình... hãy nỗ lực tinh tiến mà nhiếp phục tâm mình”.

Các thầy tỳ kheo thọ dụng đồ ăn thức uống hãy coi như việc uống thuốc, ngon không ham, dở không bỏ, vừa đủ duy trì cho khỏi đói khát...Ban ngày thì nỗ lực thực tập thiện pháp, không để thì giờ lướt mất, nửa đêm lại phải tụng niệm để trừ điều ác, sinh trường điều thiện. Đừng vì lý do ngủ nghỉ mà để đời mình trôi đi, không được một chút ích lợi”.

Này các thầy tỳ kheo, nếu ai cắt xả thân thể các thầy ra từng đốt, các thầy cũng phải tự kiểm chế tâm mình đừng cho giận dữ. Lại phải giữ lấy miệng lưỡi, đừng để phát ra lời tiếng không tốt. Tâm giận dữ nổi lên là tự hại đạo nghiệp, hư mất công đức. Thực hành đức nhẫn mới được mệnh danh là bậc thượng nhân có sức mạnh...

Các thầy tỳ kheo, phải biết kẻ ham muốn nhiều thì nhiều sự cầu lợi nên khổ não cũng nhiều...Thực hành đức tính ít ham muốn thì lòng bình thản, không lo sợ thiếu thốn. Muốn giải thoát khổ não thì các thầy phải biết vừa đủ. Không biết vừa đủ thì bị 5 thứ dục lạc lôi kéo.

Muốn cầu yên tĩnh vô vi và an lạc, các thầy hãy ở đơn độc và ở một cách thư thái và thanh vắng.

Này các thầy tỳ kheo, tập trung tâm lại thì tâm sẽ ở trong thiền định. Tâm ở trong thiền định thì có thể thấu triệt trạng thái chuyển biến của vũ trụ. Vì thế, mà các thầy phải luôn luôn tinh tiến nỗ lực thực tập thiền định. Thiền định được thì tâm hết tán loạn. Tiếc nước thì hãy đắp đê sửa bờ cho khéo, hãy vì nước trí tuệ mà thực tập thiền định để giữ cho nó khỏi chảy mất. Đó là hạnh thiền định.

Này các thầy tỳ kheo, có trí tuệ thì hết đam mê, luôn luôn tự thức tỉnh và tự dò xét, không để lầm lỗi có thể có được, như thế là trong chánh Pháp của Như Lai, người ấy có khả năng thực hiện giải thoát. Trí tuệ chân thật là chiếc thuyền vững chắc nhất vượt biển sinh lão bệnh tử, là ngọn đèn sáng nhất đối với hắc ám vô minh, là thần dược cho mọi kẻ bệnh tật, là búa sắc chặt cây phiền não... (còn tiếp). ■



# KINH GIÁO GIỚI LA HẦU LA

Đại đức TS. Thiện Minh

**T**rong Trung Bộ Kinh có bài Kinh Giáo Giới La Hầu La. Đây là bài kinh rất hay nói về tương quan giữa một vị Phật tử và một vị sa di mới xuất gia. Vị sa di này là người con duy nhất của Thái tử Sĩ Đạt Ta.

Đức Phật, Ngài xuất gia năm 29 tuổi, thành đạo năm 35 tuổi. Bảy năm sau khi thành đạo, Đức Phật mới có một chuyến về kinh thành thăm vua cha Tịnh Phạn. Lịch sử ghi chép rằng khi Đức Phật về thăm hoàng cung, nàng Da Du Đà La đứng trên lầu cầm tay người con trai bé nhỏ và chỉ trong số đông sa môn đang đi dưới kia, nói với con rằng: “Người đi đầu, đó là cha của con”. Rồi Da Du Đà La dạy con của mình: Chút nữa cha vào hoàng cung thì con đến xin tài sản của cha”.

Vua Tịnh Phạn chỉ có một người con là Thái tử Sĩ Đạt Ta nhưng Thái tử lại từ bỏ ngai vàng đi xuất gia, chắc chắn người cháu nội La Hầu La sẽ lên kế vị ngai vàng. Cho nên, khi Đức Phật vào tới hoàng cung thì La Hầu La đi theo và nói với Đức Phật: “Bạch Đức Thế Tôn xin hãy trao tài sản của hoàng cung lại cho con”. Đức Phật dạy La Hầu La bài học đầu tiên rằng:

“Tài sản con đang xin ta là tài sản của thế gian. Tài sản này hôm nay có nhưng ngày mai sẽ mất. Tài sản đó đầy những lo âu, phiền não, sợ hãi. Cha thành đạo cách đây 7 năm. Cha tìm một tài sản, là loại tài sản đặc biệt, loại tài sản siêu thế, cha sẽ trao cho con tài sản này. Khi con có nó, con sẽ không còn lo âu, sợ hãi nữa, nó sẽ theo con mãi mãi. Đó chính là thánh sản”.

Sau khi nói lời giáo giới xong, buổi trai tăng hôm đó tại hoàng cung, Đức Phật nói với ngài Xá Lợi Phất hãy thân nhận La Hầu La làm học trò. Tin La Hầu La xuất gia quá đột ngột làm cho mọi người trong hoàng cung vô cùng sửng sốt. Bảy năm về trước, Thái tử Sĩ Đạt Ta từ bỏ hoàng cung ra đi trong đêm

khuya, âm thầm lặng lẽ không một lời chào. Sau bảy năm, đối với mọi người trong hoàng cung, nỗi buồn đó dường như đã vơi đi phần nào. Nay niềm vui đón mừng Đức Thế Tôn về thăm lại hoàng cung chưa được tròn đầy, thì tin La Hầu La xuất gia quá bất ngờ làm Vua cha Tịnh Phạn kinh ngạc, đau khổ. Vua nén cơn phẫn nộ, nói với Đức Thế Tôn:

“Từ nay về sau, đại vương yêu cầu Thế Tôn một điều, nếu người nào muốn xuất gia thì phải có sự đồng ý của cha mẹ, nếu người đã lập gia đình thì phải có sự đồng ý của vợ hoặc chồng mới được xuất gia”.

La Hầu La xuất gia rồi nhưng khi đó mới 7 tuổi nên hãy còn thơ dại. Vì vậy, mỗi ngày La Hầu La theo thầy tế độ là ngài Xá Lợi Phất đi khất thực và học oai nghi tế hạnh. Thịnh thoảng Đức Phật cũng đến thăm La Hầu La như một người cha thăm con và với cương vị Phật tử thăm học trò.

Ở đất nước Ấn Độ, khi một người tôn kính đến thăm gia đình, thì người Ấn có phong tục là múc một thau nước đặt phía trước nhà để rửa chân cho người đó.

Ấn Độ là một đất nước đông dân, đa ngôn ngữ, đa sắc tộc, đa tôn giáo, có nền kinh tế đứng hàng thứ 8 trên thế giới. Tại Ấn Độ có hơn 8.000 ngôn ngữ khác nhau, trong đó có 18 ngôn ngữ hành chánh, 750 ngôn ngữ có văn phạm, số ngôn ngữ còn lại không văn phạm. Ấn Độ ngày nay là một đất nước thu hút số lượng khách du lịch hành hương trên thế giới rất đông. Ngoài các thánh tích Phật giáo nổi tiếng, Ấn Độ còn có những di tích lịch sử và thiên nhiên tươi đẹp. Nhưng những nơi còn lưu lại các thánh tích Phật giáo, hầu hết người dân ở đây sống rất nghèo khổ và tình trạng kém vệ sinh rất phổ biến. Cho nên, rửa chân cho người mà họ tôn kính là phong tục phản ánh tinh thần hiếu khách của người dân Ấn.

## Bài học thứ nhất

Khi Đức Phật đến thăm, La Hầu La bưng nước





*Công chúa Da Du Đà là chỉ tay bảo La Hầu La hãy chạy xuống và xin gia tài của cha con là vị đi đầu đoàn người đó.*

rửa chân cho cha mình. Rửa chân xong, Đức Phật đổ nước, rồi chừa lại trong thau một chút. Sau đó, Ngài hỏi La Hầu La:

- Nay La Hầu La, con có thấy còn một chút nước hay không?

La Hầu La thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn con có thấy.

Đức Phật nói:

- "Đời của một người tu cũng chỉ đáng bằng một chút nước này thôi, nếu như người đó cố tình nói dối. Nay La Hầu La đời sống đạo đức của một con người, nếu con nói dối mà không biết hổ thẹn tội lỗi thì lợi ích và hữu dụng nó ít như ở trong thau còn một ít nước vậy" .

Sau đó, Đức Phật đổ hết nước trong thau ra ngoài, Ngài hỏi:

- "Nay La Hầu La, con có thấy trong thau này hết nước chưa?"

- "Bạch thế tôn con thấy". La Hầu La thưa.

Đức Phật dạy:

- "Đời của một người tu cũng đáng vất bỏ đi như vậy nếu như người đó cố tình nói dối". Nay La Hầu La, đời sống đạo đức của một con người nó rộng không giống như một con người nói dối mà không có tâm, không có quý, thì nó rộng không và vô tích sự giống như cái thau không còn nước.

Xong, Đức Phật lật cái thau úp xuống và nói:

- "Đời của một người tu sẽ trở nên đảo lộn như vậy nếu như người đó cố tình nói dối".

Và, để nhấn mạnh thêm nữa, Đức Phật lật ngửa cái thau trở lại và nói:

- "Đời của một người tu cũng trở nên trống rỗng như cái thau này nếu như người đó cố tình nói dối".

Sau đó Ngài dạy con:

"Đối với một người cố tình nói dối, không có một tội lỗi xấu xa nào mà người đó không thể làm. Vì vậy, La Hầu La, con hãy tập đừng bao giờ nói dối, cho dù đó là một lời nói đùa."

Đức Phật nói: Đời sống đạo đức của con người mà nếu phạm phải điều nói dối, nói đâm thọc thì đời sống đó đảo lộn giống như thau nước. Và Ngài dạy La Hầu La dù trong hoàn cảnh nào, trong điều kiện nào, dù nói chơi cũng không được nói dối, nói lời đâm thọc, nói lời hai lưỡi, nói dộc mà bây giờ giới trẻ gọi là "nổ", là "tám". Thời buổi này, người ta thích nổ để lừa gạt. Có cũng nổ, không cũng nổ. Có nổ đã đành, không cũng nổ, nổ từ ở nhà vô cơ quan, từ cơ quan vô chùa cũng nổ luôn, mới đáng sợ. Nổ như một bệnh thời đại, như cái mắc áo người ta treo đủ thứ huân hoàng, đổi láo lên đó.

Đức Phật dạy: "Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối". Nói dối trong đó có nói đâm thọc, nói lời hai lưỡi, nói lời độc ác, chia rẽ. Người phạm phải lời nói dối, lời đâm thọc, người đó giống như nước chỉ còn một ít trong thau, giống như nước không còn trong thau, giống như cái thau bị úp xuống, như cái thau bị lật lên, thật là vô ích.

Người nói dối, nói đâm thọc, đời sống của họ đảo lộn, tâm của họ bấn loạn, luôn sợ hãi, lo âu. Những người nói dối làm ảnh hưởng, gây tai họa cho những người chung quanh. Cho nên, người tu phải gìn giữ cái miệng, tức là giữ lời nói của mình cho được thanh tịnh.

**Bài học đầu tiên, Đức Phật dạy cho La Hầu La, một đứa con mới 7 tuổi, một sa di mới xuất gia là bài học về đạo đức chân thật.** Trẻ con phải chân thật, trung thực ngay khi còn nhỏ, đó là chất liệu của một nền tảng đời sống đạo đức. Trong cuộc sống, tất cả các mối quan hệ: thầy - trò, chồng - vợ, cha - con, anh - em, chủ - tớ v.v... đều phải có niềm tin với nhau thì quan hệ đó mới bền vững. Niềm tin đó có được từ lòng chân thật, ngay thẳng đối với nhau.

Đức Phật dạy con nghiêm khắc, nhẹ nhàng chỉ cho con thấy việc nói dối là không nên làm đối với một đứa trẻ. Trẻ con cần phải chân thật trong mỗi lời nói, mỗi việc làm của mình. Có như vậy, lớn lên mới làm người thành thật.

### **Bài học thứ hai**

Một lần khác, đức Phật đến thăm La Hầu La. Ngài hỏi:

- “Cái gương dùng để làm gì?”

“Bạch Đức Thế Tôn, gương dùng để soi” – La Hầu La thưa.

Đức Phật lại dạy:

“Trong khi chuẩn bị làm điều chi bằng thân, khẩu, ý, con phải quán chiếu: hành động này có gây tổn hại cho mình hoặc cho kẻ khác không. Nếu, sau khi suy xét, con thấy rằng hành động đó sẽ có hại, thì con hãy đừng làm. Còn nếu con thấy rằng hành động đó có ích lợi cho con, và cho kẻ khác, thì con hãy làm”.

Đức Phật dạy La Hầu La: Đời sống tu hành của con giống như tấm gương, cho nên, trước khi con hành động thì hãy tự hỏi nó có lợi ích gì cho con hay không, nó có lợi ích cho những người khác hay không. Nếu có lợi ích cho con, cho những người khác thì con làm, nếu nó không lợi ích cho con, nó làm tổn hại cho người khác thì con đừng làm, nó hại cho người khác mà có lợi cho con thì con cũng đừng làm, hay là nó lợi cho người khác mà có hại cho con thì con cũng đừng làm.

Bài học thứ hai Đức Phật dạy La Hầu La là phải suy xét mọi hành động, nhìn lại chính mình trong mỗi việc mình làm.

Vậy thế nào là hành động có lợi ích cho mình và cho người khác? Đức Phật dạy, hành động nào thiện thì mình nên làm, hành động bất thiện thì nên xa lánh. Đây là điều thuộc về giới. Giới chia làm nhiều loại. Giới thứ nhất là giới thông thường, giới này ở mỗi quốc gia, mỗi địa phương, mỗi gia đình có quy định, quy ước khác nhau.

Giới thứ hai, gọi là giới luật thuộc về lĩnh vực Tôn giáo. Phật giáo có nhiều giới, trong đó có năm giới căn bản áp dụng cho các vị tu sĩ xuất gia và cư sĩ tại gia, đó là giới không sát sanh, không nói dối, không tà dâm, không trộm cắp, không uống rượu. Ngoài ra còn có Bát quan trai giới.

Nhưng ở đây, chúng tôi muốn nói với quý vị về giới thông thường. Thế nào là giới thông thường? Là những quy định của pháp luật, những quy ước của xã hội mà con người phải tôn trọng và thực hiện. Giới thông thường có thể thay đổi tùy theo quốc gia, vùng miền, dân tộc, tín ngưỡng, gia đình.

Ví dụ trong gia đình, cha mẹ dạy, buổi sáng phải quét nhà, dọn dẹp phòng khách sạch sẽ, chỉ định công việc cho con, nhưng con không làm là con đã vi phạm giới thông thường. Ba mẹ quy định ăn cơm xong là phải rửa chén, không được để chén bát dơ qua đêm, con không làm đúng như vậy, là vi phạm

giới của gia đình.

Hoặc luật pháp Việt Nam quy định người sử dụng phương tiện xe gắn máy lưu thông trên đường bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm. Đó là luật an toàn giao thông. Những ai không đội mũ bảo hiểm trong trường hợp trên là vi phạm giới thông thường. Có thể nhiều năm về trước, chúng ta quen chạy xe gắn máy ra đường không đội mũ bảo hiểm. Thậm chí thấy ai đội mũ bảo hiểm, có thể chúng ta còn nói họ chơi trội, đội mũ làm gì cho phiền phức. Nhưng bây giờ, nếu chạy xe gắn máy ra đường mà không có mũ bảo hiểm là tự nhiên thấy như mình có lỗi vậy, cái tâm luôn hồi hộp vì sợ công an phạt. Nhiều người hiểu chưa thấu đáo, dễ nhầm lẫn về giới thông thường nên từ đó không thực hiện nghiêm túc. Giới thông thường cũng là giới mà chúng ta phải gìn giữ, thưa quý vị.

Giới thông thường có thể hợp với nơi này mà không hợp với nơi khác. Ví dụ, ở Việt Nam lái xe ô tô, muốn xin qua đường, qua mặt dù có nhấn còi inh ỏi cũng không ai phàn nàn gì. Nhưng ở Mỹ, hầu hết người lái xe tôn trọng luật giao thông, không khi nào họ bóp còi xe để lấn đường.

Hoặc chùa có thanh quy của chùa. Lên chánh điện lạy Phật, quý vị phải bỏ dép bên ngoài. Có chùa còn quy định không cho mặc áo ngắn tay vào chánh điện. Đó là giới luật nhà chùa ban hành ai cũng phải tôn trọng. Cho nên, nếu quý vị không hiểu về giới thông thường chỗ này, quý vị nói tôi đi chùa, tôi chỉ giữ giới theo luật Phật thôi, nói vậy không được. Nhiều khi quý vị giữ giới theo luật Phật, nhưng quý vị phạm luật thế gian cũng không được. Đức Phật dạy quý vị giữ giới thông thường để chúng ta được tốt đời đẹp đạo, để cho tâm quý vị mát mẻ, an vui.

Cho nên giới thông thường cũng quan trọng lắm, ai cũng phải giữ gìn. Có nhiều thầy, nhiều cô tự cho mình tu cao, thọ mấy trăm giới rồi nên giới thông thường cần chi phải thực hành. Chùa ít người, sân rụng đầy lá, Thầy cũng mặc kệ nó dơ, không quét. Bể chùa cần người phụ, nhưng cô cho rằng việc rửa chén là thấp hèn, không nhúng tay vào. Phật tử nhiều người nói: Tui thọ Bồ Tát giới rồi, tui lo tu, không cần quét nhà nhen. Nhiều người có tâm tưởng như thế. Hãy biết, sống chỗ nào thì phải chấp tác chỗ đó, tôn trọng quy luật ở đó.

Ở Miến Điện có một vị thiền sư rất nổi tiếng. Ngài nổi tiếng là một vị thiền sư đức độ, dạy thiền cho hàng trăm, hàng ngàn người từ khắp nơi trên thế giới đến học. Ngài còn nổi tiếng là nhà sư tình nguyện rửa chén cho chư Tăng và cho cả Phật tử.

chùa của ngài rất đông Phật tử. Mọi người kính trọng, thương yêu Ngài vì Ngài là một thiền sư gương mẫu và vì hạnh phúc vô điều kiện của ngài trong những việc rất nhỏ là rửa chén. Việc nhỏ vậy mà không phải vị thiền sư nào, Phật tử nào cũng làm được. Cho nên, người ta không chỉ kính trọng đạo cao đức trọng ở người tu mà còn kính trọng những đức tính bình thường, giản dị của một con người.

Sống hài hòa giữa đạo và đời là một cách sống đẹp của người tu hành. Quý vị tu mà không làm tròn bổn phận đối với cha mẹ, chồng con, anh em, đối với xã hội... thì công trình tu tập của mình rất chênh vênh. Mặc dù quý vị là một Phật tử thuần thành, bạn hữu trong đạo tràng ai cũng quý mến nhưng gia đình còn chưa hài lòng mình về một phương diện nào đấy thì hãy cố gắng sửa mình cho tốt, giữ giới thông thường cho tốt để tâm được yên vui, phước báu được tròn đầy.

**Bài học thứ hai, Đức Phật dạy La Hầu La, bất cứ làm cái gì phải nhìn lại con giống như là gương phản chiếu.** Nếu lợi cho con mà hại cho người khác thì đừng làm.

Quý vị thấy rằng, Đức Phật không dạy con về đúng hay sai mà dạy cho con biết suy nghĩ về cái lợi và cái hại. Khi nghĩ về cái lợi và cái hại, chúng ta sẽ biết sợ nhân quả. Đó chính là đạo đức của người tu.

Đức Phật với lòng từ bi vô hạn đã dạy cho La Hầu La bài học của lòng yêu thương, hạt giống tâm hồn này rất cần cho đứa trẻ để nó lớn lên biết ý thức mỗi việc làm của mình có gây tổn hại cho ai không. Đạo Phật không phải để nói. Đạo Phật là làm, là hành động, là thực hành. Đức Phật đã dạy con nhìn lại những hành động mình làm, quay trở về với chính mình để quán chiếu với lòng từ bi, xem xét mọi việc để đừng gây lỗi lầm với một ai, nếu có thì phải biết hổ thẹn, phải có tâm tâm quý, và phải biết sám hối. Bài học này vô cùng giá trị đối với tuổi trẻ.

Quý vị làm cha mẹ phải dạy con biết nhận ra lỗi lầm của mình. Trong thực tế, rất nhiều vụ án xảy ra mà kẻ gây án tuổi còn rất trẻ, kẻ bao che cho tội của con mình lại chính là cha mẹ.

Ngay khi con còn nhỏ, cha mẹ dạy con lòng trung thực, không sát sanh, không nói dối, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu... Những giá trị này không chỉ nói suông, mà cha mẹ phải làm gương cho con, làm cho con tin tưởng vào cha mẹ. Quý vị hãy giúp con mình lớn lên phát triển nhân cách, đạo đức, là một người trung thực, sống thành thật với mọi người (còn tiếp). ■

(tiếp theo trang 38)

vua dâng cúng công viên Mahā Meghavana Park đến Tăng già là một diễn biến quan trọng, bởi vì chính tại nơi đây mà ngôi chùa chánh Mahā Vihāra và trung tâm Văn hóa Phật giáo được thành lập.

Với thời gian, cơ sở học tập này trở thành nổi tiếng và đào tạo nhiều học giả uyên thâm lỗi lạc từ những lãnh thổ khác nhau. Được biết, nhiều nhất là Ngài Buddhaghosa, đến từ Ấn Độ, nhà chú giải đã viết ra những bộ chú giải quý giá về giáo lý Phật giáo, trong khi lưu ngụ tại ngôi chùa Mahā Vihāra.

Cũng từ trung tâm học tập Phật giáo này, nhiều nhà truyền giáo, Dhammadūta, nam và nữ, được gửi đến nhiều nơi ở châu Á để hoằng dương Giáo Pháp. Cho đến ngày nay dân chúng ở Miến Điện, Thái Lan, Campuchia và Lào, những nơi mà Phật giáo Nguyên Thủy đang phồn thịnh, và đến tận Trung Hoa, Triều Tiên và Đài Loan, mọi nơi đều có tiếp nhận những công trình phục vụ của các nhà truyền giáo Lanka (Tích Lan).

Khi Đức Mahā Mahinda đã thâm sâu gốc rễ của niềm tin trong xứ này và thiết lập nền tảng cơ bản cho Giáo hội chư Tỳ Khưu thì phía nữ giới cũng thấy cần phải có một Giáo hội chư Tỳ Khưu Ni, Bhikkhuni Sāsana. Câu chuyện về lòng ước muốn mạnh mẽ này được tường thuật trong các niên sử và bản Chú giải Tạng Luật, Samantapāsādikā.

Mahā Mahinda là vị Pháp sư có tài trình bày Giáo Pháp một cách sáng tỏ và rõ ràng. Ngài đã thuyết giảng nhiều thời Pháp rất gợi cảm. Ngài dạy, soi sáng, và tạo niềm vui cho vua và cho người dân thường. Đồng đảo dân chúng xin quy y Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Những người trong hoàng tộc cũng lấy làm thích thú lắng nghe những lời giảng sáng tỏ của Ngài mà đến nay họ chưa từng biết, bởi vì họ chưa bao giờ được nghe giáo huấn của Đức Phật.

Hoàng Hậu Anulā, thứ phi của một vị phó vương tên Mahānāga, cùng với 500 thị nữ đến nghe Pháp, thành đạt tiến bộ tinh thần và xin Ngài A La Hán Mahinda cho xuất gia. Tuy nhiên, vào lúc bấy giờ ở Lanka chưa có Giáo hội Tỳ Khưu Ni và theo giới luật (vinaya), Ngài Mahinda không có quyền chủ trì lễ xuất gia cho người nữ. Chỉ có một vị Phật hay những hội viên của Giáo hội Tỳ Khưu Ni mới có quyền. Do đó, Đức Mahinda gợi ý Vua Tissa cung thỉnh Sanghamittā, em Ngài, lúc ấy là một tỳ khưu ni tại Ấn, để làm lễ xuất gia cho hàng phụ nữ, và do đó Giáo hội Tỳ Khưu Ni được thành lập trên đảo (còn tiếp). ■





## **Bối cảnh Xã hội và Tư tưởng Khi Đức Phật Thích Ca ra đời**

**HT. Thích Nguyên Hiền**  
(tiếp theo & hết)

Trào lưu thứ ba diễn ra trong thời kỳ này là trào lưu triết học, lấy Phạm thư và Áo nghĩa thư làm chủ yếu. Các học phái Số luận, Du-già cho đến Lục đại học phái sau này phần lớn cũng đã manh nha từ trào lưu này. Dấu ấn của họ còn hiện rõ trên một số giáo lý của Đức Phật, mặc dầu đã được hoán đổi bằng cái nhìn khoa học hơn. Chẳng hạn thuyết Thập nhị nhân duyên, Tứ đại, Pháp, Nghiệp ..., đều có phảng phất khí vị của Áo nghĩa thư. Ảnh hưởng của trào lưu này đối với Phật giáo lớn hơn trào lưu thứ hai.

Trào lưu thứ tư là trào lưu phản Phệ-đà. Ba trào lưu trên không nhiều thì ít vẫn còn quan hệ với Phệ-đà. Đến trào lưu này thì hoàn toàn phủ nhận uy quyền của Phệ-đà, đứng trên lập trường tự do để nghiên cứu. Đây là thời đại các học phái đua nhau phát khởi, khoảng từ 600 đến 400 năm trước Tây lịch, và Phật giáo cũng hình thành trong khoảng thời gian này. Chúng ta thấy nhan nhản trong kinh Phật các cuộc đối thoại của Đức Phật hoặc đệ tử của Ngài với Lục sư ngoại đạo, hoặc bối cảnh 96 phái ngoại đạo châu tuần xung quanh giáo lý của Phật, vô tình tạo thành một cuộc hùng biện đầy quy

mô qua từng đối tượng để rồi cùng ngôi sao sáng nhất lại thu hết quang lực của các ngôi sao khác và tạo thành một vì tinh tú chói lọi suốt xưa sau.

Trong bối cảnh phức tạp của các trào lưu tư tưởng, trào lưu phản Phệ-đà không phải là ít, đặc biệt lại có những học phái có thể lực vô cùng lớn lao, đó là các đoàn Sa-môn. Trong kinh Phật chúng ta thường nghe nói đến các Sa-môn, Bà-la-môn, từ ngữ Sa-môn đã hình thành từ trước, trong đó có những vị là bậc thầy của Đức Phật. Hàng đệ tử Phật sau này cũng được gọi là Sa-môn (cần tức), chắc chắn là chịu ảnh hưởng rất lớn về phong cách và hình thức của các bậc thầy này, trong đó có những vị như A-la-la Ca-la-ma (Alala kalama), Uất-đà-ca-ma tử (Uddakarama utta). Các vị này thống lãnh các giáo đoàn Sa-môn cát cứ tại các miền phụ cận Ma-ha-đà hay Phệ-xá-li. Thành Vương-xá cũng là nơi Lục sư ngoại đạo phát triển mạnh. Trong quá trình giáo hóa của Phật, các đoàn Sa-môn cũng dần được thu phục, như ba anh em nhà Ca-diếp hay

Ni-câu-lư-đà ...

Xem lại lịch sử Đức Phật, khi mới xuất gia, Ngài đã không đi đến căn cứ địa của Bà-la-môn mà lại đến Phệ-xá-ly hay Vương-xá, bởi lẽ đó là quê hương của các nhà tư tưởng mới. Ở đó, tuy Đức Phật không nhất trí với các đoàn Sa-môn về tư tưởng, nhưng ít nhiều đã chịu ảnh hưởng của họ. Có một chi tiết vô cùng thú vị trong lịch sử Đức Phật mà ngày nay ta thường đọc, là sau khi Phật thành đạo, Ngài quyết định không thuyết pháp độ sanh. Sau có chư Phạm thiên ba lần thưa thỉnh Ngài mới chịu chuyển pháp luân. Phạm thiên đây là ai chúng ta không rõ, nhưng căn cứ trên truyền thuyết kết hợp với tương quan lịch sử, rõ ràng vì một động cơ nào đó, Đức Phật muốn im lặng mà không thể được. Không thể ngồi nhìn các nhà tư tưởng mới xung quanh Ma-ha-đà làm nguy hại cho thế đạo nhân tâm. Sự xuất hiện của Đức Phật như một nhu cầu bức thiết đối với xã hội lẫn tư tưởng Ấn Độ đương đại, và Đức Phật là người đã làm tròn vai trò, sứ mệnh lịch sử của mình trong bàn tròn tư tưởng bấy giờ.

Có vài ý kiến cho rằng nguồn gốc Phật giáo xuất phát từ Áo nghĩa thư. Điều này hẳn không đúng. Chúng ta chưa hề nghe nhắc đến tư tưởng này trong kinh điển nhà Phật, ngoại trừ một vài tập quán ngôn ngữ. Có chăng là tư tưởng của các học phái cùng thời với Đức Phật đã ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tham thiền nhập định của Ngài, để ngày nay ta thỉnh thoảng vẫn còn nghe các thuyết Vô sở hữu xứ định của A-la-la Ca-la-ma, thuyết Phi tưởng phi tưởng xứ định của Uất-đà-ca-ma-tử ... Nhưng những học thuyết này sau thời Đức Phật không thấy có sự truyền thừa, cho nên khó đoán định là chúng có hệ thống như thế nào. Tra cứu một số từ điển Phật học, các cảnh giới thiền định này cũng chỉ được giải thích trên danh nghĩa mà thôi. Chỉ có phái Lục sư là được nói rõ trong Kinh Sa-môn Quả. Và cuộc cách mạng tư tưởng được hình thành rõ nét nhất từ sự dung hòa sáu phái triết học này.

Chúng ta có thể chứng minh thành tựu của sự dung hòa Lục sư ngoại đạo thành Phật giáo như thế nào sau khi khảo sát các học phái này. Người viết không có điều kiện nghiên cứu hết các học phái, chỉ dựa trên những ghi chép của các sách vở hiện có - nhất là trong Phật Học Tinh Yếu của Hòa thượng Thiền Tâm - để dẫn dụng. Theo Kinh Sa-môn Quả, Lục sư gồm :

1. Phú-lan-na Ca-diếp (Purana Kassapa): Phái này theo chủ nghĩa hoài nghi luân lý, cho rằng việc làm thiện ác là do tập quán chứ không có một

ngiệp căn tương ứng nào.

2. Mạt-già-lê Câu-xá-la (Makkhali Gosala): Phái này chủ trương tự nhiên, tất cả mọi hành vi thiện ác đều tuân thủ theo một quy luật tự nhiên, con người không thể quyết định được điều gì. Vấn đề giải thoát cũng sẽ đến một cách tự nhiên mà không cần sự nỗ lực của con người.

3. A-di-đa Kê-sa-khâm-bà-la (Ajita Kesakambali): Phái này chủ trương Duy vật luận. Con người do tứ đại hợp thành, chết rồi là hết, nên tận hưởng những khoái lạc, bác bỏ luân lý.

4. Phù-đà Ca-chiên-diên (Pukudha Kaccayana): Phái này chủ trương Duy tâm luận, cho rằng tâm vật bất diệt, sự sống chết của con người chỉ là sự tụ tán của những yếu tố tạo thành con người, còn những yếu tố ấy thì không bao giờ bị tiêu diệt.

5. Tán-nặc-da Tỳ-la-lê-tử (Saṅgya bellatthiputta): Phái này theo chủ nghĩa cảm hứng, có vẻ ba phải. Nếu cảm thấy thế nào thì nói thế ấy đối với thế giới hiện tượng, không xác quyết là có hay không, đúng hay sai.

6. Ni-kiền-đà Nhã-đề-tử (Nigandhā netaputta): Nhân vật này chính là thủy tổ của Kỳ-na giáo, thế lực của giáo đoàn này tương đương với Phật giáo. Theo sự giới thiệu trong Kinh Sa-môn Quả thì phái này chủ trương vận mệnh luận, lấy đó làm cơ sở để thuyết minh tất cả. Còn về sự thực hành thì lấy sự khổ hạnh cực đoan và nghiêm trì giới bất sát làm đặc sắc.

Tóm lại, chúng ta có thể thấy những ưu khuyết của từng chủ trương qua Lục sư ngoại đạo kể trên. Tuy nhiên, không phải cứ như thế mà cho rằng họ hoàn toàn sai lầm. Ở mỗi học phái đều có một cách lý luận đặc biệt để chứng minh chủ trương của họ là đúng. Nhưng vì quá nhiều luận lý và ý tưởng, khiến con người thời đại hoang mang, không có một tư tưởng chủ đạo nhất quán và khi Phật giáo hình thành, điều vĩ đại của Đức Phật là trực tiếp đối thoại với từng quan điểm trên để dẫn đến một chủ trương dung hòa, tiến bộ hơn, dẫu vẫn còn chịu ảnh hưởng trực tiếp những khái niệm về thế giới quan hay tập quán ngôn ngữ của họ. Tư tưởng dung hòa tiến bộ ấy như thế nào, chúng ta hãy biện biệt riêng trong một phần nói về Phật giáo Nguyên thủy.

### 3. Tư tưởng Phật giáo Nguyên thủy giữa nền tư tưởng Ấn Độ

Việc trình bày giáo lý của Phật giáo Nguyên thủy, tất nhiên không thuộc phạm vi bài viết này.



Hơn nữa, Phật giáo Nguyên thủy đã trở thành một hệ thống tương đối hoàn chỉnh và được nhiều điển tịch ghi nhận, thiết tưởng không có gì để bàn giải. Vấn đề chính ở đây là nêu lên điểm khác biệt của giáo lý Đức Phật đối với bối cảnh tư tưởng Ấn Độ ở phạm vi khái quát mà thôi.

Sau khi đã quan sát các trào lưu tư tưởng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành giáo lý Phật giáo Nguyên thủy, chúng ta có thể thấy các trào lưu này có nhiều giá trị Tôn giáo liên quan đến giáo lý Đức Phật, hoặc được thay đổi hình thái, hoặc chuyển hóa theo những danh mục riêng. Ví dụ quy định về ngũ giới hay phép trì trai đều đã có từ trước. Đức Phật mệnh danh giáo lý của Ngài là Pháp (Dhamma) thì cũng xuất phát từ Pháp Kinh (Dhamma Sutra) của Bà-la-môn. Thứ hai là về Nhân sinh quan và Thế giới quan của Phật giáo chúng ta thấy có nhiều điểm tương đồng với hệ thống Áo nghĩa thư, như sự hình thành thế giới, cấu tạo của vũ trụ, các tầng trời... Thứ ba là hình thái luận lý của Phật cũng phản ánh hình thái thuyết giáo của Lục sư ngoại đạo, tạo thành một phong cách lý luận đầy vẻ bài bản mà thỉnh thoảng ta bắt gặp ở một số kinh Phật. Tất cả những ảnh hưởng ấy, người nghiên cứu lịch sử không thể phủ nhận.

Nhưng đâu là điểm khác biệt của Phật giáo Nguyên thủy? Rõ ràng có những giáo lý hoàn toàn là sáng tạo của Đức Phật. Những giáo lý này vô cùng mới mẻ và có sức thuyết phục rõ ràng, có thể nói bao quát toàn bộ nền triết lý Phật giáo. Nhưng trong ấy không thể không xét đến các quan điểm được hình thành từ sự phản kháng và dung hòa các học thuyết trước đó để tạo thành quan điểm của mình. Đức Phật không phải là con người cực đoan, lập dị. Ngài đã biết chắt lọc tư tưởng truyền thống rồi phả vào hơi thở tự chứng để biến những tư tưởng cố hữu vốn phi thực tế thành những khái niệm sống động khả dĩ làm tiền đề cho giáo lý của Ngài được phát sinh. Thái độ ấy không phải chỉ đối với Bà-la-môn hay Lục sư mà đối với tất cả các vấn đề. Ví dụ đối với hai khuynh hướng khoái lạc và khổ hạnh, Ngài chiết trung và chủ trương không khổ không vui; đối với hai kiến chấp thường trụ và đoạn diệt, Ngài chiết trung và lập thành Sinh mệnh quan theo quan hệ lưu động, tức do sự tác động trực tiếp của nhân duyên. Ta có thể tạm gọi đây là lập trường Trung đạo mà Phật giáo Đại thừa về sau đã khai thác triệt để.

Nói như vậy để thấy rằng sự phân chia của Phật giáo sau này và sự hình thành A-tỳ-đạt-ma là sự hiển nhiên. Sự nội chứng của Phật là toàn triệt,

nhưng phương tiện thuyết giáo ở mỗi địa vực và thời gian khác nhau sẽ tạo thành những giáo lý khác nhau. Chúng không mâu thuẫn trên đại thể, nhưng chắc chắn sẽ có dị biệt đối với từng nhu cầu thuyết giáo của các căn cơ. Nếu không khảo sát kỹ quá trình này, người học Phật sẽ hoang mang khi nghiên cứu Phật giáo Bộ phái, và sẽ có nhiều điều bất tín khi đọc kinh điển Đại thừa sau này. Đó là lý do lớn nhất để người viết trình bày bài viết này.

#### 4. Nhận định về kinh điển Phật giáo hiện đại

Tất cả các vấn đề được trình bày ở trên, gần như chỉ là sự cớp nhặt từ nhiều sách vở, quy nạp và phân tích. Các học giả từ xưa đến nay đã luận bàn khá nhiều, chẳng có gì mới mẻ. Có điều với người học Phật ngày nay, khi tìm tòi học hỏi qua kinh điển, khó tránh được những hoang mang khi bắt gặp những khái niệm có vẻ mơ hồ đã được ghi chép thành văn tự.

Trước hết, người viết xin xác định rằng dù nói gì, niềm tin của mình đối với Tam bảo vẫn là tuyệt đối. Đức Phật là bậc Chánh biến tri, giáo pháp của Phật là giáo pháp như thật và Tăng già là tôn quý. Sau đó, bằng sự nhiệt thành vụng dại, người viết xin có vài nhận định về một số trường hợp bất cập.

Xét về phương diện thuyết giáo của Phật, Đức Phật luôn lấy con người làm đối tượng quan sát. Ngài luôn có thái độ im lặng đối với những câu hỏi siêu hình. Hoài bão ra đời của Phật là khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến, tất cả các pháp đều nói cho con người, bởi con người và vì con người. Kinh điển Phật giáo không chủ trương thành lập một Vũ trụ luận theo hệ thống. Thế giới quan của Phật giáo chỉ là đối tượng quan sát để giải quyết vấn đề Nhân sinh quan. Phật không bao giờ giải thích về thế giới như hữu biên hay vô biên, ngoại trừ Vũ trụ quan được thuyết minh qua tinh thần nội chứng của Bất tư nghi giải thoát cảnh giới nói trong Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Duy-ma-cật hay một số kinh điển Đại thừa khác.

Nếu là cảnh giới bất tư nghi giải thoát, người viết chẳng bao giờ thắc mắc. Nhưng còn nhiều kinh điển như Kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả, Kinh Luật Dị Tướng, Luận Lập Thế A tỳ đàm... nói về các thuyết như núi Tu di, tứ châu, 33 tầng trời, các lớp núi và biển quanh núi Tu-di, kiếp tăng kiếp giảm, các thuyết đại tiểu tam tai v.v... và v.v..., quá nhiều những luận thuyết như thế, mà những luận thuyết ấy đâu phải chỉ cho cảnh giới bất tư nghi, biết lấy gì để chứng minh cho người học? (xem tiếp trang 52)



# A La Hán Kisā Gotamī

## Một nhúm hột cải

Bs. Hồ Hồng Phước

Vào thời Đức Phật hiện tại, ở thành Savatthi (Xá Vệ), có một cô con gái nhà nghèo tên Gotamī. Cô thuộc dòng dõi Gotama, nên có họ hàng với Đức Phật Gotama<sup>(1)</sup>. Thân hình cô cao, ốm, và có vẻ mảnh mai yếu đuối, nên hàng xóm gọi cô là Kasī Gotamī (Gotamī Ốm). Có một điều người ta không biết là tâm cô rất trong sáng và dễ thương. Cô có cái đẹp thầm kín ẩn tàng trong tâm hồn như câu tục ngữ, ca dao:

- *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.*
- *Cái nét đánh chết cái đẹp.*
- *Thân em như củ ấu gai,*
- *Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen.*

Vì cô không đẹp, xuất thân từ gia đình nghèo nên đã quá tuổi cập kê rồi mà không ai đến hỏi cưới. Cô cảm thấy tủi thân nhưng an phận với số phận hẩm hiu của mình. Bỗng nhiên, một hôm có một thương gia giàu, trẻ tuổi đến xin cưới cô làm vợ. Cô tưởng như chuyện trong giấc mộng, nhưng người thương gia cho biết anh đã để ý cô một thời gian thì anh rất hài lòng. Anh không chú ý về đẹp hời hợt bề ngoài, cũng như người vợ có gia thế sang trọng. Điều anh cần là một người vợ hiếu biết, có tâm hồn cao thượng.

Cô được cưới hỏi đàng hoàng, nhưng gia đình bên chồng xem thường và khinh rẻ cô. Vì vậy, cô không thấy hạnh phúc, nhưng điều đau đớn nhất của cô là khi biết chồng bị khổ sở dẫn vật giữa tình yêu vợ và tình thương cha mẹ.

Thế rồi, cô sinh được một đứa con trai. Từ đó, không khí gia đình hoàn toàn thay đổi vì có được người nối dòng dõi tổ tiên. Cô được thừa nhận chính thức là bà mẹ của đứa con thừa tự. Như trút được gánh nặng trên vai, cô thật sự hạnh phúc. Ngoài tình mẹ con, cô còn chăm sóc cho đứa con trai vì đó là sự đảm bảo chắc chắn cho gia đình cô sống an lành và hạnh phúc.

Đứa bé là niềm vui của cả nhà. Nó khá khinh, bụ bẫm, bắt đầu đi chập chững, rồi chạy nhảy khắp nơi trong nhà. Nhưng một hôm đứa bé bị bệnh và qua

1. Đức Phật Gotama (Cổ Đàm); Đức Phật Thích Ca.

đời liền, không kịp tìm thầy chữa chạy. Hạnh phúc thế gian thật mong manh như bong bóng nước. Đầu óc cô rối tung. Cô vừa đau khổ vì mất con, vừa lo sợ gia đình chồng và cả chồng cô sẽ bỏ rơi cô. Chắc gia đình chồng sẽ đổ lỗi do cô và bên ngoài là ăn ở thất đức, đem lại rủi ro, xui xẻo v.v... Cô nghĩ, "Người ta sẽ đem con mình bỏ ngoài nghĩa địa. Còn nước còn tát." Càng nghĩ cô càng quẩn trí. Cô cho rằng con cô chưa chết thật, nếu tìm đúng thầy đúng thuốc thì mình có thể cứu sống con được.

Thế là cô vội vàng ẵm con chạy ra khỏi nhà, đến từng nhà, gõ cửa năn nỉ, "Ông bà làm ơn cho tôi thuốc trị bệnh cho con tôi!" Mọi người đều lắc đầu từ chối, có người còn la rầy cô, vì làm gì có thuốc hồi sinh cho một người đã chết. Cô vẫn không tin con cô chết, nó chỉ bị bệnh nặng thôi. Càng lúc, cô càng đi xa. Có một người động lòng thương xót cô, suy nghĩ, "Cô này vì quá đau khổ mất con, nếu chưa điên thì chắc gần điên rồi! Chỉ có Thế Tôn mới biết thuốc nào để giúp cho cô" Ông chỉ đường cho cô đến gặp một thầy thuốc giỏi nhất, Đức Phật, một bậc Đại Y Vương. Ngài hiện ở gần đây, chắc chắn Ngài sẽ chỉ đúng thuốc trị bệnh cho con của cô.

### Toa thuốc thần hiệu: Nhúm hột cải

Trần ngập niềm hi vọng. Theo lời khuyên, cô vội vã bồng xác con vừa đi vừa chạy tới chùa Kỳ Viên. Đến nơi, cô đặt xác con dưới chân Đức Phật, đành lể, tức tưởi kể lể chuyện mình, rồi van xin:

- Bạch Ngài, xin Ngài thương xót cho con thuốc cứu con trai con.

Đức Phật từ bi nhìn cô, biết cô quá đau khổ, không thể hiểu lời dạy, nên Ngài dịu dàng nói:

- Cô đừng lo! Có, một thứ thuốc thần hiệu. Cô hãy đi tìm thuốc mang về đây. Cô mừng quá, hỏi thuốc chi, ở đâu cô cũng tìm cho được. Đức Phật trả lời:

- Hột cải trắng.

Những người có mặt tại đó đều sửng sốt. Ngài



*Nàng xin Đức Phật cứu sống con mình*

nói tiếp:

- Đây là loại thuốc có thể chữa được bệnh, và hàn gắn được vết thương lòng. Cô hãy ẵm con đi ra phố, đến từng nhà, hỏi xin một nhúm hạt cải trắng, nhưng phải từ nhà nào, mà từ trước đến nay không bao giờ có ai chết.

Cô quá vui mừng nên không kịp hiểu ý nghĩa lời nói của Đức Phật Toàn Giác. Cô vội vã ẵm con đi vào thành Savatthi. Đến nhà đầu tiên, cô hỏi:

- Dạ thưa ông bà, làm ơn cho tôi xin một nhúm hạt cải trắng.

- Cô chờ một chút, nhà tôi có sẵn.

- Nhưng từ trước đến nay trong gia đình ông bà có ai qua đời không?

- Tất nhiên có. Cô hỏi chi vậy?

- Vì tôi chỉ cần một nhúm hạt cải trắng của nhà nào từ trước đến nay, trong gia đình không có ai qua đời để Đức Phật trị bệnh cho con tôi.

- Má tôi mất cách đây mấy tháng. Cô làm chúng tôi nhớ thương bà quá. Thôi đừng nhắc nữa. Chúng tôi thấy chuyện cô làm là uống công thôi.

Cô chào từ giã, rồi đến từng nhà, từng nhà, và nhà nào cũng có người chết cách đây: một tuần, một năm, hai năm,... hoặc cha mẹ, anh em, hoặc con trai, con gái... Từ thân không chừa một ai, dù già trẻ, giàu nghèo...

Lúc ấy, trời đã về chiều. Không tìm ở đâu có hạt cải theo yêu cầu. Cô ẵm xác con lạnh giá đi thẳng vào nghĩa trang ngoại thành. Tìm chỗ đặt xác con xong, cô ngồi xuống gốc cây, hai tay ôm đầu, suy

nghĩ, "Giống như mọi người, con mình chết rồi! Nhúm hạt cải trắng có lợi ích chi đâu! Con mình làm sao sống lại được. Điều này đúng cho cả thành này, cũng như ở bất cứ nơi nào khác. Không nhà nào mà không có người chết. Không nhà nào thoát khỏi nỗi đau đớn, khổ sầu vì sự ra đi vĩnh viễn của người thân. Đức Phật từ bi đã tìm phương tiện dạy cho mình một bài học, giúp mình tự tìm hiểu và chấp nhận định luật ngàn thu: có sinh có tử. Mình phải trở lại gặp Ngài."

Bây giờ bà đi chậm rãi, hưởng về chùa Kỳ Viên, nét mặt thư giãn, trong lòng nhẹ nhõm. Bà đã hiểu: "Đây không phải là luật lệ của thành phố nào, không phải là hương ước của làng xóm nào, không phải là luật

riêng của gia đình nào – mà cho toàn thể thế gian. Đây là định luật: Tất cả đều Vô thường".

Gặp cô, Đức Phật hỏi:

- Này cô Kasi Gotamī, cô tìm được hạt cải trắng không?

- Kính Bạch Thế Tôn, về việc tìm hạt cải, con đã làm xong.

Ngài bắt đầu thuyết pháp cho cô nghe về luật vô thường, xảy ra cho muôn loài trong thế gian. Thần chết, như nước lũ lụt ban đêm, không chừa bất cứ ai còn đam mê tài sản, con cái... Ngay cả chư thiên trên các cõi trời cũng không thoát khỏi chết, rồi tái sinh theo nghiệp của mình. Ngài chấm dứt bằng câu kệ:

*Những ai say đắm thế gian  
Bám vào con cái vào đàn vật nuôi  
Sự chết cũng cuốn theo người  
Như làng mê ngủ lũ trôi chẳng ngờ!*

*(Pháp Cú 287) (Kinh Lời Vàng – TK Giới Đức dịch)*

Khi dứt bài kệ, nhờ vào năng lực ba la mật của cô đã đủ để cô chứng nghiệm luật vô thường. Cô vượt qua sự sầu bi, khổ lụy của một bà mẹ mất đứa con một, để hiểu thấu đặc tướng vô thường của mọi kiếp sinh tồn. Đức Phật xác nhận cô chứng quả Tu Đà Huờn. Nhiều người trong thính chúng cũng được lợi lạc: chứng quả Tu Đà Huờn, Tu Đà Hàm, hoặc A Na Hàm.

Cô đánh lễ Thế Tôn xin xuất gia, và được Ngài chấp thuận. Cô đến Ni viện xuất gia và thọ giới Tỳ khưu Ni. Sự cô dùng toàn thời gian thực hành chánh

niệm một cách cẩn trọng. Chỉ một thời gian ngắn, tuệ minh sát của cô tăng trưởng. Đức Phật hoá hiện đến, đọc bài kệ:

*Người sống một trăm năm,  
Không thấy pháp sanh diệt,  
Tốt hơn sống một ngày,  
Thấy được pháp sanh diệt.*

*(Pháp Cú 113) (HT. Thích Minh Châu Việt dịch)*

Khi dứt câu kệ, sư cô chứng quả A La Hán. Sư cô nguyện giữ hạnh mặc y phẩn tảo - một khổ hạnh đầu đà<sup>(2)</sup>. Một hôm, trước hội chúng tỳ khưu tại chùa Kỳ Viên, Đức Phật tuyên dương "Này các tỳ khưu, trong số các tỳ khưu ni, Trưởng lão Kasi Gotamī là Đệ nhất về mặc y phẩn tảo<sup>(3)</sup>."

Nghĩ về quả chứng của mình, Minh thành đạt viên mãn như thế này nhờ Đức Phật chỉ dạy. Trưởng lão Kasi Gotamī đọc lên những vần thi kệ ca ngợi sự thân cận với bạn lành.

*213. Có bạn lành ở thế gian  
được bậc Ấn sĩ ngợi khen.  
Với bạn lành  
ngay cả người ngu  
thành người trí.*

*214. Thân cận bạn lành*

*2. Khổ hạnh đầu đà: Đức Thế tôn cho phép thực hành 13 pháp Khổ hạnh sau đây: 1. Hạnh mặc y phẩn tảo. 2. Hạnh chỉ mặc ba y. 3. Hạnh sống bằng khát thực. 4. Hạnh khát thực theo thứ lớp. 5. Hạnh nhất tọa thực. 6. Hạnh chỉ ăn một bát. 7. Hạnh không ăn đồ dư tàn. 8. Hạnh ở rừng. 9. Hạnh ở gốc cây. 10. Hạnh ở giữa trời. 11. Hạnh ở nghĩa địa. 12. Hạnh nghỉ chỗ nào cũng được. 13. Hạnh ngồi không nằm.*

*3. Hạnh mặc y phẩn tảo: Phẩn tảo (pamsukula: bụi bặm): Loại vải bị vứt bỏ ở những đồng rác bên đường, nghĩa địa, hay những đồng phân. Một người đã thọ giới này chỉ mặc một y trong những loại sau: Vải lấy từ nghĩa địa; từ cửa hàng; từ đường cái; từ hồ phân; từ giường trẻ; vải tẩy uế; vải từ chỗ tắm; vải bị cháy; bị gia súc ăn; bị kiến ăn; bị chuột ăn; vải rách ở biển; rách ở đầu; vải làm cỏ; vải bỏ tại điện thờ; y của nhà khổ hạnh; vải từ cuộc lễ; vải do thần thông biến hóa (tức tâm y do pháp Phật biến hóa lúc Ngài nói "Thiện lai Tỳ kheo", thì pháp phục tự nhiên xuất hiện trên vị này, nhờ công đức đời trước của thầy); vải trên xa lộ; vải gió bay; vải do thiên thần bố thí; vải trôi giữa biển.*

*a. Cách thức thọ trì: Người thọ trì hạnh này nói lên một trong 2 lời nguyện như sau: "Tôi nguyện giữ khổ hạnh phẩn tảo y" hoặc "Tôi từ chối những y do gia chủ cúng dường".*

*b. Gồm 3 cấp bậc: Cấp thượng: giữ một cách nghiêm ngặt, chỉ lượm vải ở nghĩa địa về làm y. Cấp trung: giữ một cách trung bình, lượm vải do người khác bỏ. Cấp hạ: lượm vải do một Tỳ kheo khác cho mình bằng cách đặt dưới chân.*

*c. Lợi ích: Vị này không đau khổ do phải giữ gìn y phục; sống không tùy thuộc vào người khác; không sợ trộm cướp; không có sự thêm muốn đối với y phục. Vì những vải ấy dễ kiếm, ít giá trị; nhờ đó sẽ phát sinh kết quả ít muốn, biết đủ và tinh tấn tu tập. (Trích bài giảng Thanh Tịnh Đạo trong www.dieuphap.com)*

*nhờ vậy trí tuệ tăng.*

*Thân cận bạn lành  
có thể vượt thoát mọi khổ đau.*

Bậc Ấn sĩ là Đức Phật. Bạn lành là những người khuyên ta nên giữ gìn đức hạnh: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu và các chất say, các chất kích thích ma tuý, không đánh bài... Nếu thân cận với những người sống phóng túng, thế nào mình cũng bị ảnh hưởng.

*Gần mực thì đen,  
Gần đèn thì sáng.*

Bạn lành là những người bạn đạo chăm chỉ hành đạo theo hạnh bồ thí, trì giới, tham thiền. Quý hơn nữa là thân cận các bậc thiện trí thức thì cho dù mình không biết kinh kệ, nhưng lắng nghe và làm theo lời dạy của họ, mình có thể trở nên sáng suốt, trí tuệ phát triển, và có thể thoát khỏi khổ đau. Đức Phật là bạn lành tối thượng. Ngài dạy:

*Không gần gũi kẻ ác  
Thân cận bậc trí hiền  
Cúng dường bậc tôn đức  
Là phúc lành cao thượng.*

*215. Chúng ta nên hiểu rõ  
về khổ đau*

*Nhân gây khổ đau  
diệt mọi khổ đau  
và con đường*

*Thánh tám ngành - (Bát Chánh Đạo)  
Tất cả là Bốn Thánh Đế. (Tứ Diệu Đế)*

Trưởng lão khuyến khích chúng ta học và thực hành Bát Chánh Đạo cho đến khi tâm chúng ta trực tiếp chứng nghiệm Tứ Diệu Đế.

[Kasi Gotamī]

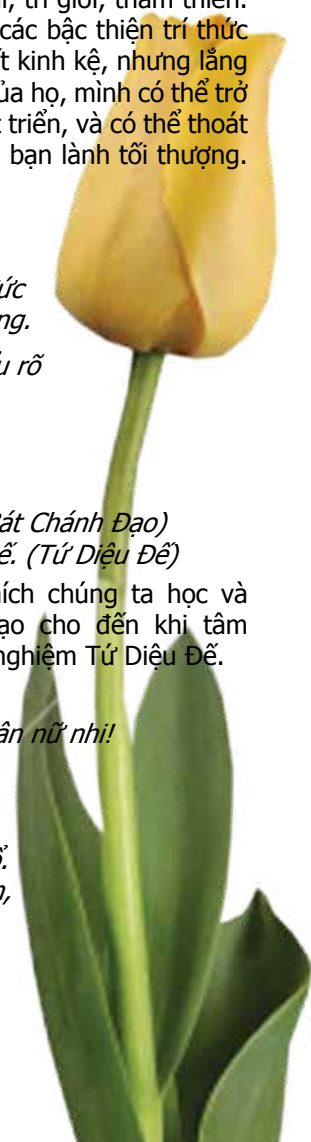
*216-217. Khổ thay! Phận nữ nhi!  
Bậc đánh xe Điều ngự  
cho những ai dễ dạy  
đã nói như vậy.*

*Có chồng chung là khó.  
Vai người, một lần sinh,  
chán đời, tự cắt cổ.*

*Người yếu đuối,  
không chịu nổi,  
uống thuốc độc.*

*Khi thai nhi  
chết trong bào thai  
mẹ và con đều chịu  
nỗi bất hạnh.*

Bậc đánh xe Điều ngự cho những ai dễ dạy là Đức Phật. Hai câu kệ này nói lên những điều đau khổ và nguy hiểm của người phụ nữ (còn tiếp). ■







# Nhu cầu ăn uống và thức ăn của Người Cao Tuổi

Theo nguocaotui

Đây là vấn đề bản thân người cao tuổi (NCT) ít chú ý tới. Thông thường, khi còn trẻ ăn uống thế nào lúc về già các cụ vẫn tiếp tục giữ những thói quen cũ.

## 1- Năng lượng khẩu phần hằng ngày:

Trong thực tế có những cụ vẫn ăn khỏe, nhưng nói chung ở tuổi ngoài 70 các cụ không lao động thể lực nhiều nữa, chuyển hóa cơ bản giảm đi từ 10 đến 15% so với thời trẻ, các hoạt động sinh lý đều giảm, do đó năng lượng của khẩu phần ăn không cần nhiều như trước nữa. Theo điều tra khẩu phần của Viện vệ sinh dịch tễ học, hệ số ăn của NCT là từ 0,7 đến 0,8 so với người trẻ đang lao động, nghĩa là nếu khẩu phần của người trẻ lao động bình thường là 2.400 calo, NCT chỉ cần trung bình từ 1.700 - 1.900 calo.

Về chất lượng, tỉ lệ giữa các chất protid, lipid glucid trong khẩu phần của NCT cũng không nên khác biệt lắm so với khẩu phần chung.

Số lượng protid có thể giữ mức cũ hoặc giảm bớt một ít, nhưng tỉ lệ protid động vật so với protid nói chung tốt nhất là khoảng 50%.

Số lượng chất lipid có thể giảm bớt và nên dùng dầu thực vật (dầu lạc, dầu vừng, dầu cá, dầu đậu nành, dầu hướng dương...) thay mỡ động vật để chế biến thức ăn, để phòng xơ vữa động mạch, một bệnh rất phổ biến ở NCT dễ dẫn đến những tai biến nghiêm trọng.

Theo các nhà nghiên cứu, nhu cầu bình thường hằng ngày của một NCT khỏe mạnh như sau:

- Glucid: 50 đến 55% số calo cần thiết.
- Lipid: 30 đến 35% số calo với sự phân đều cho thức ăn chứa axit béo no và không no.
- Protid: 13 đến 15% số calo, trong đó có khoảng 50% Protein động vật.

## 2- Về vitamin:

Cần chú ý giữ sự cân bằng trong ăn uống và thực phẩm, tránh để bị thiếu vitamin, nhất là các vitamin nhóm B, vitamin C, A và D.

Nhiều nghiên cứu đã cho biết việc sử dụng một lượng thích hợp vitamin C, vitamin E và Beta caroten có thể làm giảm nguy cơ tai biến về tim. Vitamin D rất cần thiết để bảo đảm photpho - canxi và phòng bệnh loãng xương rất phổ biến ở NCT. Thiếu máu đại hồng cầu do thiếu vitamin B9, B12 cũng gặp phổ biến trong lão khoa. Bệnh đục thể thủy tinh ở NCT cũng thường gặp ở những người thiếu các vitamin C, E, D và các carotenoid (vitamin A và Beta caroten). Thiếu vitamin B1, B6, B9 là nguồn gốc gây rối loạn trí nhớ; thiếu vitamin B1, B3 và B12 có thể dẫn tới hội chứng sa sút trí tuệ... Vì vậy, trong ăn uống của NCT càng cần chú ý đến những thức ăn có nhiều vitamin. Nên nhớ gan cá và trứng là nguồn cung cấp vitamin D, vitamin A và nhóm B. Rau quả cung cấp chủ yếu vitamin C và vitamin nhóm B, còn ngũ cốc cung cấp nhiều vitamin nhóm B, nhất là B1.

## 3- Về muối khoáng:

Nhu cầu của NCT cũng giống như người trẻ, nhưng khẩu phần nên có nhiều canxi. NCT có nhu cầu canxi lớn hơn, từ 1 đến 1,5g một ngày, có thể cung cấp 300mg canxi bằng 250ml hay hai cốc sữa chua.

## 4- Để đáp ứng nhu cầu ăn uống, NCT nên sử dụng hợp lí các thức ăn sau:

- Với ngũ cốc: Nên tránh ăn ngô chưa chế biến

tốt, như ngô hạt, ngô mảnh có nhiều xơ cứng, khó tiêu hóa. Các loại cơm, bánh mì, mì sợi... dễ tiêu hóa hấp thu đều sử dụng tốt.

- Thịt, cá, trứng, sữa: Nên ăn cá nhiều hơn ăn thịt vì cá dễ tiêu hóa hơn. Trứng chỉ nên ăn có mức độ, còn sữa ở các nước châu Âu được coi là thức ăn lý tưởng của trẻ em và người già.

Các cụ bách niên ở nước ta phần lớn sống ở nông thôn, thức ăn chủ yếu gồm gạo mới giã, rau tươi, tôm, cua, cá... và bầu không khí trong lành.

- Rau tươi, quả chín: là những thức ăn cung cấp vitamin nhóm B, vitamin C và muối khoáng. Rau quả có nhiều chất xenluloza làm cho nhu động ruột tốt, tránh táo bón, nên khuyến khích NCT sử dụng.

- Rượu, cà phê, thuốc lá, chè đặc, gia vị... NCT nên tránh dùng. Nếu trót nghiện nên phần đầu bỏ đi.

- Nước: Do các cơ kém đàn hồi nên NCT thường tiểu tiện luôn và có chiều hướng uống ít nước. Chúng ta nên biết, muốn cơ thể không bị nhiễm độc, các chất bã trong cơ thể phải được đào thải ra ngoài qua phân, nước tiểu, mồ hôi. Nước uống vào cũng có ý nghĩa "rửa sạch phần trong" của cơ thể, nên uống nước rất cần thiết để giữ gìn vệ sinh và sức khoẻ. Bình thường một người cần từ 1,5 lít đến 2 lít nước một ngày, kể cả nước trong thức ăn. Nếu chỉ tính nước uống thì khoảng 1,5 lít. NCT tuy cảm giác khát có giảm, nhưng nên chú ý dùng thường xuyên các nước uống (nước trái cây, nước chè loãng, sữa, nước khoáng...) để đạt 1,2 - 1,5 lít một ngày. Nếu để cơ thể bị thiếu nước có thể gây hậu quả nặng nề.

- Đặc điểm của NCT là thiếu răng, hoặc dùng răng giả, nhai thức ăn không được kỹ, dễ táo bón vì hoạt động của cơ bụng và ruột giảm, dễ bị rối loạn tiêu hóa. Vì vậy, phải ăn uống điều độ, thức ăn thay đổi luôn, mềm, nát, nhiều rau tươi, quả chín và phải chú ý giữ vệ sinh ăn uống thật tốt. ■



(tiếp theo trang 47)

Phải chăng do ảnh hưởng của Bà-la-môn hay Áo nghĩa thư còn sót lại mà quá trình hình thành phát triển Tam tạng chưa gạn lọc hết được? Đức Phật không bao giờ hướng người học đến những câu hỏi siêu hình. Nếu có đề cập đến thì mục đích của Phật cũng chỉ làm phương tiện dẫn dắt nhân tâm tu tập thiền định, thực nghiệm để chứng đắc các cảnh giới mà thôi. Trong Nikāya hay Agāma cũng đều như thế. Ví dụ của Phật về mũi tên độc là chứng minh hùng hồn nhất cho đạo lý này.

Chẳng hạn, ngày nay người ta thường nói "người ngoài hành tinh" để ám chỉ một siêu nhân nào đó, thì chưa hẳn là người ta đã tin có người ngoài hành tinh. Chẳng qua chỉ là mượn một khái niệm trừu tượng đã được hình thành để dụ cho tài năng vượt quá con người của kẻ ấy. Cũng vậy, như khi Đức Phật nói "nhốt núi Tu-di vào trong một hạt cải" thì chưa hẳn là Đức Phật muốn nói đến núi Tu-di, mà là mượn hình ảnh núi Tu-di đã hình thành trong khái niệm của người đương thời để thuyết minh đạo lý "Sự sợ vô ngại pháp giới" của Hoa Nghiêm mà thôi. Thế thì nên chăng, thay vì tống nạp các kinh điển vào Tam tạng như đã làm, cần phải có một cuộc kết tập vĩ đại nữa để gạn lọc tất cả những gì không phải Phật giáo? Từ xưa Trung Quốc đã có những danh tăng như Đạo An, Tăng Hựu ... làm công việc này rồi, tức phân loại kinh điển, xếp theo từng mục, đầu là ngụy kinh, đầu là nghi ngụy, đầu là thất dịch ... Thế rồi chẳng hiểu vì sao, các kinh ấy thỉnh thoảng vẫn bị chứa vào Đại Tạng. Đó là chưa nói những kinh do chính chư Tổ truyền thừa vẫn bị pha tạp tư tưởng ngoại đạo và có dấu ấn của phong tục tập quán đương thời - nhất là kinh điển Mật giáo. Trí huệ của Phật là Chánh Biến Tri, là Thế Gian Giải. Nhưng chưa bao giờ Phật giải thích thế giới ấy một cách tỉ mỉ và có hệ thống cho người thế gian vốn đang cần diệt khổ để giải thoát. Phật chỉ nói những gì liên quan đến giải thoát cho nhân sinh mà thôi. Chính vì vậy, tốt nhất, khi gặp những khái niệm siêu hình hay trừu tượng trong Phật giáo, chúng ta chỉ nên hiểu nó như những ẩn dụ và không nên tìm hiểu chúng như một đối tượng quan sát theo vũ trụ luận của Phật giáo.

Cũng về điểm này, chúng ta lại thấy vô cùng tuyệt diệu khi giáo lý Bát nhã, Tánh không hay tinh thần Thiên tông Trung Quốc được hình thành và phát triển, như một chất tan có khả năng xóa sạch mọi kiến chấp thông thường của đầu óc duy lý và tư biện. Khi hiểu được bối cảnh xã hội và tư tưởng triết học lúc Đức Phật ra đời, khi hiểu được quá trình hình thành và phát triển Tam tạng kinh điển, mọi nghi vấn, hoang mang sẽ nhường chỗ cho niềm tin bất diệt đối với giáo pháp của đấng Từ phụ Thích Ca Mâu Ni. ■

## Hà Nội: Trung ương GHPGVN tưởng niệm HT. Thích Minh Châu

Cầm Vân



Sáng ngày 9/9/2012, lễ tưởng niệm Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu đã long trọng tổ chức tại Trụ sở TW GHPGVN - chính điện Tam bảo chùa Quán Sứ.

Tham dự và chứng minh buổi lễ có Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Đức Đệ tam Pháp chủ GHPGVN; HT. Thích Thanh Dũng - Thành viên HĐCM TW GHPGVN; HT. Thích Thanh Đàm - Thành viên HĐCM TW GHPGVN; HT. Thích Quảng Tùng - Phó Chủ tịch HĐTS TW GHPGVN, cùng chư Tôn đức HĐTS TW GHPGVN, BTS Phật giáo các tỉnh thành phía Bắc.

Về phía chính quyền có: Ông Bùi Hữu Dực - Vụ trưởng vụ Phật giáo - Ban Tôn giáo Chính phủ; cùng đại diện lãnh đạo UBMTTQ VN các Bộ, Ban ngành TW các cấp chính quyền HĐND, UBND, Ban Tôn giáo thành phố, cơ quan chức năng TW và địa phương cùng đông đảo các tín đồ Phật tử thập phương cùng về tham dự.

Tại buổi lễ, TT. Thích Thanh Đạt - Ủy viên HĐTS GHPGVN - Viện trưởng HVPG Việt Nam tại Hà Nội cung tuyên tiểu sử cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, HT. Thích Quảng Tùng - Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN dâng lời tưởng niệm.

Tưởng nhớ đến ân đức cao vời của cố Đại lão Hòa thượng, bậc cao tăng lỗi lạc, nhà giáo dục xuất chúng đã có nhiều đóng góp lớn lao cho đạo pháp và dân tộc, trong khung cảnh trang nghiêm và niềm kính tiếc vô hạn, toàn thể chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử thủ đô, và Phật tử các tỉnh phía Bắc đã vọng bái thọ tang, dâng lễ Giác linh cố Đại lão Hòa thượng, nguyện cầu Giác linh Ngài cao đăng Phật quốc. ■

## Lãnh đạo GHPGVN tiếp thân mật phái đoàn GAO của Chính phủ Hoa Kỳ

giaohoi-phatgiaovietnam.vn

Vào lúc 8 giờ ngày 11-9-2012, Lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp phái đoàn Văn phòng Thanh tra Chính phủ Hoa Kỳ (GAO), do bà Cheryl Goodman, Phó Giám đốc ban Thương mại và các Vấn đề quốc tế thuộc Văn phòng Thanh tra Chính phủ Hoa Kỳ dẫn đầu đã đến thăm Văn phòng 2 TWGH.

HT. Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN kiêm Trưởng ban Phật giáo Quốc tế TWGH cùng chư vị giáo phẩm lãnh đạo TWGH và Văn phòng 2, Ban Phật giáo Quốc tế TWGH đã thân mật tiếp đoàn.

Sau nghi thức xã giao, HT. Thích Trí Quảng đã có lời chào xã giao phái đoàn đã đến thăm Văn phòng 2 TWGH. Bà Cheryl Goodman cũng đã giới thiệu các thành viên trong đoàn và bày tỏ mục đích của chuyến thăm.

Quý HT. Thích Trí Quảng, HT. Thích Giác Toàn và HT. Thích Thiện Tâm đã có những trao đổi thẳng thắn, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau trong tinh thần hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam và Hoa Kỳ với phái đoàn GAO về một số vấn đề mà hai bên cùng quan tâm. ■





## Các Phái Đoàn viếng lễ tang Trưởng lão HT. Thích Minh Châu

PV

Sau khi thỉnh nhục thân Trưởng lão Hòa thượng nhập kim quan, lãnh đạo và đại diện các cơ quan Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương MTTQVN, các bộ, ngành Trung ương và TP. Hồ Chí Minh đã đến kính viếng, thắp hương tưởng niệm trước Giác linh đài tôn trí tại tiền đường Thiền viện Vạn Hạnh.

Sáng 2-9-2012, vào lúc 7 giờ 30 phút, chư tôn đức Hòa thượng Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự, Ban Trị sự THPG các tỉnh thành và hàng ngàn Tăng Ni, Phật tử đã đến Thiền viện Vạn Hạnh (quận Phú Nhuận, TP. HCM) đồng tâm niệm Phật trong lễ thỉnh nhục thân Trưởng lão HT. Thích Minh Châu nhập kim quan.

Hàng trăm đoàn đại diện các tổ chức, đoàn thể, hội chúng đã tuần tự đến kính viếng, đánh lễ Giác linh Trưởng lão Hòa thượng tân viên tịch trong niềm kính thương vô hạn.

Dưới đây là một số hình ảnh viếng lễ tang, ghi nhận tại thiền viện Vạn Hạnh:



Vòng hoa của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang



Ông Lê Hoàng Quân, Chủ tịch UBND TP. HCM kính viếng



HT. Thích Đức Nghiệp cùng chư tôn Hòa thượng tại lễ viếng



Vòng hoa của Đảng Ủy BGD Công an TP. HCM



Chư tôn đức Ni kính viếng



Chùa Bảo Quang - Lào kính viếng





*HT. Thích Trí Tâm - Trưởng ban Nghi lễ TW dẫn đầu đoàn*



*Ban Dân vận TW Đảng Cộng Sản Việt Nam kính viếng*



*Đoàn Bộ Ngoại giao do Thứ trưởng Nguyễn Thanh Sơn dẫn đầu quy niệm hương tưởng niệm*



*Đoàn Ban Trị sự THPG TP Hà Nội do HT. Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng BTS làm Trưởng đoàn*

## Sinh Hoạt An Cư Kiết Hạ Chư Tăng, Tu Nữ Và Phật Tử Phật giáo Nam Tông TP. HCM

PV PGNT



Ngày 14 tháng 7 năm Nhâm Thìn, Ban Tổ Chức sinh hoạt An cư Kiết hạ Phật giáo Nam tông tại TP. HCM long trọng tổ chức khai mạc Đại lễ Sinh hoạt An cư Kiết hạ Phật giáo Nam Tông. Địa điểm tổ chức tại Tổ đình Bửu Quang (Tổ đình Phật giáo Nam Tông Việt Nam), đến tham dự có Hòa thượng Thích Trí Quảng Phó chủ tịch HĐTS. GHPGVN, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM, Trưởng ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. HCM; Hòa thượng Thích Thiện Tâm, Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN, Phó ban Tăng sự TW, Phó ban Trị sự Phật giáo TP. HCM, Trưởng Ban tổ chức; Hòa thượng Hộ Chánh, Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban Hướng dẫn Phật tử TW; Thượng tọa Bửu Chánh Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban Hoằng pháp TW; Thượng tọa Pháp Chất, Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban nghi lễ TW; Đại đức Thiện Minh, Ủy viên HĐTS. GHPGVN, Phó ban Từ thiện TW; Thượng tọa Thích Trí, Phó ban Trị sự Phật giáo tỉnh Bình Phước. Đặc biệt, trong buổi lễ có ông Huỳnh Ngọc Thành, Phó giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo TP. HCM; ông Lê Hoàng Dân, Trưởng phòng Phật giáo Ban Tôn Giáo TP. HCM; bà Vương Thị Bông Phó phòng Tôn giáo Q. Thủ Đức v.v... cùng tham dự có khoảng 600 chư Tôn đức Tăng, Tu nữ trụ trì và đại diện các chùa Phật giáo Nam Tông TP. HCM và các tỉnh thành lân cận, có khoảng hơn 3000 Phật tử tham dự.

Trong buổi lễ, Hòa thượng Thích Thiện Tâm, Trưởng ban tổ chức phát biểu khai mạc, Đại đức Thiện Minh báo cáo sinh hoạt An cư Kiết hạ, Hòa thượng Thích Trí Quảng nói chuyện chuyên đề đến đại chúng tham dự với chủ đề Đoàn kết hòa hợp là sức mạnh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thượng tọa Pháp Chất phát biểu bế mạc.

Sau đại lễ sinh hoạt An cư Kiết hạ là lễ cúng dường Vu lan - Báo hiếu và lễ cúng dường bát hội cho gần 1000 Tăng Ni tham dự lễ. Buổi lễ kết thúc lúc 12 giờ trong niềm hoan hỷ của đại chúng. ■



# Chư Tăng Phật Giáo Nam Tông Kính Viếng HT. Thích Minh Châu tân viên tịch

PV PGNT

Hãy tin Hòa thượng Trưởng lão Thích Minh Châu nhà phiên dịch kinh điển Pāli viên tịch, chiều ngày 4 tháng 9 năm 2012, Chư tăng, Tu nữ và Phật tử hệ phái Nam tông khoảng gần 300 người do Hòa thượng Thích Thiện Tâm Ủy viên Thường trực HĐTS. GHPGVN, Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm Trưởng đoàn và Hòa thượng Viên Minh Trưởng ban Phật giáo Nam Tông - Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm Phó đoàn đến thắp nén tâm hương và khai mở khóa kinh Pāli tưởng niệm cố Trưởng lão HT. Thích Minh Châu cao đẳng Phật quốc. Đồng thời, phúng điếu, chia buồn, ghi sổ tang lưu niệm Ban tổ chức Tang lễ và môn đệ pháp quyến. Được biết đoàn Phật giáo Nam Tông viếng giác linh Hòa thượng có số lượng đông nhất trong các đoàn đến viếng. ■





# Khóa tu Niệm Phật lần thứ 20 tại Thiền viện Thiện Minh

PV PGNT



**N**gày 20/7/năm Nhâm Thìn, tại Thiền viện Thiện Minh, xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tổ chức khóa tu niệm Phật lần thứ 20. Trong khóa tu, có phát 100 phần quà từ thiện (khoảng 25 triệu), 6 xuất học bổng (6 triệu) cho đồng bào và học sinh nghèo ở địa phương. Trong buổi phát quà từ thiện có TT. Thiện Phúc, TTTS. Thiện Minh và chư tăng Thiền viện Thiện Minh tham dự. Về phía Chính quyền có ông Tổng Phước Trung - Chủ tịch UBND xã Bình Hòa Phước - tham dự và ba giáo viên đại diện cho trường THCS Bình Hòa Phước, trường Tiểu học Hòa Ninh đến dự lễ và nhận học bổng do Thiền viện Thiện Minh trao tặng. Quà từ thiện và học bổng do gia đình anh Thêm, chị Lệ - ở Việt Nam, chị Hoàng Anh - ở Úc châu, Minh Hiếu và Ngọc Tâm - ở Việt Nam tài trợ.

Đặc biệt, trong khóa tu lần này cũng nằm trong tháng Vu Lan mùa báo hiếu nên BTC Thiền viện Thiện Minh tổ chức lễ chúc thọ cho 100 cụ già (từ 70 tuổi trở lên) ở tại địa phương. Đồng thời, phát 100 phần quà cho những người được chúc thọ. Buổi lễ chúc thọ diễn ra trong không khí vô cùng cảm động dưới sự chứng minh của chư Tăng, Tu nữ và Phật tử tham dự.

Được biết, tối đêm 19/7 âl, BTC Thiền viện có mời đoàn hát Thanh Nga đến biểu diễn vở cải lương "Nhân quả ba đời" để bà con cô bác ở địa phương xem. Vở cải lương có nội dung tư tưởng Phật giáo. Mặc dù trời mưa bão nhưng bà con cũng đến tham dự hơn 500 người.

Xin ghi nhận tấm lòng tốt của Phật tử Minh Hiếu - Ái nữ ông Tổng Giám đốc KDLVH Suối Tiên - đã tài trợ chi phí cho đoàn hát Thanh Nga về phục vụ bà con. ■



Tân BTS THPG BR-VT nhiệm kỳ 2012-2017

## Đại hội Phật giáo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lần thứ V

PV PGNT

**S**áng ngày 16-8, gần 750 đại biểu đã đến tham dự Đại hội đại biểu Phật giáo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lần thứ V (nhiệm kỳ 2012-2017) tại Trung tâm Văn hóa tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Quang lâm chứng minh và tham dự Đại hội có HT.Thích Giác Tường, Thành viên HĐCM GHPGVN; HT.Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS; HT.Thích Thiện Tánh, Ủy viên Kiểm soát HĐTS; HT.Thích Thiện Pháp, Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng II TƯGH; HT.Thích Huệ Trí, Ủy viên Pháp chế, Phó Văn phòng II TƯGH; HT.Thích Thiện Thống, Ủy viên Thư ký HĐTS, Phó Văn phòng II TƯGH; HT.Thích Đạt Đạo, Ủy viên Thường trực HĐTS; HT.Thích Thiện Tâm, Ủy viên Thường trực HĐTS; HT.Thích Tịnh Hạnh, HT.Thích Nhật Quang, Ủy viên HĐTS; HT.Thích Quảng Hiển, Phó BTS THPG kiêm Trưởng ban Tổ chức...; chư tôn đức BTS THPG tỉnh BR-VT và các tỉnh thành: Long An, Bạc Liêu, Đồng Nai, Tây Ninh, Bình Dương, Cà Mau, Sóc Trăng cùng đông đảo Tăng Ni, Phật tử đại diện các tự viện trong toàn tỉnh BR-VT.

Đến dự còn có ông Lê Thanh Dũng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; ông Phạm Hòa, Chủ tịch UBMTTQ tỉnh; bà Nguyễn Thị Yến, Trưởng ban Dân vận tỉnh; bà Nguyễn Thị Oanh, Phó ban Dân vận tỉnh; ông Nguyễn Văn Ngon, Trưởng ban Tôn giáo tỉnh cùng đại diện các ban ngành, đoàn thể tỉnh và TP. Vũng Tàu...

Toàn thể đại biểu Phật giáo tỉnh BR-VT thông qua Nghị quyết gồm 9 điểm vào lúc 11g30. Đại hội khép lại với niềm tin Nghị quyết sẽ được lãnh đạo BTS THPG BR-VT hướng dẫn, phổ biến sâu rộng trong đời sống tu học của Tăng Ni, Phật tử trong toàn tỉnh. Đại hội suy cử HT. Thích Quảng Hiển giữ chức Trưởng ban Trị sự. Đặc biệt PGNT dịp này được đại hội suy cử 3 vị tham gia Phó ban Trị sự PG tỉnh BRVT đó là TT. Giác Trí (phụ trách Nam tông), TT. Quách Thành Sattha và TT. Minh Hạnh. ■



**Hòa thượng HỒ TÔNG**  
(1893 - 1981)

Se tổ Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam  
Nguyên Tổng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam



**Hòa thượng GIỚI NGHIÊM**  
(1922 - 1984)

Nguyên Tổng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam  
Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự TĐ Giáo hội Phật giáo Việt Nam



**Hòa thượng THIÊN THẮNG**  
(1923 - 1993)

Chứng minh Đức Tổ sư Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh



**Hòa thượng THIÊN LUẬT**  
(1886 - 1969)

Nguyên Phó Tổng thống Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam  
Nguyên Phó Tổng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất

## Tưởng niệm Chư Hòa thượng Phật giáo Nguyên Thủy viên tịch

**PV PGNT**

**V**ừa qua, Chư Tăng Phật giáo Nam Tông long trọng tổ chức lễ tưởng niệm Chư tôn Hòa thượng Trưởng lão Phật giáo Nguyên Thủy đã viên tịch:

- Ngày mùng 7 tháng 7 năm Nhâm Thìn, tại chùa Từ Quang, Q. Gò Vấp do Đại đức Minh Đức quản lý đã tổ chức lễ tưởng niệm lần thứ 19, ngày cố Hòa thượng Thiên Thắng viên tịch. Hòa thượng Trưởng lão Thiên Thắng, sanh năm 1923 (Quý Hợi), thế danh Lê Văn Nhỏ, sanh tại tỉnh Tây Ninh. Xuất gia năm 1954, tại chùa Giác Quang, Q.8, TP. HCM, Bổn sư truyền giới Hòa thượng Suvanakhippanno. Năm 1976, Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam cử ngài đi hoằng pháp ở chùa Tam Bảo - Đà Nẵng. Năm 1978, Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam suy cử ngài trụ trì chùa Từ Quang, Q. Gò Vấp. Năm 1976 - 1988, Ngài là Ủy viên kiêm kiểm soát cố vấn Hệ phái Phật giáo Nam Tông. Năm 1989, ngài làm cố vấn - Trợ lý cho Hòa thượng Siêu Việt. Năm 1993, ngài là thành viên Ban chứng minh của Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. HCM. Vu lan - Báo hiếu 1993, ngài viên tịch lúc 6 giờ 30 sáng ngày 7 tháng 7 năm Quý Dậu, nhằm 24 tháng 8 năm 1993, thọ 71 tuổi.

- Ngày mùng 9 tháng 7 năm Nhâm Thìn, tại chùa Pháp Quang, Q. Bình Thạnh do Hòa thượng Minh Giác chủ trì đã tổ chức lễ tưởng niệm lần thứ 43, ngày cố đại Trưởng lão Thiên Luật viên tịch. Hòa thượng Trưởng lão Thiên Luật là đệ nhất cao Tăng Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam, Thành viên sáng

lập - Phó Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam (1957), Phó Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (1963-1969), Viện chủ chùa Pháp Quang - Q. Bình Thạnh, TP. HCM.

- Ngày 13 tháng 7 năm Nhâm Thìn, tại chùa Phật Bảo, Q. Tân Bình do Đại đức Quang Minh chủ trì đã tổ chức lễ tưởng niệm lần thứ 28 ngày cố Trưởng lão Hòa thượng Giới Nghiêm viên tịch. Trưởng lão Hòa thượng Giới Nghiêm là sáng lập viên - Phó thư ký Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam (1957); Từ 1964 - 1981 Tăng thống Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam. Phó Pháp chủ kiêm Phó chủ tịch HĐCM - HĐTS. GHPGVN; Phó đoàn Phật giáo Việt Nam, kiêm Thầy Hòa thượng tái xuất gia cho 7 Sư sãi Campuchia (1979); Viện chủ chùa Phật Bảo - Q. Tân Bình, chùa Tam Bảo - Đà Nẵng, chùa Tăng Quang - Huế, chùa Tam Bảo - TP. Vũng Tàu v.v...

- Ngài 26 tháng 7 năm Nhâm Thìn, tại chùa Bửu Long, Q. 9 do Hòa thượng Viên Minh chủ trì đã tổ chức lễ tưởng niệm lần thứ 31 ngày cố Trưởng lão Hòa thượng Hộ Tông viên tịch. Trưởng lão Hòa thượng Hộ Tông là Sơ tổ Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam; Vị tăng thống đầu tiên của Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam; Trưởng ban Dịch thuật Kinh điển Phật giáo Nguyên thủy (1938); Viện chủ chùa Sùng Phước (Campuchia), chùa Bửu Quang (Q. Thủ Đức), Viện chủ chùa Kỳ Viên (Q. 3), chùa Bồ Đề (TP. Vũng Tàu), Viện chủ chùa Định Quang (Lâm Đồng), chùa Nguyên Thủy (Q. 2) v.v... ■

# Trường Trung cấp Pali Nam bộ khai giảng năm học mới

Khemrinh



**N**gày 5-9, Trường Bồ tát Văn hoá (BTVH) Pāli Trung cấp Nam bộ đã tổ chức khai giảng năm học mới 2012-2013.

Đến dự có ông Phạm Văn Thới, Quyền vụ trưởng Vụ địa phương III (Ủy ban Dân tộc Chính phủ), cùng các đại biểu là lãnh đạo Sở Nội vụ, Ban Dân tộc, Ban Tôn giáo, UBMTTQ VN tỉnh và gần 300 cán bộ giáo viên, Tăng sinh của trường.

Trường BTVH Pāli Trung cấp Nam bộ thuộc loại hình hệ thống giáo dục quốc dân. Với nhiệm vụ vừa dạy các môn theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hệ Giáo dục thường xuyên (cấp THCS và THPT), nhà trường còn dạy các môn ngữ văn Khmer và tiếng Pāli trình độ trung cấp cho chư Tăng sinh đến từ các chùa Khmer trong khu vực ĐBSCL.

Trong năm học vừa qua, toàn trường có 20 học viên xếp loại giỏi, 93 tiên tiến và 130 đạt loại chuyên cần, không có loại yếu, kém. Đồng thời, trong kỳ thi nhiệm ý môn tiếng Khmer lớp 9 đạt 28/30 (tỷ lệ 93%); thi nhiệm ý môn tiếng Khmer lớp 12 đạt 34/34 (tỷ lệ 100%); thi tốt nghiệp tiếng Pāli trung cấp đạt 25/27 (tỷ lệ 93%). Đặc biệt, trong kỳ thi tốt nghiệp THPT (Hệ GDTX), trường có 53/50 thí sinh đỗ tốt nghiệp (tỷ lệ 94,3%).

Năm học 2012-2013, trường đã tiếp nhận 87 học viên, nâng tổng số học viên của trường lên 170 vị. ■

# Khai mạc triển lãm tượng Thánh Tăng Sivali tại TV Phước Sơn

Hoa Sen Gió



**T**ừ ngày 28/08 - 03/09/2012, hòa chung niềm vui nhân mùa đại lễ Vu Lan và tưởng niệm 42 năm thành lập Thiền Viện Phước Sơn do cố hòa thượng Giới Nghiêm khai sáng. Đây đủ nhân duyên đã diễn ra khai mạc tuần lễ triển lãm tượng ngọc Thánh Tăng SIVALI.

Được biết, tượng ngọc Thánh Tăng SIVALI (Ngài Thánh Tăng SIVALI là một trong mười đại đệ tử của Đức Phật) là pho tượng Thánh đầu tiên tại Việt Nam. Đại đức Pháp Định có ý tưởng tạc tượng vị thánh tài lộc này nhằm tri ân - báo ân (Tứ Trọng Ân) và mong tất cả đều có tài lộc về Trí lẩn Đức.

Sau khi hết thời gian triển lãm tại tỉnh Đồng Nai, theo danh sách đăng ký, tượng ngọc sẽ được di chuyển đến các tỉnh miền tây.

Để biết rõ hành trình triển lãm tượng ngọc Thánh Tăng SIVALI, xin vui lòng liên hệ Sư Pháp Định qua số điện thoại: 0122.252.7771 - 0934.254.354. ■



# DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 23

01	Thích Ca Phật Đàì	100 quyển
02	Gđ. Vũ Anh Tuấn	50 quyển
03	Gđ Bác sĩ Phạm Lê An	50 quyển
04	Gđ Trần Lê Khanh	10 quyển
05	Gđ Nguyên Hương Tân	10 quyển
06	Gđ Lý Ngọc Châu	10 quyển
07	Gđ Trần Thị Hoan- Pd. Nguyên Hương	10 quyển
08	Gđ. Đặng Đức Tiệp	10 quyển
09	Gđ. Tịnh Quý	10 quyển
10	Nguyễn Thị Thúy Hằng	10 quyển
11	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	50 quyển
12	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
13	Huỳnh Thị Mẫn	50 quyển
14	GĐ Nguyễn Ngọc Anh Thy	10 quyển
15	GĐ TN Quang Lộc - Hà Thế Hưng	100 quyển
16	Gđ Cô Định (Vũng Tàu)	50 quyển
17	Huỳnh Thị Thanh Hiền	25 quyển
18	PT Thiên viện Bồ Đề - Vũng Tàu	103 quyển
19	Gđ TN. Diệu Liên	20 quyển
20	TN. Quang Khanh	06 quyển
21	Chú Hùng	01 quyển
22	TN. Quang Hồng	10 quyển
23	Cô Lan, Cô Tư, Cô Khanh	03 quyển
24	GĐ Nguyễn Kim Qui	05 quyển
25	Chú Hội cô Lại	30 quyển
26	Bé Phương Khánh- Nhật Minh	05 quyển
27	Bà Ngô Thị Long- Bạch Tuyết	03 quyển
28	GĐ Mười Trang	10 quyển
29	Cô Mai	10 quyển

30	TN. Pháp Truyền	03 quyển
31	TN. Quang Hỷ	01 quyển
32	Gđ. Lê Thanh Dũng	03 quyển
33	Gđ. Nguyễn Đắc	03 quyển
34	GĐ Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
35	GĐ Đỗ Đăng	10 quyển
36	Gđ. Đỗ Văn Nghĩa	05 quyển
37	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
38	Gđ Phạm Minh Hùng	10 quyển
39	Quang Điệp	01 quyển
40	Huỳnh Văn Nam	01 quyển
41	Sư Minh Nhân	05 quyển
42	Gđ Trí Thọ	25 quyển
42	Gđ Nguyễn Bá Việt	05 quyển
44	Gđ Hà Thị Huyền	05 quyển
45	Gđ Nguyễn Kim Hoàng	10 quyển
46	Gia đình Hoàng Anh	15 quyển
47	Gđ Đỗ Thị Lan - Thu Hường	03 quyển
48	TN. Nhật Hạnh	03 quyển
49	Gđ Tôn Kế - Dũng - Kim Xuân	03 quyển
50	Gđ Văng Thị Lan	03 quyển
51	Gđ Kim Ngân - 1 Phật tử	02 quyển
52	Gđ Diệu Bích	05 quyển
53	Gđ Hà Thị Kim - Văn Thanh	03 quyển
54	TN. Quang Thiện	03 quyển
55	Gđ Tuyết Mai - Hồng Ngọc	02 quyển
56	Gđ Nguyễn Thị Dậu	01 quyển
57	Gđ Kim Lan - Hải	02 quyển
58	Gđ Vũ Thị Sơn - Hưng	03 quyển
59	Gđ Thanh Hiếu - Nga - Vinh	03 quyển
60	Gđ Thúy - Diễm	01 quyển

giá: 20.000 đồng